

Số: 09 /BC-BTC

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình kinh tế - xã hội năm 2025; tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 và Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 31/5/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH và dự toán NSNN năm 2025

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ chương trình Hội nghị, Bộ Tài chính báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội (KTXH) năm 2025; tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025, số 154/NQ-CP ngày 31/5/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH và dự toán NSNN năm 2025 như sau:

I. BỐI CẢNH**1. Bối cảnh quốc tế**

Năm 2025, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, nhiều khó khăn, thách thức lớn. Cạnh tranh chiến lược, căng thẳng thương mại, chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ, xung đột quân sự, bất ổn chính trị tại một số quốc gia, khu vực Trung Đông, ASEAN, Đông Á..., tác động sâu sắc đến sự phát triển của các quốc gia, khu vực. Chính sách thuế quan của Hoa Kỳ đã ngay lập tức ảnh hưởng sâu sắc đến môi trường đầu tư, kinh doanh toàn cầu. Nhiều nền kinh tế lớn có xu hướng giảm lãi suất, giảm bớt thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng chi tiêu công để hỗ trợ cho tăng trưởng; gia tăng hàng rào bảo hộ thương mại để bảo vệ sản xuất trong nước. Dự báo kinh tế thế giới tăng chậm lại so với năm 2024¹, nợ công toàn cầu và nhiều nước tăng cao²; lạm phát tại nhiều quốc gia vẫn ở mức cao; biến động chính sách tiền tệ, tỷ giá; thị trường toàn cầu bị thu hẹp và rủi ro gia tăng. Dòng vốn đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng dịch chuyển phức tạp, đặt ra những vấn đề mới trong việc đa dạng hóa thị trường, chuỗi cung ứng, tăng khả năng chuyển đổi thị trường, chuyển đổi sản xuất, thích ứng nhanh, linh hoạt của doanh nghiệp, nền kinh tế; yêu cầu ngày càng cao về việc tuân thủ các quy định về xuất xứ hàng hóa, chất lượng sản phẩm.

Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi xanh liên tục có những bước phát triển đột phá, ngày càng trở thành xu thế phát triển, động lực quan trọng để nâng cao sức cạnh tranh, năng suất lao động của các quốc gia; tác động sâu rộng, căn bản đến mọi mặt kinh tế, xã hội. Đây vừa là cơ hội, nhưng cũng là thách thức lớn đối với các nước đang phát triển, yêu cầu phải có những chính sách mạnh mẽ, đột phá để “bắt kịp, tiến cùng” với thế giới và khu vực. Dịch

¹ Dự báo tăng trưởng thế giới năm 2025: OECD (6/2025): 2,9% (giảm 0,2% so với dự báo tháng 3); WB (6/2025): 2,3% (giảm 0,4% so với dự báo tháng 01).

² Theo Báo cáo giám sát tài chính của IMF, khoảng 1/3 quốc gia, chiếm 80% GDP toàn cầu có nợ công cao hơn trước đại dịch và đang gia tăng với tốc độ nhanh hơn, nợ công toàn cầu có thể tăng lên 100% GDP vào năm 2030.

bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan diễn biến khó lường, trái quy luật, cùng với các vấn đề an ninh phi truyền thống tác động lớn đến các quốc gia.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương tiếp tục là trung tâm phát triển năng động của thế giới, với tiềm năng lớn về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn lực tri thức, nhưng cũng đối mặt với nhiều rủi ro, bất ổn gia tăng.

2. Bối cảnh trong nước

Trong nước, mặc dù ngay từ khi xây dựng kế hoạch phát triển KTXH, Đảng, Nhà nước đã xác định năm 2025 là năm có rất nhiều khó khăn, thách thức và khó lường từ bên ngoài, nhưng phạm vi, mức độ liên tiếp, tác động dồn dập của các diễn biến mới trên thế giới đã ảnh hưởng khá sâu rộng tới việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH đã được đề ra từ đầu năm. Trong những tháng cuối năm, nền kinh tế chịu “tác động kép” từ các yếu tố bất lợi bên ngoài và tình hình thiên tai, bão lũ hết sức phức tạp, khó lường; tình trạng “bão chồng bão, lũ chồng lũ” hiếm thấy, gây ra lũ lụt vượt mức lịch sử trên diện rộng, đã ảnh hưởng nặng nề đến đời sống Nhân dân, phát triển KTXH của các địa phương và cả nước nói chung.

Yêu cầu đặt ra là rất lớn, vừa phải phản ứng linh hoạt, kịp thời, hiệu quả trước những tác động bên ngoài; vừa phải khắc phục những hạn chế, bất cập nội tại kéo dài nhiều năm; đồng thời phải dành nhiều thời gian, công sức, nguồn lực giải quyết những nhiệm vụ, vấn đề mới đột xuất, phát sinh, thực hiện hiệu quả “cuộc cách mạng” về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và xây dựng, triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sáng suốt, kịp thời, sâu sát của Đảng, mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm; sự giám sát, đồng hành, phối hợp của Quốc hội và sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, với tinh thần “Đảng đã chỉ đạo, Chính phủ đã thống nhất, Quốc hội đồng tình, Nhân dân ủng hộ, Tổ quốc mong đợi thì chỉ bàn làm, không bàn lùi”; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã bám sát tình hình thực tiễn, tập trung chỉ đạo triển khai quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, nhất là 3 đột phá chiến lược, 6 nhiệm vụ trọng tâm, 12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, cùng các quyết sách “*biến nguy thành cơ*”, “*xoay chuyển tình thế, chuyển đổi trạng thái*”. Trong năm 2025, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 377 Nghị định, 536 Nghị quyết, 3.134 Quyết định và 280 Chỉ thị, Công điện để hoàn thiện thể chế, pháp luật; điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng năm 2025 từ 8% trở lên và tập trung ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, nỗ lực bứt phá về đích các nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2025 và 05 năm 2021-2025; tăng thu, tiết kiệm chi; đầu tư công có trọng tâm, trọng điểm. Tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật; quyết liệt triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; xây dựng và tổ chức thực hiện các Nghị quyết đột phá của Bộ Chính trị, đáp ứng yêu cầu phát triển mới; thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; chủ động ứng phó kịp thời, hiệu quả

với chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ³; tiếp tục chú trọng phát triển văn hoá, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, đời sống nhân dân; phòng, chống thiên tai, bão lũ, hỗ trợ người dân nhanh chóng ổn định tình hình, khôi phục sản xuất kinh doanh. Tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh; mở rộng đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế, tạo môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển.

Đồng thời, tập trung chuẩn bị tài liệu phục vụ Hội nghị Trung ương, kỳ họp Quốc hội; xây dựng, trình Bộ Chính trị ban hành và tổ chức triển khai quyết liệt những quyết sách mang tính lịch sử trong các lĩnh vực then chốt; xây dựng, ban hành các chương trình hành động, cơ chế, chính sách đặc thù triển khai các Nghị quyết của Bộ Chính trị về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hội nhập quốc tế; xây dựng và thực thi pháp luật; phát triển kinh tế tư nhân; năng lượng; giáo dục và đào tạo; y tế (đang tiếp tục trình Bộ Chính trị ban hành các nghị quyết về phát triển kinh tế nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, văn hóa...).

Các bộ, cơ quan và địa phương cũng đã xây dựng, ban hành Chương trình/Kế hoạch hành động để cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao tại các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ và nỗ lực triển khai, hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của các ngành, lĩnh vực tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, số 154/NQ-CP năm 2025; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2025

Nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, toàn dân, toàn quân và doanh nghiệp, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tình hình KTXH nước ta ước cả năm 2025 cơ bản đạt được mục tiêu tổng quát và nhiều kết quả quan trọng trong nhiều lĩnh vực, đạt và vượt **15/15** chỉ tiêu chủ yếu⁴; cụ thể một số kết quả nổi bật như sau:

1. Công tác hoàn thiện, tháo gỡ các rào cản, điểm nghẽn về thể chế, pháp luật được triển khai quyết liệt, đạt nhiều kết quả nổi bật, góp phần khơi thông mọi nguồn lực cho phát triển, tạo chuyển biến rõ nét về môi trường đầu tư kinh doanh

a) Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo quyết liệt, dành nhiều thời gian, nguồn lực cho công tác hoàn thiện thể chế, pháp luật theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị; kịp thời thể chế hóa các Nghị quyết của Bộ Chính trị với tư duy, quan điểm, cách thức, cách làm mới trong xây dựng, tổ chức thực thi gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền.

Xác định công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên hàng đầu, là “đột phá của đột phá”, tư duy xây dựng pháp

³ Ngay sau khi Hoa Kỳ công bố mức thuế đối ứng mới (02/4/2025), Tổng Bí thư Tô Lâm đã điện đàm và có thư gửi Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump; cử Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phúc làm đặc phái viên của Tổng Bí thư sang làm việc với Hoa Kỳ. Thủ tướng Chính phủ thành lập Tổ công tác về tăng cường hợp tác, chủ động thích ứng với điều chỉnh chính sách kinh tế, thương mại của Hoa Kỳ do Phó Thủ tướng Chính phủ Bùi Thanh Sơn làm Tổ trưởng. Sau khi Hoa Kỳ công bố lùi thời gian áp thuế đối ứng và thống nhất khởi động đàm phán với Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ thành lập Đoàn đàm phán Chính phủ do Bộ trưởng Bộ Công Thương làm Trưởng đoàn và chỉ đạo đàm phán. Vào đầu tháng 8/2025, Việt Nam đã đạt được thỏa thuận ban đầu với Hoa Kỳ, giảm mức thuế đối ứng đối với hàng hóa Việt Nam từ 46% xuống còn 20%. Hai bên cam kết sẽ tiếp tục thảo luận để hoàn thiện thỏa thuận thương mại trong thời gian tới trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi.

⁴ Chỉ tiêu tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến ngày 30/6/2025 ước đạt 79,3%, cơ bản đạt mục tiêu (80,5-81,5%) theo Nghị quyết số 158/2024/QH15 của Quốc hội.

luật được đổi mới cơ bản, các “điểm nghẽn”, “nút thắt” về pháp luật được nhận diện cụ thể và từng bước được tháo gỡ. Trong năm 2025 đã trình Bộ Chính trị ban hành và tổ chức triển khai hiệu quả nhiều nghị quyết mang tính đột phá về đường lối, thể chế, chính sách⁵. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tập trung chỉ đạo, hoàn thành khối lượng công việc chưa từng có tiền lệ để thể chế hóa toàn diện, đầy đủ, kịp thời các chiến lược, định hướng lớn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, thực hiện 3 đột phá chiến lược, các Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị về phát triển khoa học công nghệ, kinh tế tư nhân, xây dựng và thi hành pháp luật, hội nhập quốc tế, phát triển giáo dục và đào tạo, an ninh năng lượng, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Năm 2025, Chính phủ trình Quốc hội thông qua 99 Luật, dự thảo Nghị quyết của Quốc hội, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua 13 Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ban hành 377 Nghị định, nhiều nhất từ trước đến nay và 06 Nghị quyết để xử lý khó khăn, vướng mắc trong các quy định của pháp luật có nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội theo Nghị quyết số 206/2025/QH15⁶ để tháo gỡ các điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực, thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và các Nghị quyết đột phá của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, xây dựng và hoàn thiện thể chế, pháp luật, phát triển kinh tế tư nhân, đảm bảo an ninh năng lượng, phát triển giáo dục – đào tạo, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.... Trong nhiệm kỳ này, Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng, trình Quốc hội thông qua trên 178 luật, pháp lệnh, nghị quyết, nhiều nhất trong một nhiệm kỳ từ trước đến nay; ban hành theo thẩm quyền 936 nghị định.

Qua đó, đã thể chế hoá kịp thời, hiệu quả các nghị quyết của Đảng; xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh do sắp xếp bộ máy liên quan chính quyền địa phương 02 cấp; tăng cường phân cấp, phân quyền; quyết liệt đơn giản hoá, cắt giảm thủ tục hành chính cũng như khơi thông nguồn lực, tháo gỡ một số điểm nghẽn về pháp luật để thực hiện mục tiêu trong năm 2025 tập trung thúc đẩy tăng trưởng đạt 8% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; phát triển hài hòa giữa kinh tế với xã hội và bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh; tạo tiền đề để tăng trưởng cao hơn trong các năm sau; phát triển nhanh và bền vững đất nước, củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý xã hội của Nhà nước trong Kỳ nguyên phát triển mới.

Công tác thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được chỉ đạo thực hiện khẩn trương, chú trọng nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ, nhất là thẩm định đối với “chùm” văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền phục vụ cuộc “cách mạng” về

⁵ Gồm các Nghị quyết của Bộ Chính trị: (1) Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024); (2) Hội nhập quốc tế (số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025); (3) Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025); (4) Phát triển kinh tế tư nhân (số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025); (5) Bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025); (6) Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025); (7) Một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân (số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025).

⁶ Gồm: Lập mới, điều chỉnh và phê duyệt quy hoạch phân khu; Điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; Triển khai các dự án trong thời gian quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 – 2030 chưa được phê duyệt; Tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và khoáng sản; Sử dụng nguồn tăng thu NSTW năm trước bổ sung dự phòng NSTW năm sau; Giao quyền phê duyệt một số nội dung trong hoạt động dầu khí.

ting gọn bộ máy, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp, xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và các Nghị quyết của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội. Việc lập danh mục, phân công, soạn thảo văn bản quy định chi tiết và ban hành kế hoạch triển khai thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết được thực hiện bài bản; việc theo dõi, đôn đốc và kiểm tra tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết được thực hiện thường xuyên, góp phần giảm thiểu đáng kể tình trạng nợ đọng văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh, bảo đảm các dự án luật, pháp lệnh đi vào thực tiễn cuộc sống ngay khi có hiệu lực thi hành.

Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành tích cực tham mưu, thực hiện đầy đủ chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật; duy trì hiệu quả hoạt động Ban Chỉ đạo rà soát và tổ chức thực hiện việc xử lý vướng mắc trong hệ thống pháp luật. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Ứng dụng công nghệ số trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật”, trong đó hoàn thành xây dựng và vận hành chính thức Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật.

Công tác theo dõi, tổ chức thi hành pháp luật, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật được tăng cường, có nhiều đổi mới. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Đề án “Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025-2030”; chỉ đạo xây dựng, vận hành Công Pháp luật quốc gia, ứng dụng “AI pháp luật” để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp trong kỷ nguyên số. Công tác trợ giúp, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp tục được triển khai tích cực, kịp thời giải đáp vướng mắc, hỗ trợ phòng chống rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp⁷.

Công tác thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính được triển khai quyết liệt, bài bản, có nhiều đổi mới mang tính đột phá như triển khai vận hành mô hình cơ quan thi hành án dân sự một cấp ở địa phương từ ngày 01/7/2025, bám sát định hướng, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực thi hành án dân sự. Kết quả công tác thi hành án duy trì ổn định, tăng trưởng tích cực, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được Quốc hội, Chính phủ giao⁸.

Công tác hành chính tư pháp được triển khai chủ động, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính và phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Đề án “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc” tiếp tục được triển khai và đạt nhiều kết quả nổi bật, đến nay có tổng số hơn 401 triệu bản ghi dữ liệu đã được chuyển đổi thành công sang hệ thống mới, đạt tỷ lệ 100%. Quản lý nhà nước trong các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp tiếp tục được tăng cường, số lượng người hành nghề và mạng lưới các tổ chức hành nghề hỗ trợ tư pháp tiếp tục phát triển, ngày càng chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản yêu cầu dịch vụ hỗ trợ tư pháp của cá nhân, tổ chức trong xã hội.

Việc phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong hội nhập quốc tế được thực hiện tốt. Các chương trình hỗ trợ pháp lý

⁷ Từ 01/01/2025 đến 19/12/2025, các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý trên toàn quốc cả nước đã thụ lý: 28.199 vụ việc và đã kết thúc 25.936 vụ việc trợ giúp pháp lý.

⁸ Tổng số việc phải thi hành: 1.063.030 việc (tăng 4,04% so với cùng kỳ năm 2024). Đã thi hành xong 576.884 việc, đạt tỉ lệ 84,27%. Tổng số tiền phải thi hành: hơn 683.817 tỷ đồng (tăng 38,17% so với cùng kỳ năm 2024). Đã thi hành xong hơn 150.060 tỷ đồng, đạt tỉ lệ 56,62%.

doanh nhân cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh đang được triển khai xây dựng.

b) Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ban chỉ đạo của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính và phân cấp, phân quyền; ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu trong năm 2025 cắt giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, 30% điều kiện kinh doanh; triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia trở thành điểm “một cửa số” tập trung, duy nhất và nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính để đáp ứng yêu cầu số hóa, không phụ thuộc địa giới hành chính.

Chính phủ đã ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026⁹; đồng thời Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quyết liệt chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến sản xuất, kinh doanh và quản lý dân cư; chỉ đạo kiện toàn tổ chức và hoạt động Bộ phận Một cửa các cấp để nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính. Đến nay, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, cơ quan ngang bộ theo thẩm quyền đã phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa dự kiến 3.085/4.888 thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh (đạt 63,1%); cắt giảm 2.371/6.974 điều kiện kinh doanh thuộc ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (đạt 33,9%); thời gian giải quyết thủ tục hành chính dự kiến cắt giảm là 29.308 ngày/89.721 ngày (đạt 32,7%) và cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính khoảng 48,6/120 nghìn tỷ đồng/năm (đạt 40,5%)¹⁰.

Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia (Đề án 06)... từng bước được triển khai quyết liệt, đạt được kết quả tích cực, là điểm sáng trong chuyển đổi số. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia đã được hoàn thiện, hiện nay đã kết nối với hệ thống của 90 cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và kết nối 103 bộ, ngành, địa phương, cơ quan tổ chức ở Trung ương.

2. Tăng trưởng kinh tế cao, đạt mục tiêu đề ra gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát tốt lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế

a) Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt, toàn diện các giải pháp thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng kinh tế ngay từ đầu năm. Bám sát chỉ đạo sát sao, quyết liệt, kịp thời của Tổng Bí thư Tô Lâm, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã trình Trung ương, Quốc hội ban hành Kết luận số 123-KL/TW ngày 24/01/2025 và Nghị quyết số 192/2025/QH15 điều chỉnh Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng 8% trở lên, đồng thời, tập trung theo dõi, đánh giá kết quả triển khai các nhiệm vụ được giao, xử lý vướng mắc, kiến nghị của địa phương; đã ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CP, số 226/NQ-CP giao chỉ tiêu tăng trưởng cụ thể cho từng

⁹ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

¹⁰ Theo báo cáo của Bộ Nội vụ, đến nay thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ, các Bộ, cơ quan đã thực hiện cắt giảm thủ tục hành chính đạt 9,54%, cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đạt 20,41%, cắt giảm điều kiện kinh doanh đạt 3,46%; thực hiện 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, các bộ, cơ quan đã cắt giảm, đơn giản hóa 1.055/1.084 thủ tục hành chính tại 298 văn bản quy phạm pháp luật, đạt 97%; còn 29 thủ tục hành chính tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa tại 14 văn bản quy phạm pháp luật.

ngành, lĩnh vực và từng địa phương, doanh nghiệp nhà nước (DNNN).

Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm; khả năng chống chịu của nền kinh tế nước ta trước các cú sốc bên ngoài ngày càng được nâng lên. Tăng trưởng GDP quý sau cao hơn quý trước¹¹, cả năm 2025 ước đạt 8,02%¹², đạt mục tiêu đề ra, thuộc nhóm dẫn đầu thế giới; bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 6,3%, cao hơn giai đoạn trước (6,2%) (năm 2021 do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, tăng trưởng chỉ đạt 2,55%; giai đoạn 4 năm 2022 - 2025 tăng trưởng bình quân 7,13%/năm, vượt mục tiêu 6,5 - 7%). Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,97%, là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2019-2025¹³, tiếp tục là động lực cho tăng trưởng kinh tế. Quy mô GDP năm 2025 ước đạt 514 tỷ USD, tăng 5 bậc, lên vị trí 32 thế giới; GDP bình quân đầu người ước đạt 5.026 USD, gấp 1,4 lần năm 2020, vào nhóm thu nhập trung bình cao¹⁴, vượt mục tiêu đề ra. Cơ cấu kinh tế và chất lượng tăng trưởng chuyển biến tích cực¹⁵. Ước tính có 20/34 địa phương đạt tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2025 từ 8% trở lên, trong đó 06 địa phương tăng trưởng 2 con số là: Quảng Ninh, Hải Phòng, Ninh Bình, Phú Thọ, Bắc Ninh và Quảng Ngãi¹⁶. Các tổ chức quốc tế uy tín đánh giá cao kết quả chỉ đạo, điều hành, nâng hạng tín nhiệm và triển vọng tăng trưởng của Việt Nam (IMF đánh giá Việt Nam nằm trong top 10 nước tăng trưởng cao nhất thế giới; Standard Chartered dự báo Việt Nam thuộc nhóm 5 nước tăng trưởng nhanh nhất châu Á; Báo cáo B-Ready 2025 của WB đánh giá Việt Nam trong nhóm 21 nền kinh tế có thành tích nổi bật trong năm 2025).

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo sát sao, quyết liệt về việc xây dựng và tổ chức triển khai các giải pháp tổng thể để ứng phó kịp thời, hiệu quả với chính sách thuế quan của Hoa Kỳ; ban hành nhiều Công điện, Chỉ thị, văn bản để chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương nỗ lực thực hiện trong những tháng cuối năm, thúc đẩy các động lực tăng trưởng và 03 khu vực kinh tế, quyết tâm đạt mục tiêu phấn đấu tăng trưởng năm 2025 đạt 8% trở lên.

b) Các động lực tăng trưởng truyền thống tiếp tục được thúc đẩy và làm mới

- Về đầu tư: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2025 ước đạt trên 4,15 triệu tỷ đồng, chiếm 32,3% so với GDP, tăng 12% so với năm 2024; 05 năm ước đạt trên 17,3 triệu tỷ đồng, tăng 44% so với giai đoạn trước, tương đương khoảng 33,2% GDP, đạt mục tiêu 32 – 34% GDP.

¹¹ Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) Quý I tăng 7,05%, Quý II tăng 8,16%, Quý III tăng 8,25%, Quý IV ước tăng 8,46% so với cùng kỳ, đạt mức tăng cao nhất của quý IV các năm trong giai đoạn 2011-2025; trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,70%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,73%; khu vực dịch vụ tăng 8,82%.

¹² Trong đó khu vực nông, lâm, thủy sản tăng 3,78%, công nghiệp - xây dựng tăng 8,95%, dịch vụ tăng 8,62%.

¹³ Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo các năm 2019-2025 so với năm trước lần lượt là: 9,59%; 4,99%; 5,37%; 8,99%; 3,54%; 9,59% và 9,97%.

¹⁴ Năm 2025, thu nhập quốc dân (GNI) bình quân đầu người của Việt Nam đạt khoảng 4.760 USD, vượt ngưỡng thu nhập trung bình cao (theo WB: Ngưỡng trung bình cao là từ 4.466 – 13.845 USD).

¹⁵ Tỷ trọng các khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng từ 78,6% (2020) lên 80,4% (2025); đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế khoảng 47% (vượt mục tiêu là 45%).

¹⁶ Quảng Ninh (11,89%), Hải Phòng (11,81%), Ninh Bình (10,65%), Phú Thọ (10,52%), Bắc Ninh (10,27%), Quảng Ngãi (10,02%).

Tổng vốn FDI đăng ký 12 tháng đạt 38,42 tỷ USD, tăng 0,5% so với năm 2024¹⁷; vốn FDI thực hiện ước khoảng 27,62 tỷ USD (mức cao nhất trong giai đoạn 2021-2025), tăng 9% so với cùng kỳ năm 2024 trong bối cảnh dòng vốn FDI toàn cầu bị thu hẹp, tổng vốn DFI đăng ký giai đoạn 2021-2025 đạt 184,2 tỷ USD, tăng gần 8,4% so với giai đoạn 2016-2020¹⁸, thuộc nhóm 15 nước đang phát triển thu hút FDI lớn nhất thế giới. Việc thu hút được nhiều nhà đầu tư chiến lược, dự án FDI quy mô lớn trong các lĩnh vực điện tử, bán dẫn, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo¹⁹..., thể hiện vai trò ngày càng quan trọng của Việt Nam trong chuỗi cung ứng bán dẫn, sản xuất công nghệ cao toàn cầu, mở ra cơ hội tăng cường thu hút FDI trong lĩnh vực công nghệ cao giai đoạn tới.

Đồng thời, Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1767/NQ-UBTVQH15 ngày 16/7/2025 về việc bổ sung thêm nguồn tăng thu năm 2024 để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án lớn trọng điểm, có tính lan tỏa cao trong năm 2025 và 2026, đưa nguồn lực lớn vào nền kinh tế.

Việc xử lý các dự án tồn đọng kéo dài nhiều năm, nhiều nhiệm kỳ đạt kết quả tích cực²⁰. Ban Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc các dự án tồn đọng (Ban chỉ đạo 751) tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động. Đến nay, đã hướng dẫn, đôn đốc xử lý và định hướng giải pháp tháo gỡ cho 5.203 dự án, đất đai; trong đó 3.289 dự án, đất đai với tổng mức đầu tư khoảng 1,67 triệu tỷ đồng, 70 nghìn ha đã được tháo gỡ khó khăn vướng mắc, tiếp tục triển khai hoàn thành, sớm đưa vào khai thác. Đồng thời, tham mưu Chính phủ trình Quốc hội ban hành Nghị quyết 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về cơ chế mở rộng phạm vi áp dụng Nghị quyết số 170/2024/QH15²¹ ngày 30/11/2024 của Quốc hội để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án có tình huống pháp lý tương tự trên toàn quốc. Đồng thời, 12 dự án, doanh nghiệp thua lỗ và các dự án năng lượng quan trọng tồn đọng kéo dài được giải quyết (như các dự án Nhà máy điện Sông Hậu 1, Long Phú 1, Thái Bình 2, BOT Vân Phong 1, Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn, điện khí Ô Môn, mỏ khí Lô B...) ²².

- *Về tiêu dùng*: Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo quyết liệt nhiều giải pháp để phát triển bền vững thị trường trong nước và thúc đẩy tiêu dùng; ban hành Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 18/6/2025 chỉ đạo các giải pháp về xúc tiến

¹⁷ Trong đó: vốn FDI đăng ký mới đạt trên 17,3 tỷ USD, giảm 12,2%; vốn FDI đăng ký điều chỉnh đạt gần 14,07 tỷ USD, tăng 0,8%; vốn FDI góp vốn, mua cổ phần đạt gần 7,03 tỷ USD, tăng 54,8%.

¹⁸ Giai đoạn 2016 - 2020, tổng vốn FDI đăng ký đạt 170 tỷ USD.

¹⁹ Năm 2025, Goertek dự kiến đầu tư thêm dự án mới tại khu công nghiệp Nam Sơn - Hạp Lĩnh, Bắc Ninh, đưa nhiều chuyên gia nước ngoài cùng thiết bị công nghệ kỹ thuật mới sang Việt Nam; Foxconn triển khai 2 dự án về các sản phẩm thông minh, tổng vốn đầu tư 551 triệu USD tại Quảng Ninh; Amkor đặt kế hoạch tổng vốn đầu tư vào Việt Nam năm 2025 là 850 triệu USD để nâng công suất nhà máy tại Bắc Ninh; Qualcomm mua lại MovianAI thuộc VinAI/Vingroup và thành lập Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển AI tại Hà Nội; LEGO (Đan Mạch) khánh thành nhà máy trị giá 1,3 tỷ USD; tập đoàn SYRE (Thụy Điển) triển khai Dự án trung tâm dệt may toàn cầu tại Bình Định, trị giá 1 tỷ USD; LuxShare-ICT mở rộng dự án điện tử tại Nghệ An.

²⁰ Dự án Nhà máy Điện Sông Hậu 1, Thái Bình 2, BOT Vân Phong, Nghi Sơn 2, điện khí Ô Môn, mỏ khí Lô B, 03 dự án của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam...

²¹ Áp dụng đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra tại 05 địa phương là Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, Đồng Nai, Đà Nẵng.

²² Trong đó, nhiều công trình lớn đi vào hoạt động, vận hành thương mại và cung cấp điện cho nền kinh tế như: Nhà máy Nhiệt điện BOT Nghi Sơn 2 (1.200 MW, năm 2022); Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (1.200 MW, năm 2024); Nhà máy Nhiệt điện BOT Vân Phong 1 (1.320 MW, Khánh Hòa, năm 2024). Cơ cấu lại nguyên liệu, vốn, nhân lực nhà máy lọc dầu Nghi Sơn.

thương mại trong và ngoài nước; chỉ đạo Bộ Công Thương xây dựng và triển khai Chương trình phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng, đẩy mạnh Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam giai đoạn 2025-2027, tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại năm 2025²³.

Nhiều đợt cao điểm truy quét, triệt phá các vụ buôn lậu lớn, sản xuất hàng giả được triển khai, xử lý nghiêm các hành vi nhập lậu, sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng không rõ xuất xứ, đặc biệt tập trung vào các mặt hàng gây ảnh hưởng tới sức khỏe của nhân dân như thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng, sản phẩm từ sữa... Qua đó, đã góp phần củng cố niềm tin người tiêu dùng và bảo vệ doanh nghiệp sản xuất trong nước²⁴.

Lượng khách quốc tế đến Việt Nam tiếp tục tăng trưởng cao nhờ đẩy mạnh xúc tiến và quảng bá du lịch, chính sách thị thực thuận lợi gắn với triển khai các chương trình, sự kiện chào mừng các ngày lễ lớn, đặc biệt là lễ Kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam - Thống nhất đất nước, Kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công, Quốc khánh 2/9. Chính sách cấp thị thực điện tử và miễn thị thực tiếp tục được mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi thu hút du khách quốc tế, số lượng khách đến Việt Nam luôn gia tăng mạnh qua các năm. Việt Nam tiếp tục được vinh danh là “Điểm đến di sản hàng đầu thế giới” và lần thứ 7 liên tiếp được vinh danh là “Điểm đến hàng đầu châu Á” tại Giải thưởng Du lịch Thế giới (World Travel Awards). Khách du lịch quốc tế tới Việt Nam đạt gần 21,17 triệu lượt người, tăng 20,4% so với năm trước, cao nhất từ trước đến nay²⁵.

- *Về xuất khẩu*: Công tác xúc tiến thương mại, mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu tiếp tục được triển khai chủ động, vừa khai thác hiệu quả các thị trường truyền thống, vừa mở rộng sang những thị trường mới, tiềm năng như châu Phi, Đông Âu, Bắc Âu, Tây Á, khai thác và tận dụng hiệu quả các lợi thế từ các FTA đã ký kết. Các bộ, ngành, địa phương đã triển khai giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi sản xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn mới về xanh hóa, giảm phát thải các-bon, chỉ số ESG (Environmental - Social - Governance), phù hợp yêu cầu của thị trường lớn. Công tác phòng vệ thương mại tiếp tục được đẩy mạnh, tăng cường cảnh báo sớm, giúp các doanh nghiệp không bị áp thuế phòng vệ thương mại hoặc bị áp thuế ở mức thấp.

Quy mô thương mại tăng mạnh, từ 545,4 tỷ USD năm 2020 lên mức kỷ lục trên 930 tỷ USD năm 2025, thuộc nhóm 20 quốc gia dẫn đầu thế giới, trong đó: xuất khẩu đạt 475,04 tỷ USD, tăng 17%, nhập khẩu đạt 455,01 tỷ USD, tăng 19,4%, xuất siêu đạt khoảng 20,03 tỷ USD; cả giai đoạn đạt 88,3 tỷ USD, tăng hơn 2 lần giai đoạn trước²⁶. Tăng cường xúc tiến thương mại, đa dạng hóa thị trường, chuỗi cung ứng, phát

²³ Đến nay, hỗ trợ trên 500 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã thông qua Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại năm 2025. Các hội chợ, triển lãm trong nước được tổ chức hiệu quả, bài bản, thu hút trung bình trên 200 doanh nghiệp tham gia trưng bày sản phẩm, hàng hóa tại khoảng 300 gian hàng.

²⁴ Trong năm 2025, đã bắt giữ, xử lý trên 19,1 nghìn vụ vi phạm trong lĩnh vực hải quan, với trị giá hàng hóa vi phạm ước tính khoảng 22,8 nghìn tỷ đồng. Cơ quan hải quan đã khởi tố 22 vụ, chuyển cơ quan khác kiến nghị khởi tố 127 vụ vi phạm.

²⁵ Năm 2021 đạt khoảng 200 nghìn lượt khách quốc tế, năm 2022 đạt 3,7 triệu lượt, năm 2023 đạt 12,6 triệu lượt, năm 2024 đạt 17,6 triệu lượt, năm 2025 ước đạt kỷ lục 21,17 triệu lượt.

²⁶ Xuất siêu năm 2021 đạt 3,2 tỷ USD, năm 2022 đạt 12,4 tỷ USD; năm 2023 đạt 28 tỷ USD, năm 2024 hơn 24,7 tỷ USD, năm 2025 đạt 20,03 tỷ USD.

triển các thị trường mới, tiềm năng, khai thác hiệu quả các FTA đã ký kết; đến nay nước ta có quan hệ thương mại với hơn 230 nền kinh tế, trong đó có 34 thị trường xuất khẩu và 24 thị trường nhập khẩu đạt trên 01 tỷ USD²⁷.

c) Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tính chung cả năm 2025 tăng 3,31%, thấp hơn mục tiêu đề ra²⁸, tính chung cả giai đoạn 2021-2025 duy trì dưới 4%²⁹; nguồn cung, giá cả tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai được kiểm soát. Việc điều hành giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý được thực hiện thận trọng, chủ động xây dựng phương án, lộ trình điều chỉnh giá phù hợp, không để tăng giá đột ngột, cùng thời điểm. Các yếu tố trên thị trường thế giới được theo dõi sát và phân tích, đánh giá đề cập nhật các kịch bản lạm phát làm căn cứ đề xuất các định hướng quản lý, điều hành giá.

d) Điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng chủ động, linh hoạt, kịp thời ứng phó với những diễn biến phức tạp, khó lường của kinh tế, thị trường tài chính - tiền tệ thế giới và trong nước, góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng những vấn đề đảm bảo kiểm soát lạm phát phù hợp với mục tiêu, ổn định thị trường, kinh tế vĩ mô và an toàn, lành mạnh của hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD)

Tín dụng tăng trưởng cao³⁰, mặt bằng lãi suất cho vay tiếp tục giữ ổn định. Nhiều hội nghị, chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp³¹ được tổ chức để thúc đẩy tín dụng ngay từ đầu năm. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo nghiên cứu triển khai lộ trình hạn chế và tiến tới xóa bỏ việc điều hành phân bổ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho từng TCTD; đồng thời đã cho ban hành cơ chế thử nghiệm giải pháp cho vay ngang hàng³², giúp tăng cường mối liên kết giữa các nhà đầu tư, quỹ đầu tư với người tiêu dùng, doanh nghiệp. Tích cực triển khai các chương trình tín dụng hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đầu tư các dự án theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ như: Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực nông, lâm, thủy sản được mở rộng đối tượng từ Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực lâm, thủy sản và 4 lần nâng quy mô (từ 15.000 tỷ ban đầu lên 185.000 tỷ đồng, đến cuối tháng 11 đã giải ngân 91%, tương ứng 168 nghìn tỷ đồng cho trên 52 nghìn khách hàng); Chương trình cho vay liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo chất lượng cao và phát thải thấp vùng đồng bằng sông Cửu Long đạt doanh số giải ngân lũy kế đến

²⁷ Khai thác tốt 17 hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết và đang thúc đẩy đàm phán các FTA mới như: hoàn tất đàm phán FTA Việt Nam - Israel (VIFTA); ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện Việt Nam - UAE (CEPA); vận động đàm phán Hiệp định kinh tế với Ấn Độ, FTA với Mercosur... Năm 2025, có tới 6 thị trường và 2 khu vực thị trường đạt kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD; 5 thị trường và 2 khu vực thị trường đạt kim ngạch nhập khẩu trên 10 tỷ USD.

²⁸ Mục tiêu của Trung ương, Quốc hội là 4-4,5%.

²⁹ Trong đó chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân các năm 2021, 2022, 2023, 2024 và ước năm 2025 lần lượt tăng 1,84%, 3,15%, 3,25%, 3,63% và 3,31%.

³⁰ Tính đến ngày 26/12/2025, huy động vốn của các tổ chức tín dụng đạt 17,45 nghìn tỷ đồng, tăng 14% so với cuối năm trước và tăng 15,49% so với cùng kỳ; tín dụng đối với nền kinh tế đạt 18,44 triệu tỷ đồng, tăng 18,11% so với cuối năm trước và tăng 19,14% so với cùng kỳ.

³¹ Trong 6 tháng đầu năm 2025, đã tổ chức thành công 13 Hội nghị "Đẩy mạnh tín dụng ngân hàng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế" tại 13/15 Khu vực (61 tỉnh, thành phố) nhằm đẩy mạnh kết nối cung - cầu tín dụng, kết nối ngân hàng - doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt khó khăn, vướng mắc và có giải pháp xử lý phù hợp. Về phía các TCTD, đến Quý II/2025, đã có hơn 1.000 buổi gặp gỡ, đối thoại giữa ngân hàng và doanh nghiệp được tổ chức trên toàn quốc; thông qua chương trình này, các TCTD đã cho vay được trên 1.140 nghìn tỷ đồng cho gần 145.000 khách hàng; cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho gần 500 khách hàng với dư nợ hơn 8.600 tỷ đồng; ngoài ra các TCTD còn thực hiện hỗ trợ bằng các hình thức khác như giảm lãi, phí,....

³² Nghị định số 94/2025/NĐ-CP ngày 29/4/2025 của Chính phủ về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng.

cuối tháng 11 khoảng 3.100 tỷ đồng, là Chương trình đầu tiên trong lĩnh vực nông nghiệp để góp phần phát triển nông nghiệp hiện đại, hữu cơ, xanh, bền vững; Chương trình tín dụng đầu tư hạ tầng điện, giao thông và công nghệ chiến lược với quy mô 500.000 tỷ đồng; Chương trình cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ theo Nghị quyết số 33/NQ-CP của Chính phủ cũng đạt kết quả nhất định, đến ngày 31/10/2025, doanh số giải ngân đạt 5.618 tỷ đồng, tăng 97,5% so với cuối năm 2024; Chương trình cho vay người trẻ dưới 35 tuổi mua nhà ở xã hội, đến 31/10/2025, doanh số giải ngân cho vay đạt trên 139 tỷ đồng. Ngày 31/7/2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã điều chỉnh tăng thêm chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2025 đối với các TCTD; đến ngày 26/12/2025, dư nợ tín dụng tăng 18,11% so với cuối năm 2024.

Các giải pháp tín dụng đối với ngành, lĩnh vực được triển khai tích cực, đồng bộ, hướng dòng vốn vào sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Thị trường vàng, thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối cơ bản ổn định, đảm bảo thanh khoản, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, mục tiêu kiểm soát lạm phát và nhu cầu vốn của nền kinh tế.

Điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp với điều kiện thị trường, góp phần hấp thu các cú sốc bên ngoài, phối hợp đồng bộ với các công cụ chính sách tiền tệ (lãi suất, thanh khoản VND) và can thiệp ngoại tệ linh hoạt khi cần thiết để ổn định thị trường ngoại tệ, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát. Đồng thời, tại một số thời điểm, trước diễn biến khó lường của thị trường quốc tế và trong nước gây áp lực lên tỷ giá, NHNN đã thực hiện phát hành tín phiếu để hỗ trợ điều hành tỷ giá và ổn định thị trường ngoại tệ.

d) Thu, chi, cân đối thu chi NSNN được bảo đảm. Nợ công, nợ Chính phủ, bội chi được kiểm soát, thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu cho phép³³.

Lũy kế thu NSNN 12 tháng đạt khoảng 2.650,1 nghìn tỷ đồng, bằng 134,74% so dự toán (tăng gần 683,3 nghìn tỷ đồng), tăng 30,3% so với cùng kỳ năm 2024³⁴, cao hơn mục tiêu Chính phủ đặt ra (*vượt ít nhất 25% dự toán*); tỷ lệ động viên vào NSNN đạt 20,7% GDP. Qua đó, góp phần có thêm nguồn lực tạo nguồn thực hiện cải cách chính sách tiền lương, xử lý các vấn đề quan trọng, cấp bách đột xuất phát sinh, tăng chi đầu tư phát triển và đảm bảo an sinh xã hội. Tổng số miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất cho doanh nghiệp và người dân ước khoảng 250,9 nghìn tỷ đồng. Thu NSNN 05 năm 2021-2025 đạt gần 9,88 triệu tỷ đồng, vượt 18,1% so với mục tiêu, gấp gần 1,4 lần giai đoạn trước, vượt xa mục tiêu 8,3 triệu tỷ đồng trong khi đã miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí... khoảng 1,1 triệu tỷ đồng.

Các giải pháp chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất được ban hành, thực hiện trong năm 2025, với quy mô hỗ trợ lớn, phạm vi hỗ trợ

³³ Cụ thể là: (1) Tràn nợ công hằng năm không quá 60% GDP; ngưỡng cảnh báo là 55% GDP; (2) Tràn nợ Chính phủ hằng năm không quá 50% GDP; ngưỡng cảnh báo là 45% GDP; (3) Tràn nợ nước ngoài của quốc gia hằng năm không quá 50% GDP; ngưỡng cảnh báo là 45% GDP.

³⁴ Trong đó: Thu NSTW 1.219.506 tỷ đồng, đạt 121,64% dự toán (Dự toán: 1.002.545 tỷ đồng); tăng 17,96% (+185.676 tỷ đồng) so với cùng kỳ. Thu NSDP 1.430.590 tỷ đồng, đạt 148,36% dự toán (Dự toán: 964.294 tỷ đồng).

rộng đã phát huy hiệu quả tích cực, hỗ trợ kịp thời các hoạt động sản xuất – kinh doanh ứng phó kịp thời với những tác động tiêu cực từ chính sách thuế quan của Hoa Kỳ; tạo thêm việc làm cho người lao động, góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội. Tăng cường thu nợ đọng thuế, chống buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế, thất thu ngân sách. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực thuế, hải quan, tích hợp đưa hoạt động quản lý thuế lên môi trường số, cung cấp dịch vụ thuế dựa trên công nghệ số.

Lũy kế chi 12 tháng (tính đến hết ngày 31/12/2025) ước đạt khoảng 2.424,6 nghìn tỷ đồng, bằng 94,1% dự toán; bảo đảm kịp thời nguồn kinh phí thực hiện phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (đảm bảo mức 3% tổng chi NSNN, tương đương 76 nghìn tỷ đồng), các chính sách, chế độ khi thực hiện tổ chức, sắp xếp bộ máy và chính quyền địa phương 2 cấp (khoảng 170 nghìn tỷ đồng), các nhiệm vụ quan trọng, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, chi phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các chính sách an sinh xã hội. Nợ công giảm từ 44,3% GDP năm 2020 xuống còn khoảng 35 - 36% năm 2025 (giới hạn là 60% GDP); bội chi NSNN năm 2025 ước khoảng 3,6% GDP, bình quân 05 năm giảm từ 3,53% GDP giai đoạn 2016 - 2020 xuống 3,1 - 3,2% GDP nhiệm kỳ giai đoạn này³⁵.

e) Tình hình đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh đạt kết quả tích cực; kinh tế tư nhân tiếp tục được thúc đẩy mạnh mẽ.

Các chính sách đã phát huy hiệu quả tích cực, góp phần lan tỏa kỳ vọng, thúc đẩy làn sóng khởi nghiệp³⁶. Tính chung trong cả năm 2025, cả nước có khoảng 297,5 nghìn doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường³⁷, mức cao nhất từ trước đến nay, tăng 27,4% so với cùng kỳ năm 2024 với tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế đạt khoảng 6,4 triệu tỷ đồng, tăng 77,8% so với cùng kỳ năm 2024. Đến hết năm 2025, số lượng doanh nghiệp đang hoạt động trong nền kinh tế ước đạt gần 1,02 triệu doanh nghiệp, tăng hơn 160 nghìn doanh nghiệp so với cuối năm 2024 và tăng trên 20% so với năm 2020. Số doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2025 đạt khoảng 195 nghìn doanh nghiệp, tăng 24,11% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó số vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới đạt 1.919,2 nghìn tỷ đồng, tăng 24,06%; số lao động đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới đạt 1.151,4 nghìn lao động, tăng 14,97%. Có 227,2 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó: (i) số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có 114,4 nghìn doanh nghiệp, tăng 14,3% so với cùng kỳ; (ii) số doanh nghiệp chờ làm thủ tục giải thể có 76,9 nghìn doanh nghiệp, tăng 0,93% so với cùng kỳ; (iii) Số doanh nghiệp giải thể có 35,9 nghìn doanh nghiệp, tăng 66,06% so với cùng kỳ.

g) Phát triển các loại thị trường

- Thị trường bất động sản: Ban chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về giải quyết

³⁵ Nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài quốc gia, bội chi NSNN được kiểm soát tốt, thấp hơn nhiều giới hạn quy định. Đến hết năm 2025, nợ Chính phủ khoảng 33 - 34% GDP (năm 2020 là 39%); nợ nước ngoài quốc gia khoảng 29% GDP (năm 2020 là 37,5%).

³⁶ Kể từ khi Nghị quyết 68-NQ/TW được Bộ Chính trị thông qua vào tháng 5/2025, bình quân mỗi tháng có gần 18.000 doanh nghiệp thành lập mới, tăng gần 39% so với bình quân 4 tháng đầu năm (12.907 doanh nghiệp/tháng).

³⁷ Số lượng doanh nghiệp gia nhập và quay trở lại hoạt động đã vượt xa mục tiêu phấn đấu cả năm 2025 được nêu ra tại Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ (mục tiêu 10%).

các vấn đề khó khăn, vướng mắc các dự án tồn đọng tiếp tục hoạt động tích cực, chủ động làm việc với các địa phương và một số doanh nghiệp bất động sản, nhất là các doanh nghiệp lớn để nắm thông tin, tình hình và rà soát đến từng dự án bất động sản cụ thể, trao đổi, hướng dẫn, giải đáp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về pháp lý, quy hoạch... Chính phủ đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 161/2024/QH15 ngày 23/11/2024 của Quốc hội; tập trung hoàn thiện Đề án “Trung tâm giao dịch bất động sản và quyền sử dụng đất do Nhà nước quản lý”.

Nhờ đó, thị trường bất động sản đã có những chuyển biến tích cực; mức độ quan tâm, tìm kiếm thông tin về bất động sản của khách hàng, nhà đầu tư tăng cao; lượng giao dịch tăng mạnh, đặc biệt là ở phân khúc nhà ở thấp tầng và đất nền.

- Thị trường vàng: Bám sát các chỉ đạo trực tiếp của Tổng Bí thư Tô Lâm, các giải pháp can thiệp bình ổn thị trường vàng được triển khai quyết liệt, kịp thời, hiệu quả; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các hành vi đầu cơ, buôn lậu, vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh doanh vàng. Công tác quản lý thuế và triển khai áp dụng hóa đơn điện tử đối với hoạt động kinh doanh vàng được thực hiện quyết liệt; đến nay 100% doanh nghiệp kinh doanh vàng đã áp dụng hóa đơn điện tử có kết nối với cơ quan thuế. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 232/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 24/2012/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh vàng.

- Thị trường chứng khoán và trái phiếu: Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 tiếp tục hoạt động ổn định, an toàn, minh bạch và thanh khoản cao; khẳng định vai trò là kênh dẫn vốn quan trọng cho nền kinh tế. Đến ngày 29/12/2025, quy vốn hóa thị trường cổ phiếu 3 sàn HOSE, HNX và UPCoM đạt 9.975,36 nghìn tỷ đồng, tương đương 77,9% GDP ước tính năm 2025; tăng 37,6% so với cuối năm trước; giá trị giao dịch bình quân đạt gần 29,5 nghìn tỷ đồng/phiên, tăng 40,2% so với bình quân năm trước. Quy mô thị trường trái phiếu đến cuối năm 2025 đạt khoảng 3,93 triệu tỷ đồng, tương đương 30,7% GDP ước tính năm 2025, tăng 7,6% so với cuối năm 2024.

Tại kỳ đánh giá thường niên tháng 9/2025, tổ chức xếp hạng thị trường FTSE Russell chính thức công bố thị trường chứng khoán Việt Nam đã đáp ứng toàn bộ các tiêu chí và được nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp. Đây là cột mốc quan trọng đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán Việt Nam, ghi nhận những nỗ lực cải cách toàn diện nhằm phát triển thị trường chứng khoán minh bạch, hiện đại, hiệu quả theo các chuẩn mực quốc tế cao nhất. Đồng thời, mở ra cơ hội đẩy mạnh thu hút dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài, các quỹ đầu tư quốc tế vào Việt Nam.

- Thị trường bảo hiểm tiếp tục có những bước phát triển tích cực, đầu tư trở lại nền kinh tế của doanh nghiệp bảo hiểm tiếp tục đã tăng trưởng³⁸. Đến hết năm 2025, thị trường bảo hiểm có 86 doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và 01 chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài với tổng tài sản ước đạt 1.113,6 nghìn tỷ đồng (tăng 8,58% so với cùng kỳ năm trước); công tác chi trả quyền lợi bảo hiểm, đảm

³⁸ Đến hết năm 2025, đầu tư trở lại nền kinh tế ước đạt 958.987 tỷ đồng, tăng 10,31% so với năm 2024.

bảo quyền lợi cho khách hàng được chú trọng, ước đạt 91.845 tỷ đồng (tăng 13,52% so với cùng kỳ năm trước). Tiếp tục xây dựng và triển khai các loại hình bảo hiểm mới như bảo hiểm xanh, bảo hiểm tài sản công...

- Thị trường khoa học và công nghệ: Đã đưa vào vận hành sàn giao dịch Khoa học và Công nghệ Việt Nam, thực hiện vai trò kết nối giữa nghiên cứu, sản xuất và thị trường. Trong đó có thông tin về 600 công nghệ chào bán dưới dạng thiết bị, máy móc; 50 nhu cầu tìm mua công nghệ; 150 chuyên gia tư vấn và môi giới công nghệ. Sàn có chức năng hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trưng bày, giới thiệu công nghệ, thiết bị chào bán qua các gian hàng. Tích cực hỗ trợ, tư vấn việc thành lập tổ chức trung gian của thị trường khoa học công nghệ³⁹.

h) Một số cân đối khác

An ninh năng lượng được bảo đảm, cung cấp đủ điện cho sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của người dân. Ước cả năm 2025, điện năng sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống điện ước đạt khoảng 323 tỷ kWh, tăng khoảng 4,5% so với năm 2024.

An ninh lương thực được giữ vững, đáp ứng đầy đủ nhu cầu trong nước, xuất khẩu. Cân đối về xăng dầu được đảm bảo, không để gián đoạn nguồn cung xăng dầu trong nước trong mọi tình huống.

3. Triển khai quyết liệt, bảo đảm yêu cầu, tiến độ cuộc cách mạng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ và sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính

a) Triển khai quyết liệt, bảo đảm yêu cầu, tiến độ cuộc cách mạng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ và sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp⁴⁰; khắc phục khó khăn, kịp thời tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, bước đầu bảo đảm sự vận hành đồng bộ, thống nhất, thông suốt, hiệu quả gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm theo sát tiến độ, yêu cầu, thực hiện bài bản, khoa học, phát huy tinh thần chủ động, “vừa chạy vừa xếp hàng”, đồng thời liên tục điều chỉnh phù hợp, kịp thời. Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Nghị quyết số 176/2025/QH15 về cơ cấu tổ chức của Chính phủ, kiện toàn bộ máy mới với 14 Bộ, 03 cơ quan ngang bộ⁴¹ và ban hành toàn bộ các Nghị định về việc quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan và Nghị định số 45/2025/NĐ-CP⁴² để bảo đảm kịp thời, liên thông, đồng bộ giữa Trung ương và địa phương, đi vào hoạt động ngay từ ngày 01/3/2025. Bộ máy

³⁹ Cả nước có trên 800 tổ chức trung gian, trong đó có 22 sàn giao dịch công nghệ cấp tỉnh, 2 sàn cấp vùng đang hoạt động.

⁴⁰ Cơ cấu Chính phủ sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy gồm 14 bộ, 03 cơ quan ngang bộ (giảm 05 bộ, cơ quan ngang bộ, 03 cơ quan thuộc Chính phủ). Giảm 13/13 tổng cục và tương đương; giảm 519 cục và tương đương (giảm 77,6%); giảm 219 vụ và tương đương (giảm 54,1%); giảm 3.303 chi cục và tương đương (giảm 91,7%); giảm 203 đơn vị sự nghiệp công lập (giảm 38%). Biên chế tại các bộ, ngành giảm khoảng 22 nghìn người (đạt khoảng 20%). Biên chế khối hành chính nhà nước giảm 145 nghìn người; chi thường xuyên giảm 39 nghìn tỷ đồng/năm.

⁴¹ Đã giảm 05 bộ, cơ quan ngang bộ (22,7%); giảm 03 cơ quan thuộc Chính phủ (37,5%).

⁴² Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

Chính phủ mới sau khi được kiện toàn đã cơ bản khắc phục triệt để các vấn đề chồng chéo, giao thoa về chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, xác định rõ thẩm quyền, nhiệm vụ, phương thức phối hợp của từng cơ quan; hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; đồng bộ, thống nhất, liên thông trong quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực từ Trung ương đến địa phương.

Công tác sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp gắn liền với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa Trung ương và địa phương đã cơ bản đạt được mục tiêu. Bám sát chủ trương của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã khẩn trương, nỗ lực, quyết tâm hoàn thành khối lượng công việc rất lớn trong thời gian ngắn, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, bảo đảm hoạt động thông suốt, không để gián đoạn, ảnh hưởng đến hoạt động các cơ quan, tổ chức, người dân, doanh nghiệp cả trước, trong và sau khi sắp xếp. Chính phủ, các bộ, ngành đã ban hành 30 Nghị định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, 66 Thông tư và nhiều văn bản hướng dẫn; tổ chức Hội nghị toàn quốc để tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ của cấp xã (mới), triển khai đường dây nóng, kịp thời hướng dẫn, xử lý vướng mắc trong quá trình hoạt động. Hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp dần đi vào nền nếp⁴³; chuyển trạng thái từ quản lý hành chính sang phục vụ Nhân dân và kiến tạo phát triển.

Chủ động triển khai nhiều giải pháp để phục vụ cho việc sắp xếp, bố trí, xử lý trụ sở nhà, đất công khi sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp⁴⁴, giúp đảm bảo quản lý tài sản công minh bạch, ngăn chặn thất thoát, tiết kiệm ngân sách, đồng thời tạo điều kiện khai thác hiệu quả tối đa tài sản hiện hữu cho chính quyền địa phương, góp phần thúc đẩy mô hình chính quyền địa phương 02 cấp vận hành thông suốt.

b) Chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ được thực hiện khẩn trương, minh bạch, đảm bảo công bằng, đúng với chủ trương, yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương khẩn trương rà soát và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ bị ảnh hưởng do sắp xếp bộ máy theo quy định. Đã giải quyết xong chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP đề ổn định bộ máy sau sắp xếp. Công tác quản lý biên chế sau sắp xếp, tinh giản bộ máy cũng được thực hiện khẩn trương, bảo đảm bám sát chủ trương tại các Kết luận, Kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ.

c) Công tác đổi mới công vụ, công chức được triển khai đồng bộ, quyết liệt, tạo sự đột phá mới cơ cấu lại ngạch công chức gắn với xây dựng vị trí việc làm. Nghị định về xếp loại, đánh giá công chức theo KPI được tập trung xây dựng, hoàn thiện để bắt đầu thực hiện từ ngày 01/01/2026 và đẩy mạnh chấn chỉnh tình trạng một bộ phận cán

⁴³ Chính quyền 02 cấp còn 34 tỉnh, thành phố (giảm 29 cấp tỉnh); còn 3.321 xã, phường, đặc khu (giảm 6.714 cấp xã, gần 66,9%); đã có 142.746 người đã có quyết định nghỉ việc, trong đó có 105.056 người (tỷ lệ 73,6%) đã được nhận tiền chi trả chính sách, chế độ.

⁴⁴ Trình Chính phủ ban hành 15 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành 01 Quyết định và 05 Công điện, ban hành theo thẩm quyền 01 Thông tư, 02 Công điện và 16 văn bản hướng dẫn, đôn đốc thực hiện, thành lập các Tổ Công tác, Đoàn Công tác để trực tiếp đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra; tổ chức các Hội nghị trực tuyến, lớp tập huấn nghiệp vụ trực tuyến, thiết lập đường dây nóng...

bộ, công chức đùn đẩy, sợ trách nhiệm, thiếu tích cực trong thực thi nhiệm vụ. Hoàn thiện chế độ, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài và quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; các chính sách về thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, người có tài năng; chính sách hỗ trợ cho công chức làm công tác pháp chế, chính sách đối với người làm công tác chuyên trách về công nghệ thông tin; nâng cao đạo đức công vụ và kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cá thể hoá trách nhiệm đến từng công chức trong thực thi công vụ.

d) Tiếp tục thực hiện quyết liệt, hiệu quả các quy định của Bộ Chính trị về phòng chống tham nhũng, tiêu cực, chương trình công tác 2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng được triển khai đồng bộ, hiệu quả đặc biệt là trong công tác triển khai “Chiến lược quốc gia Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030”; tăng cường công tác thanh tra, đảm bảo khách quan, chính xác, đúng pháp luật để phát hiện và kiến nghị xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm pháp luật⁴⁵, từ đó răn đe, cảnh tỉnh các đối tượng, ngăn chặn tham nhũng, tiêu cực, trục lợi, nhất là tăng cường xử lý trách nhiệm người đứng đầu⁴⁶. Nhiều vụ án, vụ việc do Ban Chỉ đạo Trung ương chỉ đạo, theo dõi được đẩy nhanh tiến độ điều tra, xử lý dứt điểm, kết hợp với việc quyết liệt tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định của pháp luật về thực hiện kết luận thanh tra, tỷ lệ thu hồi tiền, tài sản bị chiếm đoạt trong các vụ án kinh tế, tham nhũng ngày càng cao. Công tác kiểm soát tài sản, thu nhập tiếp tục được đẩy mạnh⁴⁷; hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập đang được triển khai xây dựng. Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tiếp tục được thực hiện một cách thực chất, hiệu quả.

Việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo được thực hiện hiệu quả, đảm bảo minh bạch, không gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Tình hình khiếu nại, tố cáo có xu hướng giảm; công tác rà soát, kiểm tra, xử lý, giải quyết từng vụ việc được thực hiện quyết liệt, đảm bảo xử lý từng vụ việc theo đúng thẩm quyền⁴⁸. Thực hiện chỉ đạo của Tổng Bí thư, Thủ tướng Chính phủ

⁴⁵ Năm 2025 toàn ngành đã triển khai 66.032 cuộc thanh tra, kiểm tra tại 79.894 đơn vị. Qua thanh tra, kiểm tra chấn chỉnh quản lý, hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật trên nhiều lĩnh vực; phát hiện vi phạm về kinh tế 256.341 tỷ đồng, 1.414 ha đất. Trong đó: kiến nghị thu hồi 210.940 tỷ đồng và 1.027 ha đất; kiến nghị xử lý khác 45.401 tỷ đồng, 387 ha đất; xử phạt vi phạm hành chính của tổ chức, cá nhân với số tiền 2.880 tỷ đồng; kiến nghị xem xét, xử lý hành chính 2.187 tập thể và 5.400 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra xem xét, xử lý 153 vụ, 108 đối tượng;...

⁴⁶ Trong kỳ báo cáo có 67 trường hợp người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng, lãng phí, đã xử lý kỷ luật 40 người.

⁴⁷ Có 263.340 người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ; có 2.950 người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập; 14 người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực; tiến hành kiểm tra việc thực hiện kê khai, công khai tài sản thu nhập là 753 cơ quan, tổ chức, đơn vị.

⁴⁸ Năm 2025 có 348.191 lượt người đến cơ quan hành chính nhà nước khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, với tổng số người được tiếp là 394.476 người về 294.060 vụ việc, có 4.418 đoàn đồng người. Các cơ quan hành chính tiếp nhận 475.350 đơn các loại; đã xử lý 460.133 đơn, có 371.251 đơn đủ điều kiện xử lý, chiếm 78,8% tổng số đơn đã xử lý. Qua xử lý có 230.818 đơn thuộc thẩm quyền, trong đó có 19.262 đơn khiếu nại (11.062 đơn về đất đai, 1.967 đơn về chế độ, chính sách, 6.233 về lĩnh vực khác), 10.813 đơn tố cáo (6.396 đơn về hành chính, 79 đơn về tham nhũng, 151 đơn về tư pháp, 4.187 đơn về lĩnh vực khác), 200.743 đơn kiến nghị, phản ánh. Cơ quan hành chính nhà nước các cấp đã giải quyết 22.663 vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt tỷ lệ 82,4%. Qua giải quyết khiếu nại, tố cáo đã

đã thành lập Tổ công tác đặc biệt, quyết liệt chỉ đạo chủ động rà soát, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các địa phương xử lý các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp kéo dài, vượt cấp lên trung ương trên địa bàn thành phố Hà Nội; qua đó đã cơ bản hoàn thành việc rà soát, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp kéo dài, vượt cấp lên trung ương trên địa bàn Hà Nội theo kế hoạch và chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư.

4. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại đạt nhiều kết quả nổi bật, mở ra không gian phát triển mới

a) Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Luật Đường sắt, Luật Hàng không và 06 Nghị quyết về các cơ chế đặc thù cho nhiều dự án trọng điểm; ban hành 09 Nghị định⁴⁹ quan trọng để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thẩm quyền, tăng cường phân cấp, phân quyền, tăng tính chủ động cho địa phương. Hoàn thiện cơ sở chính trị, pháp lý, tập trung chuẩn bị đầu tư, bảo đảm điều kiện để triển khai ngay từ năm 2026 các dự án hạ tầng chiến lược quốc gia, động lực phát triển quan trọng của giai đoạn tới như Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận, đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, đường sắt đô thị tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.

Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của các Ban chỉ đạo các công trình, dự án trọng điểm ngành giao thông, năng lượng, các Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ để kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ các công trình hạ tầng trọng điểm, dự án quan trọng quốc gia, hạ tầng đô thị lớn; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị quyết triển khai chủ trương xây dựng đường Vành đai 4 TP. Hồ Chí Minh; chỉ đạo nghiên cứu đầu tư mở rộng các đoạn tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông theo phương thức PPP; ban hành các Nghị quyết quan trọng, định hướng chiến lược đầu tư các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm như các Nghị quyết của Chính phủ triển khai các Nghị quyết của Quốc hội về đầu tư xây dựng Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng,...; triển khai đầu tư các công trình đường sắt trọng điểm quốc gia...

Hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đột phá với nhiều công trình quy mô lớn, hiện đại, có tính kết nối, lan tỏa và định hình cho tương lai⁵⁰. Nguồn vốn tư nhân ngày càng tham gia tích cực vào phát triển kết cấu hạ tầng. Sau 03 lễ khởi công, khánh thành đồng loạt các công trình, dự án lớn, trọng điểm quốc gia, nước ta đã có 564 công trình, dự án với tổng mức đầu tư trên 5,14 triệu tỷ đồng, trong đó vốn tư nhân là chủ yếu, chiếm khoảng 74,6%; đã có gần 140 công trình lớn hoàn thành, đưa vào khai thác, sử dụng hiệu quả. Đến hết năm 2025, đã hoàn thành 3.345 km đường bộ cao tốc (nếu tính cả đường dẫn, nút giao là 3.803 km, vượt 803 km so với mục

kiến nghị thu hồi cho nhà nước 12,4 tỷ đồng, 1.561 m² đất; trả lại cho tổ chức, cá nhân 25,3 tỷ đồng, 0,6 ha đất; khôi phục, đảm bảo quyền lợi cho 64 tổ chức, 257 cá nhân; kiến nghị xử lý 239 người; chuyển cơ quan điều tra xử lý 13 vụ, 06 đối tượng.

⁴⁹ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/2/2025; (2) Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/2/2025; (3) Nghị định số 89/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025; (4) Nghị định số 123/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025; (5) Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (6) Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (7) Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (8) Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025; (9) Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025.

⁵⁰ Khởi công, khánh thành đồng loạt 80 dự án, với tổng vốn đầu tư khoảng 445 nghìn tỷ đồng nhân dịp kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; 250 công trình tiêu biểu với tổng mức đầu tư khoảng 1,28 triệu tỷ đồng nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9.

tiêu)⁵¹ và trên 1.711 km đường ven biển (mục tiêu là 1.700 km); đưa vào hoạt động các tuyến vành đai, đường sắt đô thị⁵². Hạ tầng văn hóa, xã hội được đầu tư mạnh mẽ⁵³; hợp tác công tư xây dựng Trung tâm Triển lãm quốc gia (VEC) thuộc top 10 thế giới.

Về hàng không, cơ bản hoàn thành Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1 tiêu chuẩn 4F đầu tiên tại Việt Nam; nâng cấp đường cất, hạ cánh và đường lăn tại CHK quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất, CHK Điện Biên, CHK quốc tế Phú Bài; hoàn thành xây dựng nhà ga T3 CHK quốc tế Tân Sơn Nhất, mở rộng nhà ga T2 CHK quốc tế Nội Bài, xây dựng nhà ga T2 CHK quốc tế Cát Bi, khởi công CHK quốc tế Gia Bình...

Về hàng hải, đường thủy nội địa, đã ký Hiệp định vay vốn Dự án Phát triển các hành lang đường thủy và logistics khu vực phía Nam, dự kiến khởi công trong năm 2026. Hoàn thành đầu tư, đưa vào khai thác các bến số 3, 4, 5, 6 tại cảng biển Lạch Huyện; đã khởi công dự án cảng Hòn Khoai, Bãi Giốc tạo nền tảng phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Các cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện, Cái Mép - Thị Vải... được đầu tư nâng cấp, mở rộng.

Về đường sắt, đã khởi công dự án xây dựng cầu đường sắt Cẩm Lý trên tuyến đường sắt Kép - Hạ Long; Dự án thành phần 1 Dự án đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời tiếp tục đẩy nhanh tiến độ giải quyết các thủ tục liên quan đến triển khai các Dự án đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Dự án đầu tư xây dựng đường sắt tốc độ cao trục Bắc - Nam; đã khởi công các khu tái định cư tại 12/15 tỉnh đối với Dự án đường sắt tốc độ cao và 4/6 tỉnh đối với Dự án Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng vào dịp 19/8/2025.

b) Triển khai hiệu quả Quy hoạch Điện VIII điều chỉnh; bảo đảm tiến độ các dự án, công trình nguồn điện, lưới điện trọng điểm quan trọng đã được phê duyệt chủ trương đầu tư theo sát với kế hoạch như đường dây 500kV Hải Phòng - Thái Bình, các dự án nhập khẩu điện từ Lào, LNG Quảng Ninh, LNG Thái Bình, LNG Hải Lăng giai đoạn 1, LNG Bạc Liêu... Đã ban hành Kế hoạch triển khai cơ chế, chính sách đặc biệt đầu tư Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận. Hoàn thành đường dây 500 KV Quảng Bình - Hưng Yên và Lào Cai - Vĩnh Yên chất lượng cao trong thời gian ngắn kỷ lục. Triển khai và đưa vào vận hành các dự án nguồn và lưới điện quan trọng, cấp bách theo Quy hoạch điện VIII và Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII, ưu tiên các công trình đường dây và trạm biến áp 500 kV, 220 kV liên kết liên vùng, giải tỏa công suất các trung tâm nguồn điện lớn, tăng cường truyền tải Bắc - Nam và liên kết giữa các vùng, miền⁵⁴.

c) Thúc đẩy phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số và chính phủ số. 100% xã, phường có hạ tầng

⁵¹ Đến hết năm 2020, cả nước mới có 1.163 km đường bộ cao tốc. Giai đoạn 2021 - 2025, cả nước đã hoàn thành thêm 2.082 km đường bộ cao tốc, tăng gần 1,8 lần so với các giai đoạn trước.

⁵² Gồm: Tuyến Cát Linh - Hà Đông, đoạn trên cao tuyến Nhôn - ga Hà Nội (Hà Nội); tuyến Bến Thành - Suối Tiên (TPHCM).

⁵³ Như: Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam; Trung tâm Hội chợ Triển lãm Quốc gia, Nhà hát Hồ Gươm; khởi công dự án Nhà hát Opera Hà Nội, Công viên văn hóa - nghệ thuật, Sân vận động PVF quy mô 60 nghìn chỗ ngồi, lớn nhất Việt Nam...

⁵⁴ Như: Dự án Đường dây 500 kV Monsoon - Thanh Mỹ (đoạn trên lãnh thổ Việt Nam); Dự án Đường dây 220 kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ, Dự án Trạm biến áp 500 kV Vĩnh Yên và đường dây đầu nối, Dự án Trạm biến áp 500 kV Lào Cai, Dự án Đường dây 500 kV Lào Cai - Vĩnh Yên và Dự án Cấp điện từ lưới điện Quốc gia cho huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (nay là Đặc khu Côn Đảo, TP. Hồ Chí Minh).

băng rộng cáp quang; tốc độ Internet di động thuộc top 20 thế giới. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang đạt 87,6%, cao hơn trung bình thế giới là 60%; đồng thời nâng cao mạng lưới hệ thống cáp quang sang các quốc gia lân cận. Khai thác 02 tuyến cáp quang biển (*tuyến SJ2 và ADC*) kết nối đi Hồng Kông, Singapore, Nhật Bản và đã chính thức đưa vào khai thác tuyến cáp quốc tế VSTN (Vietnam - Singapore Terrestrial Network) dài 3.900km, đi qua 5 quốc gia (Việt Nam, Lào, Thái Lan, Malaysia, Singapore), kết nối trực tiếp Đà Nẵng với các trung tâm dữ liệu quốc tế hàng đầu trong khu vực, là tuyến cáp quang quốc tế đầu tiên do Việt Nam đầu tư 100%. Độ phủ sóng 4G đạt 99,8%, cao hơn các nước có thu nhập cao (99,4%); công tác triển khai thương mại sóng 5G tiếp tục được tăng tốc, mạng 5G phủ 91,2% dân số, phần đầu đến cuối năm 2025 tăng số lượng trạm phủ sóng 5G lên mức tương đương 50% số lượng trạm 4G; chất lượng băng tần cho di động liên tục được nâng cao⁵⁵; tỷ lệ người sử dụng điện thoại thông minh/người dùng điện thoại di động ước đạt 84,4%, cao hơn trung bình thế giới 63%. Tổng cộng có 41 Trung tâm dữ liệu (364 MW). Về Internet, tỷ lệ sử dụng IPv6 đạt 70% và tên miền quốc gia (.vn) đạt 679.000 tên miền (thứ 2 khu vực). Băng tần cho di động tăng lên 660MHz (tăng 94%). Đã hình thành 08 khu công nghệ thông tin tập trung.

*d) Hạ tầng đô thị tiếp tục được hoàn thiện, hướng tới đô thị xanh, đô thị thông minh; tiếp tục triển khai các Đề án phát triển đô thị Việt Nam gắn với bảo vệ môi trường*⁵⁶. Đến nay, cả nước có 900 đô thị trong đó 2 đô thị loại đặc biệt, 23 đô thị loại I, 37 đô thị loại II, 46 đô thị loại III, 96 đô thị loại IV và 696 đô thị loại V; Tỷ lệ đô thị hoá ước đạt 44,9%⁵⁷.

Hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu được tập trung đầu tư, ngày càng hiện đại hóa, có tính chất liên vùng, liên tỉnh, đa mục tiêu. Đến hết tháng 6/2025, cả nước đã có 6.084/7.669 xã (79,3%) đạt chuẩn nông thôn mới (cơ bản hoàn thành mục tiêu cả giai đoạn 2021-2025); có 2.567 xã (42,2%) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (vượt mục tiêu cả giai đoạn 2021-2025 là 40%) và 745 xã (12,2%) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (vượt mục tiêu cả giai đoạn 2021-2025 được giao là 10%); bình quân cả nước đạt 17,5 tiêu chí/xã; trước thời điểm thực hiện xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp ngày 1/7/2025, đã có 07/16 huyện nghèo ra khỏi danh sách huyện “trắng xã nông thôn mới”, 02 tỉnh Quảng Bình và Khánh Hòa đã ra khỏi danh sách tỉnh “trắng huyện nông thôn mới”.

5. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng tiếp tục được đẩy mạnh theo hướng số hóa, xanh hóa, tăng cường năng lực nội tại, sức chống chịu, tham gia mạnh mẽ vào chuỗi giá trị dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo toàn cầu

a) Cơ cấu lại 3 lĩnh vực trọng tâm

- Về đầu tư công: Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các bộ,

⁵⁵ Việt Nam đứng thứ 4/10 ASEAN về lượng tần số cho di động; Thứ 19 Thế giới và thứ 3 ASEAN về tốc độ di động (trung bình 148,6 Mbps, tăng 29 bậc so với cùng kỳ năm trước).

⁵⁶ Đề án phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030; Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến 2030.

⁵⁷ Tính đến tháng 6/2025.

cơ quan trung ương và địa phương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp hướng dẫn xử lý, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn một cách kịp thời, hiệu quả, để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, phát huy mạnh mẽ vai trò dẫn dắt của đầu tư công. Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Luật số 90/2025/QH15, trong đó đã sửa đổi Luật Đầu tư công, tháo gỡ ngay các vướng mắc, điểm nghẽn, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đồng thời cá thể hóa, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong triển khai thực hiện gắn với nâng cao năng lực thực thi và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát.

Giải ngân vốn đầu tư công đến hết tháng 12/2025 đạt khoảng 755,14 nghìn tỷ đồng, đạt 82,7% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao⁵⁸, cao hơn 2,4% về tỷ lệ và gần 206,6 nghìn tỷ đồng về số tuyệt đối so với cùng kỳ năm 2024; tính chung cả giai đoạn 2021-2025 vốn đầu tư công đạt khoảng 3,4 triệu tỷ đồng, tăng gần 55% (số tuyệt đối tăng 1,2 triệu tỷ đồng) so với giai đoạn trước; đầu tư không dàn trải, số dự án sử dụng ngân sách trung ương (NSTW) giảm từ 11 nghìn (giai đoạn 2016-2020) xuống còn 4,6 nghìn dự án (giai đoạn 2021-2025).

- Về cơ cấu lại các doanh nghiệp nhà nước: đến nay, đã phê duyệt Đề án cơ cấu lại của 19 Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước. Tính đến hết tháng 11 năm 2025, có 17/146 doanh nghiệp đã hoàn thành thoái vốn theo quy định. Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp⁵⁹. Hệ thống pháp luật mới về quản lý và đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp được xây dựng trên tinh thần trao quyền nhiều hơn cho DNNN; phân công rõ, phân cấp mạnh trong việc quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp đi đôi với tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá của chủ sở hữu.

Công tác xử lý các dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả tiếp tục được chỉ đạo quyết liệt, đạt kết quả rõ nét. Tiến độ cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, tháo gỡ các vướng mắc về phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá tiếp tục được đẩy mạnh; số thu từ cổ phần hóa và thoái vốn lũy kế 10 tháng đầu năm 2025 đạt 1.411 tỷ đồng, cải thiện đáng kể so với giai đoạn 2021-2024 (654,8 tỷ đồng).

- Về cơ cấu lại các TCTD: Tiếp tục triển khai Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025”. Đã trình Bộ Chính trị cho ý kiến xử lý 05 ngân hàng yếu kém (04 ngân hàng thương mại và Ngân hàng Phát triển đã hoạt động ổn định, hiệu quả)⁶⁰, thực hiện chuyển giao và đang tích cực triển khai đề án tái cơ cấu 04 ngân hàng mua bắt buộc. Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD. Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 tiếp tục triển khai quyết liệt; đẩy mạnh xử lý, thu hồi nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng. Đến cuối tháng 11/2025, tỷ lệ nợ xấu nội bảng (không bao gồm các ngân hàng thương mại bị kiểm soát đặc biệt) ở mức 1,69%, đáp ứng mục tiêu đặt ra.

⁵⁸ Theo quy định của Luật NSNN, thì giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 sẽ đến hết tháng 01/2026, do đó số liệu giải ngân sẽ cao hơn, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục cập nhật (cùng kỳ tháng 12/2024 giải ngân 548.569,3 tỷ đồng, đạt 80,3% kế hoạch).

⁵⁹ Luật số 68/2025/QH15

⁶⁰ Trong đó, 04 ngân hàng chuyển giao bắt buộc dần hoạt động ổn định, thực hiện theo đúng lộ trình. Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã xử lý được gần 22,4 nghìn tỷ đồng nợ xấu, giảm 43,6% và đã cân đối được tài chính, chênh lệch thu chi dương, giảm 80% lỗ lũy kế (tương đương 5.420 tỷ đồng). Từ khi tái cơ cấu năm 2022, 03 nhà máy Đạm (Ninh Bình, Hà Bắc, DAP2) hoạt động hiệu quả, đạt tổng lợi nhuận trên 4,5 nghìn tỷ đồng.

b) Cơ cấu lại các ngành sản xuất và dịch vụ

- Ngành nông nghiệp tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại theo hướng chuyển đổi mạnh từ tư duy “sản xuất nông nghiệp” sang “kinh tế nông nghiệp”, từ phát triển đơn ngành sang tích hợp đa ngành, đa giá trị, giá trị gia tăng cao hơn; tiếp tục xây dựng “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”. Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” được triển khai với tổng diện tích là 312.734 ha, tăng gần 2,5 lần so với mục tiêu ban đầu (132.734 ha); đã xuất khẩu 500 tấn gạo nhãn hiệu “Gạo Việt xanh phát thải thấp” sang thị trường Nhật Bản.

Công tác phòng chống dịch bệnh ngành chăn nuôi, đảm bảo chất lượng vật nuôi và con giống tiếp tục được triển khai đồng bộ, hiệu quả; đã triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, kịp thời phát hiện, xử lý dứt điểm các ổ dịch, không để bùng phát dịch bệnh, hạn chế phát sinh ổ dịch mới. Công tác tháo gỡ thẻ vàng IUU⁶¹ tiếp tục được chỉ đạo quyết liệt, giải quyết các khuyến nghị của Ủy ban Châu Âu (EC) với mục tiêu gỡ “Thẻ vàng” trong năm 2025.

Thực hiện Chiến lược phát triển cơ giới hóa và công nghiệp chế biến nông sản Việt Nam đến năm 2030 tiếp tục đạt kết quả tích cực. Năng lực chế biến, thu hoạch, bảo quản nông sản, chế biến sâu, chế biến phụ phẩm tiếp tục được nâng cao. Một số ngành hàng như chế biến hạt điều, cà phê, lúa gạo, tôm, cá tra... sở hữu công nghệ và thiết bị chế biến tương đối hiện đại, giúp tăng tỷ trọng hàng chế biến có giá trị gia tăng cao. Đến nay, cả nước có gần 8.000 cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản quy mô công nghiệp gắn với xuất khẩu và gần 22.000 cơ sở chế biến nông sản nhỏ lẻ. Tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch nông, lâm, thủy sản giảm khoảng 01%/năm, trung bình còn dưới 20%. Tỷ lệ nông sản chế biến xuất khẩu chiếm 45% tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản.

Thị trường tiêu thụ nông sản trong và ngoài nước được phát triển mở rộng; đã chủ động đàm phán, tích cực phối hợp xử lý các rào cản kỹ thuật đối với một số thị trường trọng điểm⁶²; tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, tọa đàm thúc đẩy tiêu thụ nông sản⁶³. Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản cả năm 2025 ước đạt 70 tỷ USD. Chương trình OCOP tiếp tục được các địa phương triển khai đồng bộ, rộng khắp. Tính đến 12/2025, cả nước đã có 18.243 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên, trong đó 71,4% sản phẩm 3 sao, 27,7% sản phẩm 4 sao, 126 sản phẩm 5 sao, còn lại là tiềm năng 5 sao.

- Tiếp tục phát triển một số ngành công nghiệp nền tảng; ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; phát triển nhanh các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao và dịch chuyển lên các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo năm 2025 ước đạt 24,53% GDP, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra (24,1%). Công tác hỗ trợ triển khai các loại hình khu công nghiệp mới được thực hiện hiệu quả. Xây dựng cơ chế và lộ trình phát triển số lượng doanh nghiệp sản

⁶¹ Illegal, Unreported and Unregulated Fishing – Khai thác hải sản bất hợp pháp.

⁶² Giải quyết vụ việc liên quan đến xuất khẩu đường thực phẩm; sấu riêng xuất khẩu sang Trung quốc; thông nhất mẫu chứng thư sang Indonesia; góp ý dự thảo Biên bản ghi nhớ với Hàn Quốc; đã ký kết Bản ghi nhớ hợp tác nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc...

⁶³ Như: Hội nghị xúc tiến tiêu thụ vải thiều và các nông sản chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP của tỉnh Bắc Ninh; Hội nghị phát triển ngành hàng sấu riêng bền vững tại Đắk Lắk và tại Hà Nội...

xuất công nghiệp, đặc biệt quan tâm phát triển doanh nghiệp phụ trợ. Chính phủ tiếp tục tập trung hoàn thiện thể chế, pháp luật, chính sách phát triển công nghiệp; đã trình Quốc hội chính thức thông qua Luật Hóa chất (sửa đổi); tiếp tục rà soát, sửa đổi, hoàn thiện quy định về phát triển năng lượng tái tạo, điện mặt trời...

- Cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số. Đã ban hành Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2026-2030 với mục tiêu giữ vững vị thế trong nhóm các quốc gia có tốc độ phát triển thương mại điện tử hàng đầu khu vực; trình Quốc hội thông qua dự án Luật Thương mại điện tử tại Kỳ họp thứ 10. Xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu, vi phạm sở hữu trí tuệ, trốn thuế, đảm bảo quyền lợi của người mua hàng và người bán hàng trên môi trường thương mại điện tử. Năm 2025, thương mại điện tử duy trì đà tăng trưởng tích cực, ước tăng 25% so với năm 2024; tăng bình quân 20%/năm.

Hoạt động chuyển đổi số ngành ngân hàng và thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt được thực hiện đồng bộ, đạt nhiều kết quả tích cực⁶⁴, qua đó góp phần giúp tối ưu hóa nguồn vốn xã hội, giảm chi phí giao dịch cho nền kinh tế và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững trong kỷ nguyên số.

Các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng mới, hiện đại, ứng dụng khoa học công nghệ phát triển đa dạng, tiện ích, tiện dụng tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, phù hợp với xu thế phát triển của công nghệ số, kinh tế số. Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng tiếp tục được mở rộng sang nhiều nước trong khu vực và đang tiếp tục triển khai kết nối với các đối tác quan trọng như Nhật Bản, Hàn Quốc...⁶⁵, hệ thống chuyển mạch tài chính và bù trừ điện tử, hoạt động an toàn, ổn định, thông suốt. Hoạt động thanh toán điện tử, thanh toán trực tuyến trong khu vực chính phủ, dịch vụ hành chính công tiếp tục được đẩy mạnh, được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia (DVCQG)⁶⁶.

Các phương thức vận tải tiếp tục được đa dạng hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ. Đã khôi phục tuyến tàu khách liên vận quốc tế Việt-Trung từ ga Gia Lâm (Hà Nội) đến Nam Ninh; khai trương nhiều đoàn tàu chất lượng cao phục vụ khách du lịch trong nước và quốc tế⁶⁷.

Ngành du lịch tiếp tục được đầu tư, xây dựng hình ảnh hấp dẫn, có điểm nhấn riêng. Chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch năm 2025 được đẩy mạnh. Chính phủ

⁶⁴ Trong 11 tháng năm 2025 (so với cùng kỳ năm 2024), giao dịch TTKDTM tăng 42,34% về số lượng và tăng 22,59% về giá trị; qua kênh Internet tăng 52,91% về số lượng và tăng 36,25% về giá trị; qua kênh điện thoại di động tăng 36,48% về số lượng và tăng 20,48% về giá trị; qua phương thức QR code tăng 54,45% về số lượng và tăng 141,02% về giá trị. Đến nay, hầu hết dịch vụ ngân hàng cơ bản đã được thực hiện trên kênh số, nhiều ngân hàng đạt tỷ lệ khoảng 95% giao dịch thực hiện trên kênh số.

⁶⁵ Đến nay, Việt Nam đã hoàn tất kết nối hệ thống thanh toán bán lẻ xuyên biên giới qua QR Code với Thái Lan, Campuchia, Lào, cho phép khách hàng thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài thông qua mã QR ngay trên ứng dụng di động (Mobile app) của ngân hàng Việt Nam và ngược lại. Ngoài ra, Việt Nam cũng đang triển khai kết nối thanh toán QR với Trung Quốc, Hàn Quốc và một số quốc gia khác.

⁶⁶ Trên Cổng DVCQG, người dân, doanh nghiệp có thể sử dụng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thực hiện thanh toán trực tuyến: (i) thanh toán phí, lệ phí thủ tục hành chính; (ii) khai và nộp thuế (doanh nghiệp, cá nhân); (iii) đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; (iv) nộp thuế, lệ phí trước bạ về đất đai, tài sản; (v) nộp phạt xử lý vi phạm hành chính; (vi) thanh toán tiền điện; (vii) thanh toán viện phí; (viii) nộp tạm ứng án phí.

⁶⁷ Như tuyến Hà Nội – Đồng Hới, tàu “Hoa Phượng Đỏ” tuyến Hà Nội – Hải Phòng,...

đã ban hành Nghị định số 221/2025/NĐ-CP và Nghị quyết số 229/NQ-CP về miễn thị thực theo Chương trình kích cầu phát triển du lịch cho một số nước. Các chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch được đẩy mạnh cùng với nhiều hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn của dân tộc, đưa văn hóa, lịch sử Việt Nam tới bạn bè thế giới.

c) Triển khai quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/05/2025 về Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW và quyết liệt chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương khẩn trương xây dựng kế hoạch thực hiện⁶⁸. Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng Bộ chỉ số đo lường, giám sát thực thi Nghị quyết số 68-NQ/TW; nghiên cứu thành lập Quỹ phát triển kinh tế tư nhân; tổ chức các buổi tọa đàm với gần 1.000 doanh nghiệp và tất cả các tỉnh, thành phố tham dự. Các Nghị quyết sau khi được ban hành đã nhận được sự ủng hộ, tích cực tham gia của người dân, doanh nghiệp, bước đầu phát huy ngay hiệu quả đến các động lực tăng trưởng. Niềm tin, khí thế của doanh nghiệp, doanh nhân ngày càng được nâng lên.

Nhiều Chương trình, Đề án về phát triển, hỗ trợ kinh tế tư nhân, thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và lớn, hỗ trợ các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và hộ kinh doanh được triển khai, xây dựng với tinh thần khẩn trương, chủ động với mục tiêu tạo tiền đề vững chắc cho năm 2026 và giai đoạn 2026-2030; nổi bật như tăng cường ngoại giao tập đoàn nhằm kết nối các doanh nghiệp nước ngoài với các tập đoàn, công ty tư nhân trong nước, hỗ trợ vốn tín dụng cho doanh nghiệp tư nhân, nhất là doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, đổi mới sáng tạo vay đầu tư máy móc công nghệ, phát triển chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng; chương trình đào tạo, bồi dưỡng 10.000 giám đốc điều hành để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp; nghiên cứu quy định pháp luật để tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh khai thác dữ liệu số phục vụ sản xuất, kinh doanh; Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong; Chương trình hỗ trợ hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2026-2030.

Công tác cải cách thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được triển khai khẩn trương, bám sát với định hướng tại Nghị quyết số 68-KL/TW của Bộ Chính trị và các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp và ban hành Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025, trong đó đã bổ sung, sửa đổi nhiều quy định, đơn giản hóa hồ sơ, giảm thời hạn giải quyết một số thủ tục từ 03 ngày xuống 01 ngày làm việc, đảm bảo 100% thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp và hộ kinh doanh được thực hiện trực tuyến toàn trình cấp độ 4 và phi địa giới trong phạm vi cấp tỉnh. Việt Nam là quốc gia có môi trường kinh doanh cải thiện nhanh nhất trong 20 năm qua⁶⁹, đứng đầu trong 82 quốc gia được khảo sát với mức cải thiện 1,7 điểm trên thang 10 giai đoạn 2003 - 2023.

Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể; nghiên cứu xây dựng cơ chế thí điểm một số Liên đoàn Hợp tác xã (HTX),

⁶⁸ Đến hết tháng 7/2025 đã có 34/34 địa phương và 21 bộ, cơ quan ban hành Kế hoạch thực hiện.

⁶⁹ Theo báo cáo của Economist Intelligence Unit năm 2024.

Chương trình tổng thể phát triển kinh tế tập thể trên toàn quốc. Năm 2025, cả nước ước có khoảng 23.000 HTX nông nghiệp với 4,2 triệu thành viên. Có 3.000 HTX ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp tuần hoàn; khoảng 3.500 HTX, Tổ hợp tác liên kết Doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

d) Thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới

Nhiều chương trình, đề án để phát triển kinh tế số tiếp tục được nghiên cứu xây dựng, tạo tiền đề, hành lang pháp lý cho phát triển kinh tế số như Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026-2030, Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh giai đoạn 2026-2030. Trong Quý I năm 2025, tỷ trọng kinh tế số trên GDP đạt 18,72%⁷⁰.

Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Nghị quyết số 222/2025/QH15 về Trung tâm Tài chính tại Việt Nam; tham mưu Chính phủ ban hành 02/08 Nghị định hướng dẫn triển khai Nghị quyết số 222/2025/QH15, trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Chỉ đạo và Hội đồng điều hành để tạo lập khung pháp lý vận hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam để thu hút dòng vốn chất lượng cao trong lĩnh vực tài chính, công nghệ tài chính và dịch vụ cao cấp; ban hành Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 9/9/2025 về triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã khẩn trương chỉ đạo nghiên cứu và ban hành nhiều chính sách và các nhóm giải pháp phát triển kinh tế xanh⁷¹ trong nhiều lĩnh vực như tín chỉ các-bon, khai thác tài nguyên, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi sản xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn mới; đồng thời hoàn thiện các chính sách về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường. Ngày 8/7/2025, Việt Nam đã có 03 dự án đầu tiên hoàn thành công tác huy động vốn để đóng góp vào quá trình triển khai Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP)⁷², thể hiện rõ quyết tâm của Việt Nam trong cam kết thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” năm 2050.

6. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, chuyển đổi số

a) Tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, ban hành 39

⁷⁰ Theo số lượng ước tính của Bộ Khoa học và Công nghệ.

⁷¹ Quyết định số 232/QĐ-TTg ngày 24/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt đề án thành lập và phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam; Nghị định số 57/2025/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về quy định cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện năng lượng tái tạo và khách hàng sử dụng điện lớn; Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/07/2025.

⁷² Thỏa thuận tín dụng trị giá 67 triệu Euro giữa Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVN NPT) và Cơ quan phát triển Pháp (AFD) cho Dự án đường dây 500kV đoạn qua thành phố Hồ Chí Minh (tỉnh Bình Dương cũ) và tỉnh Đồng Nai; thỏa thuận tín dụng trị giá 480 triệu Euro giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và 6 tổ chức tài chính phát triển thuộc IPG, gồm: Cơ quan phát triển Pháp (AFD), Ngân hàng Đầu tư Châu Âu (EIB), Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), Ngân hàng tái thiết Đức (KfW), Tổ chức tài chính CDP (Cộng hòa Ý) và Proparco xây dựng Dự án Thủy điện tích năng Bắc Ái công suất lắp đặt là 1200 MW tại tỉnh Khánh Hòa (tỉnh Ninh Thuận trước đây), dự án cũng nhận được 10 triệu Euro hỗ trợ kỹ thuật từ EU; Thỏa thuận về khoản vay 65 triệu Euro giữa EVN và Ngân hàng tái thiết Đức (KfW) cho Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Trị An công suất 200MW.

Chỉ thị, Công điện, 120 thông báo kết luận, văn bản chỉ đạo, tổ chức 05 Phiên họp của Ban Chỉ đạo của Chính phủ và 30 cuộc họp của Lãnh đạo Chính phủ để chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia và Trung tâm dữ liệu quốc gia đi vào hoạt động và phát huy hiệu quả⁷³. Quan tâm bố trí đủ nguồn lực cho phát triển khoa học công nghệ⁷⁴. Cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tiếp tục được quan tâm và có sự đổi mới, đã trình Quốc hội thông qua Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, trong đó đã tháo gỡ triệt để các điểm nghẽn, xây cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, cơ chế đặc thù, chấp nhận rủi ro và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ. Chính phủ thành lập Ban Chỉ đạo của Chính phủ và ban hành các Nghị quyết về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Các nhiệm vụ trọng tâm do Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giao được triển khai khẩn trương; trong đó đã ra mắt 03 nền tảng số phục vụ triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị⁷⁵. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược; thành lập Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia. Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia được cơ cấu lại theo hướng rút gọn quy trình, nâng cao hiệu quả phân bổ kinh phí; nghiên cứu xác định các sản phẩm công nghệ chiến lược có tính khả thi cao để có thể triển khai ngay trong năm 2025. Chương trình quốc gia phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược đang từng bước được hoàn thiện, đã trình Thủ tướng Chính phủ. Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn cho các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) của các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới như Qualcomm, NVIDIA, SAP...; khởi công nhà máy chip bán dẫn đầu tiên do Việt Nam làm chủ công nghệ; qua đó khẳng định Việt Nam đang dần trở thành một điểm đến tiềm năng trên bản đồ công nghệ thế giới.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hệ thống chính trị; đã phê duyệt Chiến lược dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, khánh thành Trung tâm dữ liệu quốc gia số 1 và đưa vào vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nền tảng phát triển Chính phủ số, xã hội số. Phát triển Chính phủ điện tử xếp hạng 71/193, tăng 15 bậc so với năm 2020. Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học công nghệ⁷⁶ được hình thành; tiếp tục vận hành

⁷³ Hình thành một số tổ chức khoa học và công nghệ mang tầm quốc tế ở cả khu vực công và tư như các viện: Khoa học và công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc; Nghiên cứu cao cấp về Toán; Nghiên cứu và phát triển Viettel; Nghiên cứu dữ liệu lớn Vintech; Nghiên cứu công nghệ cao Vin Hi-Tech... Triển khai nhiều dự án, hợp tác đầu tư trong các lĩnh vực mới nổi, tạo sự lan tỏa như: Tập đoàn NVIDIA và Chính phủ Việt Nam hợp tác thành lập Trung tâm R&D về AI và Trung tâm dữ liệu AI; Tập đoàn Qualcomm xây dựng Trung tâm R&D hàng đầu thế giới về AI; Tập đoàn Samsung khánh thành Trung tâm R&D Samsung...

⁷⁴ Bố trí đủ 3% (tương đương 76 nghìn tỷ đồng) tổng chi NSNN để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

⁷⁵ Gồm: Cổng Thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam; Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia.

⁷⁶ Đã xử lý và cập nhật: 5.487 biểu ghi nhiệm vụ khoa học, công nghệ, 18.716 biểu ghi công bố khoa học công nghệ, 895 biểu ghi tổ chức KH&CN lên Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về khoa học công nghệ (bao gồm: 2.395 biểu ghi kết quả thực hiện nhiệm vụ, 281 biểu ghi nhiệm vụ đang tiến hành, 2.811 biểu ghi báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ; 10.000 biểu ghi công bố khoa học công nghệ tiếng Việt và 10.000 biểu ghi công bố khoa học công nghệ tiếng Anh).

thử nghiệm Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia⁷⁷; tập trung hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa⁷⁸.

Đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực ưu tiên được đẩy mạnh triển khai; quy mô đào tạo các ngành công nghệ kỹ thuật mũi nhọn, trọng điểm tăng cả về số lượng và chất lượng trong 05 năm qua, với 102 ngành học và quy mô đào tạo trên 255 nghìn người. Năng suất lao động đã có sự bứt phá ở năm cuối nhiệm kỳ, tăng 6,83% so với năm 2024, cao hơn cao hơn mục tiêu đề ra năm 2025 (5,3-5,4%) và giai đoạn 05 năm 2021-2025 (6,5%). Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2025 ước đạt 29,2%, cao hơn 0,8% so với năm 2024 và 4,1% so với năm 2020 (24,1%).

Cơ chế, chính sách về phát triển đội ngũ trí thức giai đoạn đến năm 2030 được tập trung hoàn thiện; đã ban hành kế hoạch thu hút 100 chuyên gia giỏi tham gia các chương trình phát triển trí tuệ nhân tạo trọng điểm cấp quốc gia; tích cực nghiên cứu xây dựng chính sách đãi ngộ đặc biệt vượt khung lương, nhà ở, môi trường làm việc để thu hút ít nhất 100 chuyên gia hàng đầu về nước làm việc. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 219/2025/NĐ-CP quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; trong đó, lao động nước ngoài lĩnh vực đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số được miễn giấy phép lao động.

Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia tiếp tục phát huy vai trò trong thúc đẩy phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Năm 2025, Việt Nam xếp thứ 02 khu vực ASEAN về đầu tư vào khởi nghiệp AI (Start-up GenAI)⁷⁹; chỉ số hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu của Việt Nam tiếp tục tăng 02 bậc, xếp thứ 55 thế giới và thứ 5 khu vực ASEAN; xếp thứ 6/40 quốc gia về Chỉ số AI Thế giới năm 2025⁸⁰. Theo Báo cáo Chỉ số đổi mới, sáng tạo toàn cầu (GII) 2025, Việt Nam được xếp hạng 44/139 quốc gia, nền kinh tế, đứng thứ 3 khu vực ASEAN, sau Singapore và Malaysia⁸¹. Tính đến 20/12/2025, cả nước có khoảng 962 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ, trong đó hơn 90% là doanh nghiệp tự đầu tư nghiên cứu bằng vốn của doanh nghiệp và nhận chuyển giao công nghệ. Công sáng kiến quốc gia đã tiếp nhận hơn 1.000 sáng kiến (đến ngày 12/12/2025), trong đó 309 sáng kiến đã được tài trợ kinh phí thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo theo Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương; trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Chất lượng giáo dục và đào tạo có nhiều chuyển biến rõ nét, thực chất gắn với chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong dạy và học. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được triển khai theo đúng lộ trình; kết hợp

⁷⁷ Hệ thống hạ tầng được thiết kế đảm bảo hỗ trợ lên tới hơn 70.000 doanh nghiệp thực hiện truy xuất nguồn gốc và bảo đảm trao đổi dữ liệu với các hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc của các tỉnh, thành và các bộ ngành quản lý.

⁷⁸ (i) Đã có hơn 2.500 doanh nghiệp đăng ký sử dụng mã số mã vạch mới; (ii) Thực hiện tốt công tác chuyên môn về cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp, giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; duyệt mẫu phương tiện đo, cấp đăng ký hoạt động về lĩnh vực đo lường, cấp thẻ kiểm định viên.

⁷⁹ Báo cáo Khởi nghiệp GenAI ASEAN 2024 của GenAI Fund.

⁸⁰ Theo Bảng Chỉ số AI Thế giới 2025 của Mạng lưới Nghiên cứu thị trường độc lập toàn cầu (WIN).

⁸¹ Việt Nam liên tục giữ vị trí thứ 2 trong nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình thấp (sau Ấn Độ); là một trong ba quốc gia (cùng với Ấn Độ và Moldova) giữ kỷ lục có thành tích vượt trội so với mức độ phát triển trong 14 năm liên tiếp.

hài hòa giữa đức, trí, thể, mỹ với phát huy khả năng của học sinh; kết hợp dạy chữ, dạy người với định hướng nghề nghiệp, bước đầu đã tạo được chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả giáo dục phổ thông. Giáo dục STEM được chú trọng triển khai, lồng ghép trong các môn học, hoạt động trải nghiệm và ngoại khóa, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 28/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng ưu đãi đối với học sinh sinh viên, học viên thạc sĩ và nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM).

Tiếp tục tổ chức thẩm định sách giáo khoa biên soạn theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; đẩy mạnh triển khai Kế hoạch xây dựng Khung Chương trình giáo dục trí tuệ nhân tạo (AI) cho học sinh phổ thông, bước đầu triển khai giáo dục kỹ năng công dân số. Xây dựng, hoàn thiện Đề án quốc gia từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư, có sự chuyển biến tích cực, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và mục tiêu đổi mới giáo dục phổ thông⁸².

Chất lượng giáo dục phổ thông đại trà và mũi nhọn ngày càng nâng cao⁸³; tổ chức thành công kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT), công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng và Lễ Khai giảng năm học mới trực tuyến trên toàn quốc; 100% học sinh Việt Nam (194 em) tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế đều đoạt giải⁸⁴. Các đề án, chương trình nâng cao chất lượng giáo dục đại học được Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ phê duyệt và bắt đầu khẩn trương triển khai⁸⁵; tăng cường thực hiện tự chủ đại học, đi vào thực chất hơn; việc đào tạo từ xa, đào tạo trực tuyến ngày càng được quan tâm, phát triển. Nhiều cơ sở giáo dục đại học tăng thứ bậc trên các bảng xếp hạng uy tín quốc tế⁸⁶. Hạ tầng trường học tiếp tục được cải thiện, tỷ lệ kiên cố hóa phòng học đạt 89,6%.

Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên tiếp tục được chú trọng, quan tâm; tập trung xây dựng, hoàn thiện dự án Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi). Xây dựng các mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động theo vùng, địa phương; tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm; hỗ trợ người học tìm việc làm sau tốt nghiệp; chú trọng gắn kết đào tạo với việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Tăng cường hoạt động đào tạo nghề cho lao động trong doanh nghiệp,

⁸² Hiện nay, cả nước có khoảng 484.171 phòng học các cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập, trong đó số phòng học kiên cố đạt tỷ lệ 88,1%. Về phòng học bộ môn, hiện nay các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trong cả nước có 93.182 phòng học bộ môn, trong đó: Cấp học mầm non có 14.190 phòng học bộ môn, tỷ lệ 1,09 phòng/trường; Cấp học tiểu học có 28.836 phòng học bộ môn, tỷ lệ 2,39 phòng/trường; Cấp THCS có 40.889 phòng học bộ môn, tỷ lệ 4,62 phòng/trường; Cấp THPT có 12.096 phòng học bộ môn, tỷ lệ 5,34 phòng/trường; Tại các trường phổ thông có nhiều cấp học có 9.351 phòng học bộ môn, tỷ lệ 4,28 phòng/trường;

⁸³ Tổ chức thành công Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia với 5.812 thí sinh tham dự, có 3.351 thí sinh đạt giải chiếm 57,65%.

⁸⁴ Trong đó, có 61 Huy chương Vàng, 69 Huy chương Bạc, 51 Huy chương Đồng, 01 giải khuyến khích và 12 Bằng khen.

⁸⁵ Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sự phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 663/QĐ-TTg ngày 25/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển Đại học Bách khoa Hà Nội thuộc nhóm các cơ sở giáo dục đại học hàng đầu Châu Á.

⁸⁶ Có 05 đại diện lọt vào bảng xếp hạng đại học thế giới năm 2024 của Tổ chức Quacquarelli Symonds (QS), gồm Đại học Duy Tân (vị trí 514, tăng 286 bậc); Đại học Tôn Đức Thắng (nhóm 721 - 730, tăng 280 bậc); Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh và Đại học Quốc gia Hà Nội (nhóm 951 - 1.000); Đại học Bách khoa Hà Nội (nhóm 1.201 - 1.400).

đào tạo nghề cho lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đẩy mạnh mô hình đào tạo, đào tạo lại trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác...

Công tác hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh ở các địa phương được đẩy mạnh. Nhiều đề án về tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống được triển khai giúp học sinh, sinh viên có lối sống văn hóa, yêu nước, tự hào dân tộc, có ý thức tuân thủ pháp luật, xây dựng văn hóa học đường, ngăn chặn hiệu quả bạo lực học đường. Đến nay, 100% cơ sở giáo dục đã xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học.

Đội ngũ nhà giáo được phát triển về số lượng và chất lượng, khắc phục dần những bất cập về cơ cấu⁸⁷; chủ động rà soát, tổng hợp số lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên để đề xuất, trình Ban Chỉ đạo quản lý biên chế Trung ương 10.304 biên chế giáo viên năm học 2024-2025. Đã trình Quốc hội thông qua Luật Nhà giáo, tạo hành lang pháp lý vững chắc phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Tiếp tục triển khai các Chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao cho các ngành kinh tế số, chip, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, đường sắt tốc độ cao, điện hạt nhân, pháp luật...; thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo; xây dựng Chuẩn Chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học. Nhiều đề án về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và ban hành⁸⁸. Các nội dung hợp tác về đào tạo nguồn nhân lực với các quốc gia có nền khoa học tiên tiến như Nga, Nhật Bản... được thực hiện có hiệu quả, thiết thực.

7. Phát triển văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ rõ nét; an sinh xã hội được bảo đảm; đời sống Nhân dân tiếp tục được cải thiện

a) Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa tiếp tục được chú trọng quan tâm. Nhiều di sản văn hóa, tư liệu của Việt Nam được UNESCO công nhận, ghi danh⁸⁹. Đã trình Quốc hội ban hành Luật Di sản văn hóa và ban hành các Nghị định hướng dẫn để thi hành Luật kịp thời, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả. Năm 2025, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định xếp hạng 09 di tích quốc gia đặc biệt; UNESCO đã công nhận Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc là Di sản Văn hóa Thế giới và Bộ sưu tập tài liệu của nhạc sĩ Hoàng Vân là Di sản tư liệu thế giới. Nhiều sự kiện văn hóa gắn với xúc tiến du lịch được

⁸⁷ Năm học 2024 - 2025 (tính đến tháng 5/2025), các địa phương đã tuyển dụng được 19.246 giáo viên mầm non, phổ thông. Tính đến tháng 10 năm 2025, tổng số giáo viên mầm non, phổ thông là 1.278.702 giáo viên mầm non, phổ thông (tăng 5.347 so với cuối năm học 2024-2025) và 97.704 cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông (giảm 1.199 cán bộ quản lý so với năm học 2024-2025).

⁸⁸ Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 24/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025-2035 và định hướng đến năm 2045; Quyết định số 374/QĐ-TTg ngày 19/02/2025 phê duyệt Đề án phát triển hệ thống trung tâm đào tạo xuất sắc và tài năng về công nghệ 4.0 đến năm 2030; Quyết định số 671/QĐ-TTg ngày 26/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển trung tâm đào tạo chất lượng cao tại thành phố Buôn Ma Thuột và thành phố Đà Lạt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 26/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ phát triển điện hạt nhân đến năm 2045".

⁸⁹ Giai đoạn 2021-2025, Việt Nam có 8 di sản thế giới được UNESCO công nhận, ghi danh, nâng tổng số lên 36 di sản.

tổ chức hiệu quả⁹⁰. Năm Du lịch Quốc gia Huế - 2025 với chủ đề “Huế - Kinh đô xưa, Vận hội mới” được tổ chức thành công, tạo dấu ấn rõ nét, góp phần thúc đẩy liên kết du lịch giữa các địa phương và quảng bá di sản lịch sử, văn hóa Việt Nam.

Các hoạt động văn hóa, thể thao kỷ niệm các ngày Lễ lớn kỷ niệm, các sự kiện trọng đại được tổ chức tốt, an toàn như Kỷ niệm 100 năm ngày Báo chí cách mạng Việt Nam, 110 năm Ngày sinh Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh....Tổ chức rất thành công kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ, 50 năm Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, 80 năm Quốc khánh 2/9 và Triển lãm “80 năm Hành trình Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”⁹¹ gắn với quảng bá, phát triển các giá trị văn hóa truyền thống, góp phần khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, đoàn kết, lòng tự hào dân tộc, niềm tin của nhân dân cả nước. Công nghiệp văn hóa, giải trí gắn với du lịch được đẩy mạnh; một số sản phẩm văn hóa xuất hiện, tạo hiệu ứng truyền thông tích cực. Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 được tập trung triển khai. Thể thao thành tích cao⁹², phong trào thể thao quần chúng được đẩy mạnh. Theo Liên hợp quốc, chỉ số hạnh phúc của Việt Nam năm 2025 xếp thứ 46, tăng 37 bậc so với năm 2020 (xếp thứ 83).

b) Tiếp tục tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chỉ thị số 14-CT/TW của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng, Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng

Các hoạt động “đền ơn đáp nghĩa”, “uống nước nhớ nguồn”, huy động nguồn lực xã hội, cộng đồng chăm lo đời sống người có công với cách mạng được đẩy mạnh. Nhân dịp Tết Nguyên đán Ất tỵ 2025, kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và 80 năm ngày Quốc khánh, Chủ tịch nước đã tặng quà cho người có công với tổng kinh phí 03 đợt là hơn 1,8 nghìn tỷ đồng. Đến ngày 25/9/2025, Lãnh đạo trung ương và địa phương, các ban, ngành, đoàn thể, các nhà hảo tâm cũng đã tổ chức thăm hỏi, động viên và tặng quà cho đối tượng bảo trợ xã hội với số tiền hơn 23,3 nghìn tỷ đồng; hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn, hộ chính sách xã hội là 3,5 nghìn tỷ đồng; người có công, thân nhân người có công với cách mạng là 29,5 nghìn tỷ đồng; hỗ trợ đợt xuất, bắt thường phát sinh tại địa phương là 371,9 tỷ đồng, với tổng số tiền hỗ trợ an sinh xã hội cho các nhóm đối tượng là gần 56,8 nghìn tỷ đồng. Các điều kiện, tiêu chuẩn xem xét công nhận người có công với cách mạng được chuẩn hóa theo đúng nguyên tắc chặt chẽ, thật sự xứng đáng, tôn vinh đúng đối tượng⁹³; chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân được quy định thống nhất, rõ ràng; kịp thời bổ sung cả về đối tượng và chế độ thụ hưởng đối với người có công, thân nhân người có công với cách mạng. Thủ tướng Chính phủ đã kiện toàn Ban Quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa Trung ương.

Chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ theo Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 được Thủ tướng Chính phủ

⁹⁰ Lễ hội Văn hóa - Du lịch Việt Nam tại Ba Lan, Séc và Đức, chuỗi sự kiện Năm Du lịch Quốc gia - Huế 2025...

⁹¹ Triển lãm đã đón hơn 10 triệu lượt khách tới tham quan và trải nghiệm.

⁹² Nước ta lần thứ 3 liên tiếp giành vô địch giải bóng đá U23 Đông Nam Á; lần đầu tiên vô địch Giải cờ tướng thế giới; cầu mây nữ Việt Nam lần thứ ba vô địch thế giới; Tham dự thi đấu các giải thể thao quốc tế đạt 146 huy chương (gồm 72HCV, 36HCB, 38HCD).

⁹³ Trong 10 tháng năm 2025, đã cấp mới 342 bằng Tổ quốc ghi công; cấp lại 2.797 bằng Tổ quốc ghi công; cấp trích lục 106 hồ sơ liệt sĩ; tra cứu trên 5.500 bộ hồ sơ liệt sĩ.

chỉ đạo thực hiện quyết liệt; từ khi Quyết định có hiệu lực ngày 09/01/2025 đến hết tháng 8 năm 2025, cả nước đã thực hiện hỗ trợ cho 34.754/36.854 hộ, đạt 94,3% mục tiêu đã đề ra, cơ bản hoàn thành mục tiêu trước ngày 30/8/2025.

c) Công tác bảo đảm an sinh xã hội, bảo trợ xã hội, trợ giúp xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

Giai đoạn 2021 - 2025, đã chi 1,1 triệu tỷ đồng cho an sinh xã hội (chiếm 17% tổng chi NSNN), hỗ trợ gần 700 nghìn tấn gạo cho người khó khăn; mở rộng trợ giúp thường xuyên cho trên 3,5 triệu người có công, người yếu thế... Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2025 là khoảng 1,3%, giảm 1% so với năm 2024, đạt mục tiêu đề ra và giảm 3,1% so với năm 2021 (khoảng 4,4%). Đã bố trí kinh phí khoảng 13 nghìn tỷ đồng tặng quà tri ân Nhân dân nhân dịp Quốc khánh 2/9 và đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em mồ côi nhân dịp chào mừng Đại hội XIV của Đảng và Tết Nguyên đán năm 2026.

Công tác trợ giúp xã hội tiếp tục được triển khai thường xuyên, bảo đảm hỗ trợ kịp thời, đầy đủ cho các đối tượng yếu thế. Hệ thống pháp lý được bổ sung, hoàn thiện nhằm tạo cơ sở hỗ trợ tối đa cho các đối tượng thuộc diện trợ cấp, trợ giúp xã hội. Các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch, bố trí ngân sách và huy động nguồn lực xã hội hóa để kịp thời hỗ trợ, góp phần ổn định đời sống người dân. Đã miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em nhà trẻ bán trú ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, học sinh tiểu học, trung học cơ sở ở các xã biên giới và một số địa phương có điều kiện cũng đã chủ động hỗ trợ; dành nguồn lực để xây dựng 248 trường liên cấp nội trú, bán trú hiện đại tại các xã biên giới đất liền, trong đó trước mắt đã bố trí đủ vốn để xây dựng giai đoạn 1 đối với 100 trường, hoàn thành trước năm học mới 2026 - 2027.

Chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật và phát triển công tác xã hội được chú trọng. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045. Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội được triển khai hiệu quả; đến nay cả nước thành lập 425 cơ sở trợ giúp xã hội, đáp ứng nhu cầu cho khoảng 30% đối tượng cần hỗ trợ. Hiện nay có khoảng 1,71 triệu người khuyết tật đặc biệt nặng và nặng đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng, có trên 3 triệu người khuyết tật được cấp giấy chứng nhận khuyết tật.

Công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai được triển khai kịp thời với tinh thần không để dân đói, dân rét, không có chỗ ở, học sinh sớm được đến trường, người bệnh phải được cứu chữa. Đồng thời, đã triển khai quyết liệt, chủ động các giải pháp ứng phó khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ, kịp thời hỗ trợ tích cực Nhân dân nhanh chóng ổn định đời sống, khôi phục sản xuất kinh doanh với các giải pháp về tài chính, ngân hàng và dự án, công trình cụ thể; từ đầu quý III đến nay, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo sát sao, trực tiếp tại địa bàn, huy động mọi lực lượng phòng, chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn, hỗ trợ người dân, di dời dân cư khỏi các khu vực nguy hiểm; hỗ trợ từ dự phòng NSTW năm 2025 khoảng 8,8 nghìn tỷ đồng và gần 42,1 nghìn tấn gạo hỗ trợ các địa phương để khắc phục hậu quả do bão và mưa lũ, tính chung từ đầu giai đoạn đến nay là trên 53 nghìn tỷ đồng. Đến

nay, sau hơn 01 tháng phát động “Chiến dịch Quang Trung”, đã cơ bản hoàn thành 100% sửa chữa nhà cho người dân bị thiệt hại bởi thiên tai cuối năm 2025, 100% số nhà phải xây mới đã được khởi công và phần đầu hoàn thành toàn bộ trước ngày 31/01/2026 để người dân có nhà trước Tết Nguyên đán (đang nỗ lực, phần đầu hoàn thành trước ngày 15/01/2026).

Tiếp tục phát huy hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội; đã tổ chức triển khai hiệu quả các chương trình chính sách tín dụng ưu đãi cho học sinh, sinh viên, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, hộ nghèo, hộ cận nghèo, tạo việc làm và nhà ở xã hội. Trong năm 2025, Ngân hàng Chính sách xã hội đã giải ngân số vốn tín dụng chính sách hơn 140 nghìn tỷ đồng với hơn 2.180 nghìn lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách vay vốn; trong đó có hơn 5,3 nghìn học sinh, sinh viên theo chính sách thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Tổng dư nợ tín dụng chính sách xã hội đến nay đạt 413.218 tỷ đồng, tăng 45.587 tỷ đồng (tăng 12,4%) so với năm 2024, với gần 6.731 nghìn hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác đang còn dư nợ. Vốn tín dụng chính sách trong năm 2025 đã hỗ trợ đầu tư sản xuất kinh doanh, tạo việc làm cho trên 814 nghìn lao động, trong đó, gần 8,5 nghìn lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, hơn 5,3 nghìn người chấp hành xong án phạt tù có việc làm; giúp trên 62 nghìn học sinh sinh viên vay vốn học tập; xây dựng trên 1.580 nghìn công trình nước sạch, công trình vệ sinh ở nông thôn; mua, thuê mua, xây dựng trên 13 nghìn căn nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, nhà ở cho người nghèo và đối tượng chính sách... góp phần ổn định và phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Chương trình bố trí dân cư tiếp tục được đẩy mạnh, đảm bảo hoàn thiện hạ tầng thiết yếu tại khu tái định cư, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống, vật chất, tinh thần của người dân, nhất là các vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân tại khu tái định cư giảm trên 3%/năm; tỷ lệ hộ có nhà kiên cố, bán kiên cố trên 90%. Hoàn thành mục tiêu xóa nhà tạm, nhà dột nát trước 5 năm 4 tháng với trên 334 nghìn căn nhà.

d) Về tình hình lao động, việc làm

Các giải pháp kết nối và điều tiết cung - cầu lao động, phát triển thị trường lao động, hỗ trợ người lao động tìm kiếm việc làm tiếp tục được triển khai quyết liệt thông qua các chính sách, chương trình, đề án về hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước; các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, tổ chức các sàn giao dịch việc làm⁹⁴... Ước tính lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên cả nước đạt khoảng 53,5 triệu người; số lao động có việc làm đạt 52,4 triệu người; ước năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đạt 70%, trong đó tỷ lệ người lao động có bằng, chứng chỉ đạt 29,2%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Chuyển dịch cơ cấu có chiều hướng tích cực, giảm tỷ lệ lao động trong khu vực nông, lâm, thủy sản từ 28,3% năm 2020 còn 25,7%, tăng khu vực công nghiệp và xây dựng, khu vực dịch vụ lần lượt trên 33,5% và 40,8%. Tính chung năm 2025, tỷ lệ thất nghiệp,

⁹⁴ Từ đầu năm đến nay, các Trung tâm dịch vụ việc làm đã tổ chức 752 phiên giao dịch việc làm, thực hiện tư vấn, giới thiệu việc làm cho 1,738 triệu người; trong đó số lao động có việc làm là 425,5 nghìn người.

thiếu việc làm lần lượt là 2,22% và 1,65%, giảm so với cùng kỳ; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị ước đạt 2,51%, trong phạm vi mục tiêu đề ra. Hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài phục hồi nhanh chóng, lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tăng dần về cả chất lượng và số lượng; ước cả năm 2025, số người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đạt 144.345 lao động, đạt 111% kế hoạch năm 2025.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 158/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội, khuyến khích người lao động bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội để hưởng lương hưu, khắc phục tình trạng người lao động rút bảo hiểm xã hội một lần. Ước cả năm 2025, số người tham gia bảo hiểm xã hội tăng 5,9%, chiếm 45,1% lực lượng lao động trong độ tuổi; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng từ 90,2% năm 2020 lên 95,16% năm 2025.

Tiếp tục thực hiện cải cách tiền lương, góp phần cải thiện đời sống của người lao động. Năm 2025, thu nhập bình quân tháng của người lao động là 8,4 triệu đồng/tháng, tăng 8,9% so với cùng kỳ và gấp 1,5 lần năm 2020 (5,5 triệu đồng/tháng).

Công tác đảm bảo vệ sinh, an toàn lao động tiếp tục được làm tốt. Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu triển khai Cơ sở dữ liệu tổ chức kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn lao động; Cơ sở dữ liệu kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động, phấn đấu hoàn thành trong năm 2026. Kiện toàn Hội đồng Quốc gia về an toàn - vệ sinh lao động; tổ chức Lễ Phát động Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động và Tháng Công nhân năm 2025.

d) Triển khai thực hiện đồng bộ các chương trình, đề án về bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Đã chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu trẻ em và cập nhật lên phần mềm quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở thực hiện Đề án số 06; tích hợp Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ, trẻ em phiên bản điện tử lên VNeID. Tiếp tục đẩy mạnh thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, KTXH. Tiếp tục triển khai đồng bộ công tác phòng, chống tệ nạn xã hội. Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 được triển khai quyết liệt. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 132-KL/TW của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy.

e) Về công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035; ban hành Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/06/2025 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược...

Phát triển các lĩnh vực y tế chuyên sâu đạt được nhiều kết quả nổi bật, chất lượng dịch vụ y tế không ngừng được nâng cao, đã làm chủ và ứng dụng thành công

nhiều kỹ thuật tiên tiến⁹⁵ trong khám bệnh, chữa bệnh; mức độ hài lòng của người bệnh ngày càng được cải thiện. Công tác nghiên cứu và sản xuất các loại vaccine, thuốc tiếp tục được chú trọng⁹⁶, trong đó, đã đẩy mạnh hợp tác chuyển giao công nghệ sản xuất vaccine, thuốc chữa trị với Nga, Pháp, Cuba...; đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển công nghiệp dược. Đã hoàn thành các thủ tục mua sắm, đặt hàng vắc xin sử dụng trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng và tổ chức phân bổ ngay đến các tỉnh, thành phố.

Đào tạo nguồn nhân lực y tế được đẩy mạnh, đổi mới hình thức đào tạo; đã xây dựng Đề án đảm bảo nguồn nhân lực cho các trạm y tế cấp xã. Mạng lưới các cơ sở đào tạo nhân lực y tế tiếp tục phát triển cả công lập và ngoài công lập, mở rộng các chuyên ngành đào tạo⁹⁷. Đẩy mạnh triển khai Dự án thí điểm đưa bác sỹ trẻ tình nguyện về công tác tại vùng khó khăn giai đoạn 2021-2030⁹⁸.

Công tác dân số tiếp tục được tập trung chú trọng; đã tham mưu Bộ Chính trị ban hành và tập trung thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới; khẩn trương hoàn thiện, trình Quốc hội Luật Dân số 2025 tại Kỳ họp thứ 10. Chất lượng dân số tiếp tục được cải thiện, mức sinh duy trì mức sinh thay thế, tuổi thọ trung bình tăng; chỉ số phát triển con người (HDI) tăng 18 bậc, xếp 93/193 quốc gia, vùng lãnh thổ, thuộc nhóm nước phát triển con người cao.

Đã cơ bản bảo đảm đáp ứng đủ thuốc bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả, đồng thời chuẩn bị sẵn nguồn cung đối với một số loại thuốc hiếm; việc cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc được thực hiện nghiêm túc; đẩy mạnh xử lý triệt để thuốc giả, không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng trôi nổi trên thị trường⁹⁹.

Các giải pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong khám, chữa bệnh được đẩy mạnh triển khai¹⁰⁰; bảo đảm tiến độ triển khai đồng bộ

⁹⁵ Làm chủ được các kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị bệnh, tập ở người như ghép tạng, trị liệu tế bào gốc, mổ nội soi, kỹ thuật sinh học phân tử, y học hạt nhân; làm chủ được các công nghệ và kỹ thuật tiên tiến trong dự phòng các bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm, các bệnh mới phát sinh. Thử nghiệm lâm sàng kỹ thuật Car-T điều trị ung thư, thử nghiệm lâm sàng tế bào gốc điều trị một số bệnh nan y, mạn tính, làm việc với các đối tác nước ngoài để hợp tác chuyển giao, thử nghiệm vắc xin điều trị ung thư theo công nghệ mRNA...

⁹⁶ Đến tháng 11/2025 đã tổ chức thẩm định và phê duyệt/nghiệm thu 54 nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng thuốc, vắc xin, kỹ thuật mới/phương pháp mới. Tổ chức thực hiện đợt đánh giá của Tổ chức Y tế thế giới để đánh giá chính thức chức năng NRA đối với thử nghiệm lâm sàng thuốc, vắc xin (kết quả đạt 94%, mức ML2). Công ty vaccine Việt Nam (VNVC) và Quỹ đầu tư Trực tiếp của Nga RDIF đã ký kết hợp tác chiến lược về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ vaccine, thuốc sinh học; đồng thời, VNVC và Tập đoàn dược phẩm Sanofi (Pháp) đã trao văn kiện thỏa thuận hợp tác chuyển giao công nghệ sản xuất vaccine của Sanofi tại Nhà máy vaccine và sinh phẩm VNVC; Công ty cổ phần Genfarma nhận chuyển giao công nghệ từ tập đoàn Dược phẩm quốc gia của Cuba - BioCubaFarma để sản xuất dược phẩm Cuba tại Việt Nam, tiến tới thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và phát triển dược phẩm tại Việt Nam, đặc biệt là thuốc điều trị ung thư.

⁹⁷ Cả nước có 214 cơ sở đào tạo nhân lực y tế, trong đó 66 cơ sở giáo dục đại học, 139 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, 9 Viện nghiên cứu có đào tạo tiến sĩ.

⁹⁸ Đến nay Dự án đã tiếp nhận 532 bác sĩ chuyên khoa cấp I khu vực miền núi phía Bắc, miền Trung, Tây nguyên, duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nam Bộ; khai giảng 10 lớp đào tạo bác sĩ chuyên khoa cấp I tại Trường Đại học Y Hà Nội, Đại học Y Dược Huế, Đại học Y Dược Cần Thơ và Đại học Y Dược Thái Nguyên.

⁹⁹ Tỷ lệ thuốc không đạt chất lượng do hệ thống kiểm tra chất lượng nhà nước thực hiện vẫn duy trì ở mức thấp dưới 1%. Tiến hành xử lý đối với 21 mẫu thuốc và thu hồi 04 lô thuốc trên toàn quốc; 02 thuốc thu hồi tự nguyện; xử lý 03 báo cáo liên quan đến thuốc giả, thuốc không rõ nguồn gốc xuất xứ (23 thuốc).

¹⁰⁰ Đến nay đã hoàn thành trên 27 triệu hồ sơ sức khỏe người dân, 1.177 cơ sở khám chữa bệnh triển khai bệnh án điện tử; 100% thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hoàn thành kết nối 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Bệnh án điện tử; hệ thống Sổ sức khỏe điện tử và các hoạt động đăng ký khám chữa bệnh đang được triển khai tích hợp trên ứng dụng VNeID.

Cơ chế hoạt động, tài chính, giá dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tiếp tục được đổi mới, hoàn thiện, đảm bảo lộ trình. Các dự án hạ tầng bệnh viện chưa được hoàn thiện tiếp tục được tập trung tháo gỡ khó khăn, sớm đưa vào hoạt động; khẩn trương triển khai Nghị quyết số 34/NQ-CP ngày 13/02/2025 của Chính phủ về cơ chế, giải pháp xử lý khó khăn, vướng mắc tại Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Bệnh viện Bạch Mai và Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức để hoàn thành công trình xây dựng hai bệnh viện trong năm 2025.

g) Đẩy mạnh triển khai Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”. Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội và đẩy mạnh chỉ đạo đơn đốc, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, giao chỉ tiêu cho từng địa phương thực hiện với mục tiêu phấn đấu cả nước hoàn thành 100.000 căn hộ nhà ở xã hội trong năm 2025. Triển khai xây dựng 633 nghìn căn nhà ở xã hội, trong năm 2025 hoàn thành trên 102,1 nghìn căn hộ nhà ở xã hội, vượt 2,1 nghìn căn hộ so với mục tiêu.

h) Việc thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tình hình sản xuất, đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi duy trì ổn định. Tổ chức ngày hội “Sắc Xuân trên mọi miền Tổ quốc” năm 2025 với sự tham dự của 28 cộng đồng dân tộc ở 14 địa phương, góp phần tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

Tình hình hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo cơ bản ổn định. Cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm hướng dẫn, giải quyết các nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của tổ chức, cá nhân tôn giáo, góp phần tăng cường mối quan hệ giữa chính quyền và giáo hội ngày càng cởi mở, gần bó hơn; đã tổ chức thành công Đại lễ Phật đản và An cư kiết hạ năm 2025, Đại lễ Vesak Liên hợp quốc năm 2025; triển khai kế hoạch công tác đối với Lễ Phục sinh năm 2025 trong Công giáo và đạo Tin lành... Các chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo tin tưởng, chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động tại địa phương và hoạt động an sinh xã hội.

8. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường

a) Công tác rà soát, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu tiếp tục được triển khai khẩn trương. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản 2024. Công tác xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai 2024 được triển khai đồng bộ, song song với việc sửa đổi các Nghị định hướng dẫn thi hành, nhằm nhanh chóng đưa luật vào thực tiễn. Đề án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 tiếp tục được hoàn thiện theo địa giới

hành chính mới. Xây dựng Đề án xử lý cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường không khí tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 02/2025/NQ-CP ngày 11/6/2025 về cơ chế đặc thù trong khai thác khoáng sản; phê duyệt Danh mục khoáng sản chiến lược, quan trọng giai đoạn 2025–2030 và Danh mục không đầu giá quyền khai thác khoáng sản. Công tác giám sát, kiểm tra chấp hành pháp luật về khoáng sản được triển khai quyết liệt. Chỉ số phát triển bền vững của Việt Nam xếp hạng 51/165, tăng 37 bậc so với năm 2016.

b) Công tác quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển, hải đảo tiếp tục đạt hiệu quả. Hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên – môi trường biển, đảo được xây dựng đồng bộ, liên thông giữa các bộ, ngành, địa phương, ứng dụng công nghệ hiện đại. Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đang được đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện. Công tác quản lý, bảo vệ và khai thác bền vững tài nguyên rừng được tăng cường, tập trung giảm thiểu tác động thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính, hấp thụ và lưu giữ các-bon, góp phần thực hiện cam kết của Việt Nam tại COP26 về ứng phó biến đổi khí hậu.

Công tác giám sát, ứng phó với biến đổi khí hậu được nâng cao; hệ thống trạm khí tượng, thủy văn, hải văn và thiết bị quan trắc được đầu tư, nâng cấp theo hướng tự động, hiện đại, bảo đảm 100% thiết bị tự động và mật độ trạm quan trắc đạt mức ngang bằng các nước phát triển trong khu vực Đông Nam Á.

Kế hoạch huy động nguồn lực triển khai Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) tiếp tục được triển khai nhằm thu hút nguồn hỗ trợ từ các đối tác quốc tế. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án thành lập và phát triển thị trường các-bon, theo nguyên tắc thị trường, thúc đẩy chuyển đổi xanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, hướng tới thực hiện các sáng kiến và cam kết tại COP26 và COP28.

Công tác phòng, chống bão lũ được đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, thống nhất từ trung ương đến cơ sở, nhất là đối với những cơn bão cường độ rất mạnh, diễn biến phức tạp (*bão Yagi, Bualoi, Matmo...*), qua đó góp phần giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản. Công tác dự báo bão, mưa lũ, sạt lở đất không ngừng được nâng cao, cảnh báo chính xác diễn biến cường độ và đường đi của bão, nguy cơ mưa lũ, sạt lở đất... Nhiệm vụ phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn được thực hiện thường xuyên, chủ động. Đề án Phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 tiếp tục được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

Công tác quản lý an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước tiếp tục được tăng cường; 100% hồ chứa nước đã được kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu hàng ngày; 100% hồ chứa thủy điện lớn đang vận hành được kiểm soát, giám sát trực tuyến; hoàn thành việc quan trắc, tự động đạt 100% (trừ công trình thủy lợi); đã điều chỉnh Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hồng. Các biến động về dòng chảy, chất lượng nước đối với các nguồn nước liên quốc gia được giám sát chặt chẽ; Đề án Tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia giai đoạn đến năm 2025 đang được tập trung hoàn thiện; tích cực tháo gỡ vướng mắc để đẩy nhanh

tiến độ 16 dự án phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long. Triển khai tích cực, hiệu quả chương trình 01 triệu ha lúa chất lượng cao, phát thải thấp.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 12/07/2025 về triển khai các nhiệm vụ cấp bách, quyết liệt ngăn chặn, giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường. Thúc đẩy đầu tư mở rộng hạ tầng đốt rác phát điện¹⁰¹, các dự án chuyển dịch năng lượng bền vững; triển khai các giải pháp xử lý tình trạng ô nhiễm không khí, ô nhiễm dòng sông tại các đô thị lớn, nhất là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Cả nước có 117 cơ sở xử lý chất thải nguy hại, tỷ lệ thu gom – xử lý đạt khoảng 90%. Trong năm 2025 đã phát hiện 16.280 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 14.302 vụ với tổng số tiền phạt gần 240,8 tỷ đồng, giảm 23,7% so với cùng kỳ năm trước.

9. Tăng cường liên kết vùng, thực hiện hiệu quả quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; chất lượng đô thị hóa và kinh tế đô thị được đẩy nhanh

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28/08/2025 đề nghị mạnh tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai công tác quy hoạch gắn với sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi); đồng thời, đã khẩn trương trình Bộ Chính trị phương án phân vùng KTXH sau khi sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp tỉnh, đảm bảo các quy hoạch vùng được sớm tiếp tục triển khai, mở rộng không gian phát triển cho các địa phương mới. Tập trung xây dựng, trình Quốc hội ban hành Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15, đổi mới toàn diện công tác quy hoạch. Việc tổ chức triển khai lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030 của hệ thống quy hoạch quốc gia đã cơ bản hoàn thành; đến nay, 109/110 quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia đã được phê duyệt, 99 kế hoạch thực hiện quy hoạch được phê duyệt. Chính phủ trình Quốc hội thông qua Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, khẩn trương triển khai điều chỉnh quy hoạch vùng; triển khai điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh và quy hoạch khác có liên quan theo yêu cầu phát triển, khai thác không gian phát triển mới.

Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì Hội nghị lần thứ 6 Hội đồng điều phối Vùng Đông Nam Bộ, trong đó đã xác định các vấn đề quan trọng cần nhanh chóng xử lý trong công tác điều phối vùng sau khi sắp xếp đơn vị hành chính. Các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển vùng đã từng bước được hoàn thiện về cơ sở pháp lý, tạo điều kiện để tiếp tục triển khai ổn định, đồng thời được tổng kết, đánh giá nhằm lựa chọn, thể chế hóa thành các quy định pháp luật chung, áp dụng thống nhất trong phạm vi cả nước. Chính phủ thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù cho các địa phương. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 13/06/2025 về việc thành lập Khu thương mại tự do thành phố Đà Nẵng, thể hiện tinh thần đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm của thành phố Đà Nẵng và Chính phủ trong việc áp dụng mô hình phát triển tiên tiến của thế giới.

Đồng thời, việc ban hành và triển khai các nghị quyết về cơ chế, chính sách

¹⁰¹ Khánh thành Nhà máy đốt rác phát điện Scraphin, công suất 2.250 tấn/ngày, đêm tại Hà Nội, quy mô 310 triệu USD, lớn thứ 2 Đông Nam Á.

đặc thù cho các địa phương¹⁰² đã tạo dư địa thể chế và nguồn lực mới cho các địa phương động lực của cả nước, cho phép thí điểm các cơ chế vượt trội về tài chính - ngân sách, đầu tư, đất đai, phân cấp, phân quyền và tổ chức thực hiện dự án. Nhờ đó, các địa phương đã chủ động hơn trong huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội, đẩy nhanh tiến độ các dự án hạ tầng chiến lược, phát triển công nghiệp, đô thị và dịch vụ, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

Tập trung thực hiện Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn, nghiên cứu, đề xuất, lồng ghép các chính sách ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông đô thị cho phương tiện giao thông sử dụng điện, năng lượng xanh, giao thông phi cơ giới; phát triển bền vững hệ thống đô thị theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực có kiến trúc xanh, bản sắc. Tăng cường kiểm tra công tác quản lý nhà nước về phát triển đô thị. Phát triển cân bằng giữa hạ tầng nông thôn và hạ tầng đô thị; xây dựng nông thôn xanh, sạch đẹp, đồng bộ và tiệm cận với khu vực đô thị. Tiếp tục triển khai các chương trình, đề án về hạ tầng kỹ thuật đô thị đã được phê duyệt; đẩy mạnh thực hiện Đề án 01 tỷ cây xanh, phấn đấu hoàn thành mục tiêu trong năm 2025. Năm 2025, tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung ước đạt 95%.

10. Quốc phòng, an ninh được tăng cường vững mạnh cả về tiềm lực, lực lượng và thể trận cùng cố, không để bị động, bất ngờ, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư cho quốc phòng, an ninh; công nghiệp quốc phòng, an ninh lưỡng dụng được chú trọng

Tăng cường dự báo, nắm chắc tình hình, chủ động nghiên cứu các cuộc chiến tranh, xung đột trên thế giới, khu vực và thực tiễn đất nước để kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước xử lý linh hoạt, hiệu quả các tình huống, không để bị động, bất ngờ, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội. Toàn quân duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, tăng cường quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa, không gian mạng. Chú trọng xây dựng nền quốc phòng toàn dân, phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ các cấp vững chắc; thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng kết hợp với phát triển KTXH đồng bộ, hiệu quả. Quản lý chặt chẽ đất quốc phòng; tích cực tham gia xây dựng hạ tầng giao thông quốc gia; đường tuần tra biên giới. Các binh đoàn, đoàn kinh tế - quốc phòng tiếp tục phát huy tốt vai trò nòng cốt tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở các địa bàn chiến lược, góp phần bảo vệ vững chắc biên cương Tổ Quốc. Chỉ đạo điều binh, điều hành kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước chặt chẽ, an toàn, ấn tượng tốt đẹp. Xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện “mẫu mực, tiêu biểu”, duy trì nền nếp chính quy, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương. Công tác phát triển công nghiệp quốc phòng đạt kết quả tích cực, một số nội dung có bước đột phá mới. Tiềm lực quốc phòng, chủ quyền biển đảo được

¹⁰² Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 260/2025/QH15 ngày 10/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 259/2025/QH15 ngày 10/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 136/2024/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng; Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô.

tăng cường, củng cố. Hội nhập quốc tế, đối ngoại quốc phòng được tiến hành tích cực, chủ động, linh hoạt, thực chất, hiệu quả.

Tổ chức lại lực lượng, chủ động công tác sắp xếp tổ chức quân sự theo hướng “tinh, gọn, mạnh”, bám sát Nghị quyết số 05-NQ/TW của Bộ Chính trị về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và đáp ứng yêu cầu tinh gọn bộ máy của Trung ương; xây dựng, nâng cao chất lượng hoạt động của lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ. Thực hiện tốt phòng thủ dân sự; tiếp tục làm tốt công tác tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, hỗ trợ, bảo vệ ngư dân, bảo vệ hoạt động dầu khí và kinh tế biển, đồng thời kiên quyết, kiên trì, linh hoạt đấu tranh, xua đuổi tàu nước ngoài xâm phạm vùng biển Việt Nam.

Chủ động triển khai các kế hoạch nghiệp vụ đấu tranh, ngăn chặn hoạt động chống phá thế lực thù địch, phản động. Công tác đảm bảo an ninh chính trị nội bộ được triển khai hiệu quả; đảm bảo an ninh báo chí, truyền thông, đấu tranh xâm phạm an ninh quốc gia trên không gian mạng¹⁰³, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đẩy mạnh bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh tôn giáo, an ninh trật tự, phòng chống tội phạm người nước ngoài và quản lý người nước ngoài tại Việt Nam, bảo đảm an ninh hàng không tại các cảng hàng không, sân bay. Các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị, văn hóa quan trọng của đất nước được bảo đảm an ninh tuyệt đối, an toàn ở cấp độ cao nhất, không để xảy ra sai sót.

Công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm đạt kết quả tích cực, kiểm chế hiệu quả sự gia tăng của tội phạm¹⁰⁴. Đã triệt phá xưởng sản xuất ma túy tổng hợp lớn nhất từ trước đến nay; phá đường dây mua bán, sản xuất thuốc giả quy mô toàn quốc; phá đường dây sản xuất gần 600 loại sữa bột giả... An toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy được đảm bảo. Tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí, số lượng vụ tai nạn giao thông tiếp tục xu hướng giảm khi Nghị định số 168/2024/NĐ-CP được ban hành¹⁰⁵. Trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, bảo đảm cuộc sống bình yên cho Nhân dân và tạo thuận lợi, an toàn cho sản xuất kinh doanh.

Đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06 gắn đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị. Đề án đã tạo chuyển biến căn bản trong phục vụ người dân, doanh nghiệp, tiết kiệm chi phí xã hội khoảng 3.000 tỷ đồng/năm¹⁰⁶. Tổ chức Lễ ra

¹⁰³ Tấn công, vô hiệu hóa hơn 7.000 tài khoản, bài viết, video xấu độc có lượng truy cập, chia sẻ lớn, đăng tải 40.000 bài viết đấu tranh, tuyên truyền phản bác thông tin xấu, độc trên không gian mạng.

¹⁰⁴ Đã điều tra, khám phá 33.501/44137 vụ phạm tội về trật tự xã hội, đạt tỷ lệ 75,9%. Phát hiện 3.546 vụ phạm tội về trật tự quản lý kinh tế (ít hơn 19,17% so với cùng kỳ năm 2024), 654 vụ phạm tội về tham nhũng và chức vụ (ít hơn 30,87% so với cùng kỳ năm 2024), 1.524 vụ sản xuất, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển hàng cấm (ít hơn 12,96% so với cùng kỳ năm 2024). Phát hiện, khám phá 457 vụ phạm tội về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm (ít hơn 23,83% so với cùng kỳ năm 2024), 624 cá nhân vi phạm về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm. Triển khai cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự Tết Nguyên đán Ất Tỵ 2025; cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, vi phạm pháp luật liên quan đến sử dụng công nghệ cao, lợi dụng không gian mạng trên toàn quốc; cao điểm đấu tranh phòng, chống xuất nhập cảnh trái phép trên toàn quốc...

¹⁰⁵ 11 tháng năm 2025, tai nạn giao thông giảm 22,19% về số vụ, giảm 6,39% về số người chết và giảm 29,84% về số người bị thương so với cùng kỳ năm trước, cho thấy các biện pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông đang phát huy hiệu quả.

¹⁰⁶ Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của bộ, ngành đạt 54%, của địa phương đạt 75,7%. Đề án 06 đã cung cấp 48 tiện ích trên ứng dụng VNelD; hơn 132 triệu khách hàng tại ngân hàng được đổi chiều thông tin sinh trắc học; 373 cơ sở y tế kết nối hơn 2,5 triệu bệnh án điện tử; trên 2,6 tỷ hóa đơn điện tử được phát hành; hàng triệu đối tượng an sinh xã hội và người

mắt Trung tâm dữ liệu quốc gia, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hiệp hội Dữ liệu quốc gia và triển khai xây dựng chiến lược dữ liệu và quy hoạch hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung cho các trung tâm dữ liệu ngành Công an.

11. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế tiếp tục được triển khai đồng bộ, hiệu quả, toàn diện, bám sát Nghị quyết số 59/KL-TW của Bộ Chính trị; uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam tiếp tục được nâng cao và củng cố

Quán triệt các nhiệm vụ, giải pháp lớn triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XIII và các chủ trương, đường lối của Đảng, công tác đối ngoại năm 2025 tiếp tục được triển khai toàn diện, hiệu quả, chủ động, linh hoạt, sáng tạo trên cả ba trụ cột đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân với khối lượng hoạt động đối ngoại lớn nhất từ trước đến nay, cùng những thành tựu, dấu ấn có ý nghĩa quan trọng, mang tính đột phá.

Chú trọng đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tham mưu, giữ vững thế chủ động chiến lược trong hoạch định phương hướng, biện pháp triển khai công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, thúc đẩy quan hệ với các đối tác. Đã triển khai trên 670 báo cáo thường xuyên, đột xuất, giúp nắm bắt tình hình, nhận diện thời cơ, thách thức, làm cơ sở đề xuất các chủ trương, chính sách phục vụ đắc lực cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Phát triển và hoàn thiện thể chế, chính sách về công tác đối ngoại, đặc biệt là chủ trì tham mưu xây dựng và ban hành một số văn bản có tính nền tảng, nâng tầm và định hướng trong lĩnh vực đối ngoại và hội nhập quốc tế là Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 250/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù triển khai hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 292/NQ-CP của Chính phủ về kế hoạch xây dựng và phát triển Ngành ngoại giao đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực rất phức tạp; bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia. Củng cố và phát triển quan hệ ổn định với các nước láng giềng; nâng tầm và đưa vào chiều sâu các mối quan hệ, thiết lập khuôn khổ quan hệ với hầu hết các đối tác chủ chốt. Trong năm 2025, các đồng chí Lãnh đạo chủ chốt đã triển khai 75 hoạt động đối ngoại, tăng gần gấp 1,5 lần so với cùng kỳ năm 2024. Nâng cấp quan hệ với 17 nước có vai trò, vị trí chiến lược trên thế giới, đưa số lượng đối tác có quan hệ từ mức Đối tác toàn diện trở lên lên 42 nước. Đưa tổng số các nước Việt Nam có quan hệ ngoại giao lên 194 nước; ký kết gần 350 thoả thuận, cam kết với các đối tác nhân dịp các hoạt động đối ngoại của các đồng chí Lãnh đạo chủ chốt, tăng gấp hơn 2,5 lần so với năm 2024.

Quyết liệt triển khai hiệu quả, thực chất công tác ngoại giao kinh tế lấy địa phương, doanh nghiệp và người dân làm trung tâm phục vụ, huy động các nguồn lực quốc tế phục vụ thúc đẩy tăng trưởng, đổi mới mô hình phát triển. Đưa lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư, khoa học công nghệ trở thành trụ cột chính trong quan hệ với các đối tác. Xử lý thoả đáng vấn đề thuế quan với Hoa Kỳ, tiếp tục thúc đẩy đa dạng hoá thị trường, đối tác đầu tư, thương mại, thúc đẩy tạo đột phá ở một số khu vực,

thị trường mới, tiềm năng như Mỹ Latinh, Trung Đông - Châu Phi, Trung Á, Trung Đông Âu, thị trường Halal...; phối hợp xử lý vấn đề gỡ thẻ vàng IUU. Ngoại giao khoa học - công nghệ trở thành một mũi nhọn mới, tập trung vào nội hàm đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số và chuyển đổi xanh. Năm 2025, đã tổ chức khoảng 1.000 cuộc kết nối giữa địa phương, doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp, đối tác nước ngoài. Mạng lưới cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam đã triển khai trên 500 hoạt động xúc tiến, hỗ trợ các địa phương ký kết hơn 100 thoả thuận với các đối tác; đồng hành cùng các doanh nghiệp tư nhân tiếp tục vươn ra thị trường quốc tế.

Đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại, ngoại giao đa phương thông qua việc chủ động, tích cực tham gia định hình, dẫn dắt, xây dựng luật chơi trong quản trị toàn cầu và giải quyết các vấn đề chung của thế giới. Vận động đại diện ứng cử vào các cơ quan, diễn đàn đa phương quan trọng; thúc đẩy vai trò trung gian, hòa giải trong một số vấn đề Việt Nam có lợi ích, khả năng và lợi thế. Đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, gắn kết và bổ trợ giữa diễn đàn đa phương và hợp tác song phương. Phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương như Liên hợp quốc, ASEAN, hợp tác tiểu vùng Mê Công, APEC, BRICS, WEF, G20, OECD... phù hợp với khả năng và lợi ích của ta. Tổ chức thành công Diễn đàn Tương lai ASEAN, Hội nghị P4G, Lễ mở ký Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng, qua đó khẳng định vai trò, uy tín và năng lực dẫn dắt của Việt Nam.

Tiếp tục triển khai hiệu quả, toàn diện Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030. Tăng cường hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện tốt công tác bảo hộ công dân, thông tin tuyên truyền đối ngoại. Phát huy tốt vai trò tại 6 trong 7 cơ chế điều hành then chốt của UNESCO. Trong năm 2025, với sự nỗ lực của các bộ, ngành, địa phương, đã hỗ trợ 23 địa phương xử lý 48 bộ hồ sơ liên quan đến di sản, đạt thêm 7 danh hiệu mới, đưa tổng số danh hiệu UNESCO của Việt Nam lên 77 trên toàn bộ 34 tỉnh, thành phố. Công tác bảo hộ công dân được triển khai kịp thời, hiệu quả tại các điểm nóng. Chú trọng gắn kết, phối hợp chặt chẽ và đồng bộ hơn nữa giữa công tác ngoại giao văn hóa với ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế và công tác người Việt Nam ở nước ngoài. Triển khai Đề án “Phát huy nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới”, tiếp tục hoàn thiện Đề án Cơ sở dữ liệu về chuyên gia, trí thức Việt Nam ở nước ngoài. Tích cực triển khai các hoạt động tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh ở nước ngoài, Chương trình Tuần/Ngày Việt Nam ở nước ngoài năm 2025.

12. Công tác thông tin tuyên truyền, tạo động lực, truyền cảm hứng, khuyến khích đổi mới sáng tạo được thực hiện chủ động; công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội tiếp tục được nâng cao hiệu quả thực hiện

Công tác thông tin, truyền thông trong chuỗi các sự kiện Lễ kỷ niệm, diễu binh, diễu hành kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước được thực hiện với nhiều hình thức đa dạng, sáng tạo, phong phú và hiệu quả, có nhiều đổi mới; áp dụng công nghệ đồ họa, thực tế ảo để tái hiện những sự kiện lịch sử nổi bật, tăng tính sinh động, lôi cuốn, thu hút người xem; hàng loạt chuyên trang, chuyên mục, phóng sự tài liệu được thực hiện, cung cấp kiến thức lịch sử chính thống và tạo sức hấp dẫn với công chúng trẻ; đồng thời, các nền tảng số và mạng xã hội được khai thác mạnh mẽ, theo sát với

chuỗi sự kiện, góp phần lưu lại những khoảnh khắc tôn vinh lịch sử, giới thiệu hình ảnh, thành tựu phát triển kinh tế - xã hội sau 80 năm của Việt Nam tới bạn bè thế giới, đồng thời, tạo không khí phấn khởi, củng cố niềm tin, khơi dậy lòng tự hào, khát vọng cống hiến trong xã hội. Đầu tháng 9, kênh truyền hình đối ngoại quốc gia bằng tiếng anh đầu tiên của Việt Nam được phát sóng chính thức.

Các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là chủ trương, chính sách của Đảng về định hướng phát triển KTXH, công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp, rà soát, hoàn thiện thể chế, thúc đẩy đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số... được truyền tải đầy đủ, kịp thời, thể hiện rõ sự quyết liệt, quyết tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các cấp, ngành, địa phương, tạo ủng hộ, đồng thuận trong toàn xã hội.

Các phong trào thi đua yêu nước, nâng cao nhận thức, niềm tự hào dân tộc, tinh thần yêu nước, cuộc vận động xã hội nêu cao tinh thần, khát vọng phát triển tiếp tục được đẩy mạnh, tạo sự đồng thuận, niềm tin xã hội. Chú trọng đưa tin gương người tốt, việc tốt, mô hình tốt, cách làm hay. Tăng cường thông tin, định hướng, xử lý tốt các vụ việc nổi cộm, nhân dân quan tâm.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ ĐƯỢC GIAO TẠI CÁC NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP VÀ SỐ 154/NQ-CP

Theo báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương, trong tổng số 68 chỉ tiêu cụ thể cho các ngành, lĩnh vực giao 11 bộ, cơ quan trung ương chủ trì theo dõi, đánh giá¹⁰⁷, đến nay có 46 chỉ tiêu vượt và đạt mục tiêu phân đầu năm 2025¹⁰⁸; 13 chỉ tiêu không đạt¹⁰⁹; 03 chỉ tiêu chưa đánh giá được tại thời điểm báo cáo¹¹⁰; 03 chỉ tiêu chưa cập nhật số liệu đến hết năm 2025¹¹¹; 01 chỉ tiêu chưa triển khai thực hiện¹¹² và 02 chỉ tiêu chưa báo cáo¹¹³. Trong tổng số 186 nhiệm vụ được Chính phủ giao cụ thể cho 15 bộ, cơ quan trung ương¹¹⁴, đến nay có 129 nhiệm vụ hoàn thành, đạt 90,2%¹¹⁵. Còn lại 57 nhiệm vụ gồm: 08 nhiệm vụ xin lùi thời gian thực hiện¹¹⁶, 27 nhiệm vụ xin rút khỏi

¹⁰⁷ Tại Phụ lục số III kèm theo Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 31/5/2025.

¹⁰⁸ Bộ Công Thương (05/07 chỉ tiêu); Bộ Khoa học và Công nghệ (04/04 chỉ tiêu); Văn phòng Chính phủ (03/11 chỉ tiêu); Bộ Nông nghiệp và Môi trường (02/03 chỉ tiêu); Bộ Giáo dục và Đào tạo (12/12 chỉ tiêu); Bộ Y tế (08/09 chỉ tiêu); Bộ Tài chính (07/08 chỉ tiêu); Bộ Nội vụ (01/04 chỉ tiêu); Bộ Xây dựng (03/06 chỉ tiêu); Bộ Công an (01/02 chỉ tiêu).

¹⁰⁹ Bộ Công Thương (02 chỉ tiêu); Văn phòng Chính phủ (07 chỉ tiêu); Bộ Y tế (01 chỉ tiêu); Bộ Tài chính (01 chỉ tiêu); Bộ Nông nghiệp và Môi trường (01 chỉ tiêu); Bộ Công an (01 chỉ tiêu).

¹¹⁰ Bộ Nội vụ (03 chỉ tiêu).

¹¹¹ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (02 chỉ tiêu); Bộ Xây dựng (01 chỉ tiêu).

¹¹² Văn phòng Chính phủ (01 chỉ tiêu) do sáp nhập tỉnh và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; sẽ triển khai trong năm 2026.

¹¹³ Bộ Xây dựng (02 chỉ tiêu).

¹¹⁴ Tại Phụ lục số IV kèm theo các Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 và số 154/NQ-CP ngày 31/5/2025.

¹¹⁵ Bộ Ngoại giao (04/04 nhiệm vụ); Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (04/04 nhiệm vụ); Bộ Công Thương (05/06 nhiệm vụ); Bộ Khoa học và Công nghệ (14/18 nhiệm vụ); Bộ Nông nghiệp và Môi trường (13/31 nhiệm vụ); Bộ Tư pháp (15/21 nhiệm vụ); Bộ Nội vụ (17/20 nhiệm vụ); Bộ Dân tộc và Tôn giáo (04/04 nhiệm vụ); Văn phòng Chính phủ (02/02 nhiệm vụ); Bộ Công an (06/08 nhiệm vụ); Bộ Tài chính (35/44 nhiệm vụ); Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (06/09 nhiệm vụ); Bộ Giáo dục và Đào tạo (01/02 nhiệm vụ); Bộ Y tế (03/04 nhiệm vụ).

¹¹⁶ Bộ Tài chính (02 nhiệm vụ); Bộ Xây dựng (02 nhiệm vụ); Bộ Giáo dục và Đào tạo (01 nhiệm vụ); Bộ Nội vụ (03 nhiệm vụ).

Chương trình¹¹⁷; 14 nhiệm vụ các bộ, cơ quan trung ương đang triển khai thực hiện¹¹⁸; và 08 nhiệm vụ chưa báo cáo¹¹⁹. *(Chi tiết tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao tại Phụ lục III và IV kèm theo)*

V. HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC

1. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định nhưng áp lực điều hành còn lớn; chất lượng tăng trưởng dựa vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhìn chung chưa nhiều

Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định nhưng áp lực điều hành còn lớn, nhất là về lạm phát, tỷ giá, lãi suất. Các động lực tăng trưởng cần bứt phá mạnh mẽ để đáp ứng được yêu cầu tăng trưởng nhanh, bền vững. Tăng trưởng xuất khẩu tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, đặc biệt là xung đột thương mại giữa các nước lớn, chính sách thuế quan của Hoa Kỳ; thị trường khu vực bất ổn, thị trường truyền thống bị thu hẹp; chi phí nhập khẩu đầu vào tăng do áp lực tỷ giá, trong khi nhu cầu thế giới tăng trưởng chậm lại; xuất khẩu của khu vực doanh nghiệp trong nước năm 2025 giảm 3,9% so với năm 2024; thị trường trong nước chưa được khai thác hiệu quả; sản xuất kinh doanh trong một số lĩnh vực còn khó khăn; đồng thời, tăng trưởng sức mua tại các thị trường chậm lại, nhất là các thị trường chủ yếu. Sản xuất, xuất khẩu một số sản phẩm nông sản chưa kịp thời thích ứng với các quy định về xuất xứ, kiểm dịch, an toàn thực phẩm... của thị trường xuất khẩu. Áp lực tỷ giá tăng khiến chi phí vật liệu đầu vào có dấu hiệu gia tăng, làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Một số ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn chưa đáp ứng yêu cầu. Thách thức về an ninh năng lượng, an ninh lương thực trong dài hạn vẫn còn hiện hữu.

Tiêu dùng trong nước tuy tăng trưởng tích cực nhưng chưa có đột phá. Việc liên kết giữa phát triển du lịch với kích cầu tiêu dùng sản phẩm đặc sản của địa phương còn hạn chế. Kết quả chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả có nhiều chuyển biến nhưng còn diễn biến phức tạp, hoạt động công khai ở nhiều nơi, nhất là trên môi trường thương mại điện tử. Tăng trưởng tiêu dùng, khách du lịch quốc tế phục hồi tích cực, nhưng còn nhiều thách thức.

“Làn sóng” đầu tư tư nhân chưa được thúc đẩy mạnh mẽ. Việc tháo gỡ vướng mắc cho các dự án tồn đọng và đất đai cần tiếp tục được đẩy nhanh để khơi thông nguồn lực cho nền kinh tế. Các động lực tăng trưởng mới như khoa học công nghệ, chuyển đổi số, trung tâm tài chính, khu thương mại tự do... đang ở giai đoạn đầu, cần nhiều thời gian để tạo chuyển biến, đột phá và đạt kết quả rõ nét. Đầu tư chưa thực sự bứt phá; thu hút các dự án FDI mới gặp nhiều khó khăn; tăng trưởng đầu tư tư nhân chưa được như kỳ vọng; nguồn lực đầu tư của doanh nghiệp nhà nước chưa thực sự được phát huy, còn nhiều khó khăn, vướng mắc chưa được tháo gỡ.

Lạm phát tiềm ẩn áp lực tăng; lãi suất huy động, tỷ giá tiếp tục đối mặt với áp lực điều chỉnh; một bộ phận người dân có xu hướng gia tăng nhu cầu nắm giữ vàng,

¹¹⁷ Bộ Khoa học và Công nghệ (02 nhiệm vụ); Bộ Nông nghiệp và Môi trường (11 nhiệm vụ); Bộ Tư pháp (06 nhiệm vụ); Bộ Y tế (01 nhiệm vụ); Bộ Công an (01 nhiệm vụ); Bộ Tài chính (06 nhiệm vụ).

¹¹⁸ Bộ Công Thương (01 nhiệm vụ); Bộ Khoa học và Công nghệ (02 nhiệm vụ); Bộ Nông nghiệp và Môi trường (07 nhiệm vụ); Bộ Công an (01 nhiệm vụ); Bộ Tài chính (01 nhiệm vụ); Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (02 nhiệm vụ).

¹¹⁹ Bộ Xây dựng (07 nhiệm vụ); Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (01 nhiệm vụ).

ngoại tệ, tài sản giá trị khác.

Thị trường tài chính phát triển thiếu cân đối, phụ thuộc vào vốn tín dụng ngân hàng. Thị trường chứng khoán phát triển nhanh, nhưng chưa thực sự là kênh huy động vốn trung và dài hạn hiệu quả cho doanh nghiệp. Thị trường bất động sản mặc dù có những tín hiệu tích cực nhưng còn tiềm ẩn rủi ro cần theo dõi thêm, tình trạng mất cân bằng giữa các phân khúc nhà ở cao cấp - trung cấp - bình dân chưa được giải quyết triệt để; giá nhà đất đang bị neo ở mức cao; còn nhiều dự án tồn đọng, kém hiệu quả cần tháo gỡ. Thị trường trái phiếu, nhất là trái phiếu doanh nghiệp bất động sản cần tiếp tục được theo dõi chặt chẽ, áp lực đáo hạn trái phiếu còn cao.

2. Hoàn thiện thể chế, pháp luật đã được quan tâm chỉ đạo, nhưng vẫn còn vướng mắc, chưa theo kịp yêu cầu phát triển cơ chế, chính sách chưa đủ mạnh để khai thác hiệu quả nguồn lực từ con người, thiên nhiên, văn hóa và để bảo vệ môi trường. Việc ban hành văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết đã có hiệu lực vẫn chưa được khắc phục triệt để. Công tác tổ chức thi hành pháp luật tuy đã được quan tâm, nhưng vẫn chưa có cơ chế đủ mạnh, đồng bộ để thực hiện hiệu quả. Việc phân cấp, phân quyền, cắt giảm một số quy định, thủ tục hành chính, tiêu chuẩn, quy chuẩn còn chậm. Hiệu quả quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực, nhất là quản lý khoáng sản, đất đai, quản lý xã hội... còn có mặt hạn chế. Thủ tục hành chính còn rườm rà, phức tạp, cần đẩy nhanh việc rà soát, sửa đổi các văn bản pháp luật (485 văn bản) để thực hiện phương án cải cách thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh đã phê duyệt.

3. Việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy là việc khó, thực hiện trên quy mô lớn, thời gian ngắn nên có lúc, có nơi còn lúng túng, hiệu quả chưa cao, nhất là phải đáp ứng yêu cầu chuyển đổi trạng thái từ tập trung quản lý sang kiến tạo phát triển phục vụ Nhân dân. Việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp ở một số nơi phát sinh những bất cập nhưng việc nắm bắt tình hình và giải quyết chưa đáp ứng kịp yêu cầu. Khối lượng công việc ở cấp xã sau sáp nhập tăng cao (có 1.065 nhiệm vụ của cấp huyện (cũ) được chuyển về cấp xã); nhiều nội dung mới, liên quan tới phân cấp, phân quyền (quy định mới) cũng là áp lực lớn trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện. Chế độ chính sách đối với các đối tượng cán bộ, công chức chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy còn chậm, chưa xử lý dứt điểm. Việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và cấp xã theo mô hình mới còn chậm.

Một số đơn vị hành chính cấp xã, phường còn khó khăn về trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc và nguồn nhân lực chuyên môn, nghiệp vụ. Việc xử lý trụ sở dôi dư còn gặp khó khăn, chưa khả thi do các trụ sở ở vị trí không thuận lợi, diện tích, công năng không phù hợp...

4. Về cơ cấu lại một số ngành, lĩnh vực

Chất lượng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Mức độ liên kết và hợp tác kinh doanh giữa các doanh nghiệp còn hạn chế; kỹ năng quản trị của phần lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước còn yếu, đồng thời chưa tạo được mối liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp FDI, chưa đủ khả năng tham gia các chuỗi cung ứng vật tư, nguyên liệu và cụm liên kết ngành. Sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng bởi

thiên tai, dịch bệnh, nhất là dịch bệnh tả lợn Châu Phi. Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản tuy đã phát triển nhưng chưa mang tính đột phá và đa dạng; việc áp dụng đổi mới sáng tạo, chuyển giao khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp chưa thành động lực mới cho tăng trưởng. Hạ tầng du lịch chưa đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch. Tình hình cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp còn chậm.

5. Về phát triển kết cấu hạ tầng

Tiến độ triển khai một số dự án trọng điểm vẫn còn tiềm ẩn khó khăn nhất định. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, di dời hạ tầng kỹ thuật, xây dựng khu tái định cư, phê duyệt khung chính sách tái định cư, phê duyệt đơn giá đất còn chậm, kéo dài, chưa được xử lý dứt điểm, gây chậm tiến độ dự án. Giải ngân vốn đầu tư công đã có sự cải thiện, nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu.

Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước còn chưa thuận tiện, dễ dùng và toàn trình; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính nộp trực tuyến thấp. Các nền tảng số quy mô lớn và rất lớn phục vụ người dân và doanh nghiệp do nước ngoài phát triển vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Hạ tầng cho việc xử lý thủ tục hành chính cho người dân vẫn còn thiếu do công tác sáp nhập địa giới hành chính, cần nhiều thời gian hơn để đi vào hoàn thiện và vận hành ổn định.

Thực hiện chuyển dịch năng lượng sang các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi sản xuất theo hướng xanh, nhu cầu sử dụng năng lượng sạch của doanh nghiệp. Công tác triển khai các dự án trong Quy hoạch Điện VIII sửa đổi vẫn còn chậm.

Hệ thống cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ trong từng địa phương, giữa các địa phương, các vùng. Cơ sở hạ tầng cho phát triển nông nghiệp, nông thôn và bảo vệ môi trường còn bất cập so với yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa lớn, cạnh tranh quốc tế, thích ứng biến đổi khí hậu.

6. Năng suất lao động và chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu của một số ngành; nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành kinh tế mũi nhọn, công nghệ cao, kinh tế số. Năng suất lao động của nước ta còn khoảng cách lớn với các nước phát triển; nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn chế. Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là trong các ngành công nghiệp mới, công nghệ cao, chưa đáp ứng yêu cầu, chưa tạo đột phá về năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Việc đào tạo nhân lực cho ngành công nghiệp vi mạch bán dẫn cần có sự tham gia rất sâu của các doanh nghiệp đang hoạt động trong ngành công nghiệp này trong khi số lượng các doanh nghiệp không nhiều, cơ chế phối hợp chưa rõ ràng và cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khi tham gia sâu vào quá trình đào tạo cũng chưa rõ. Số người lao động đang làm việc có xu hướng tăng nhưng thị trường lao động chưa có sự cải thiện về chất lượng lao động khi số lao động làm các công việc bấp bênh, thiếu tính ổn định vẫn chiếm tỷ trọng lớn; chất lượng cung lao động còn hạn chế, chưa đáp ứng cho cầu lao động của một thị trường lao động hiện đại, linh hoạt, bền vững và hội nhập. Trong 9 tháng đầu năm 2025, số người có việc làm phi chính thức khoảng 33 triệu người (chiếm 63,4%), tỷ lệ thất nghiệp của thanh

niên còn cao ở mức 8,38%; còn khoảng 37,6 triệu lao động chưa qua đào tạo từ sơ cấp trở lên, lao động có tay nghề hoặc chuyên môn cao chỉ chiếm khoảng 11,67%. Một số khu vực, địa phương mất cân đối, cung cầu lao động ở một số ngành cần số lượng nhân công lớn, tay nghề cao.

Việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 còn gặp một số khó khăn. Nhiều cơ sở giáo dục còn thiếu phòng học bộ môn, thiết bị dạy học hiện đại; đội ngũ giáo viên thiếu cả về số lượng, chất lượng, đặc biệt là hạn chế về kỹ năng tổ chức dạy học tích hợp, dạy học STEM và đánh giá năng lực học sinh; cơ cấu đội ngũ nhà giáo đang mất cân đối giữa các môn học trong cùng một cấp học và giữa các vùng miền. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên tại một số nơi vẫn mang tính hình thức, chưa được coi trọng; còn một bộ phận giáo viên và học sinh, sinh viên có những biểu hiện, hành vi, ứng xử thiếu chuẩn mực về văn hóa ứng xử.

Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục chưa được như kỳ vọng, hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện nên chưa đầy đủ và đồng bộ. Tình trạng thiếu trường, lớp còn tồn tại ở một số địa phương, đặc biệt là tại một số khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Việc tuyển dụng của các địa phương còn chậm, còn nhiều biên chế được giao chưa tuyển dụng. Triển khai tự chủ đại học bộc lộ một số khó khăn, hạn chế; đầu tư cho giáo dục đại học còn thấp so với các nước trong khu vực. Công tác xã hội hóa giáo dục chưa đạt nhiều kết quả. Số lượng các nhà khoa học, chuyên gia quốc tế có trình độ cao làm việc trong các cơ sở giáo dục đại học còn ít.

Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự là động lực cho phát triển KTXH, cho tăng trưởng, tăng năng suất lao động xã hội. Các ngành, lĩnh vực mới nổi như trí tuệ nhân tạo, chip bán dẫn... có chuyển biến nhưng chưa đạt yêu cầu đề ra. Việc thương mại hóa các kết quả nghiên cứu còn vướng mắc; sự gắn kết giữa các viện nghiên cứu, trường đại học với các doanh nghiệp còn hạn chế.

7. Về các vấn đề văn hóa, xã hội, lao động việc làm

Đầu tư cho văn hoá còn dàn trải, hiệu quả chưa cao; hiệu quả của hệ thống thiết chế văn hóa còn hạn chế, chưa thực sự phát huy hiệu quả rõ rệt đến phát triển văn hoá; hạ tầng về thiết chế văn hóa ở một số khu vực vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới và hải đảo còn thiếu; cơ sở hạ tầng, kỹ thuật về văn hóa và thể thao chưa đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần, rèn luyện sức khỏe ngày càng cao của nhân dân. Chính sách xã hội hóa cho văn hóa, thể thao thiếu tính thực tiễn; còn chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn. Đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo...

Ý thức chấp hành chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhiều chủ sử dụng lao động còn chưa nghiêm, thiếu quan tâm đến quyền lợi của người lao động. Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp có dấu hiệu gia tăng.

Mất cân bằng giới tính khi sinh vẫn còn cao; chưa có giải pháp đồng bộ, toàn diện, hiệu quả để phát huy lợi thế thời kỳ “dân số vàng”. Mức sinh thay thế trên phạm

vi toàn quốc chưa thực sự vững chắc. Số bác sĩ, dược sĩ giỏi tập trung ở các đô thị lớn, bệnh viện tuyến cuối trong khi nhiều cơ sở y tế tuyến dưới, kể cả bệnh viện tỉnh thiếu bác sĩ có tay nghề cao, nhiều kinh nghiệm; nhiều lĩnh vực như y tế dự phòng, lao, phong, tâm thần, pháp y... khó thu hút được nhân lực. Chất lượng dịch vụ tại y tế cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu, việc vượt tuyến khám bệnh, chữa bệnh xảy ra khá phổ biến; tiếp cận các bệnh viện cấp chuyên sâu ở một số khu vực còn hạn chế.

Tình hình xâm hại trẻ em vẫn diễn biến phức tạp. Tình hình trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật có chiều hướng diễn biến phức tạp. Cơ sở vật chất của các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật chưa đáp ứng nhu cầu. Tệ nạn mại dâm và mua bán người vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp.

8. Việc quản lý, sử dụng tài nguyên, khoáng sản, nhất là đất đai và nguồn nước có nơi hiệu quả chưa cao. Thiên tai xảy ra liên tục trên phạm vi rộng, gây thiệt hại nặng nề tại nhiều địa phương, dự báo có diễn biến phức tạp trong những tháng cuối năm, đặc biệt là hiện tượng thiên tai chồng thiên tai. Ô nhiễm môi trường, ngập úng, ùn tắc tiếp tục là thách thức đặt ra trong quá trình phát triển, nhất là tại các đô thị. Thiên tai, bão lũ, thời tiết rất cực đoan, tác động trên diện rộng¹²⁰. Một số vụ cháy lớn gây thiệt hại lớn về người và tài sản tại khu vực đông dân cư. Tình hình ngộ độc thực phẩm vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ. Tình hình tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia, sử dụng công nghệ cao, buôn lậu, lừa đảo qua mạng còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp. Còn xảy ra một số vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng. Tác động tiêu cực về chính sách thuế quan của Hoa Kỳ, mất ổn định khu vực ASEAN.

VI. NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân kết quả đạt được

Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư; sự giám sát, đồng hành, phối hợp hiệu quả của Quốc hội và các cơ quan trong hệ thống chính trị trong và ngoài nước; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, chủ động bám sát tình hình, phản ứng chính sách kịp thời, linh hoạt, phù hợp, hiệu quả của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương; sự ủng hộ, tham gia tích cực, chủ động, thích ứng hiệu quả với khó khăn, thách thức, nhất là từ bên ngoài của Nhân dân, doanh nghiệp; sự hợp tác, giúp đỡ của bạn bè quốc tế.

b) Nguyên nhân hạn chế, yếu kém

Gồm cả nguyên nhân khách quan và chủ quan; tình hình thế giới biến động nhanh, phức tạp, khó lường; dịch bệnh, biến đổi khí hậu cực đoan; nước ta là nước đang phát triển, nền kinh tế đang chuyển đổi, quy mô còn khiêm tốn, độ mở lớn, năng lực nội tại và sức cạnh tranh còn hạn chế. Những yếu kém nội tại kéo dài từ lâu bộc lộ rõ hơn trong khó khăn. Phát triển còn dựa nhiều vào lao động giá rẻ, tài nguyên mà chưa dựa vào nền

¹²⁰ Trong năm 2025, thiên tai làm 489 người chết và mất tích; 800 người bị thương; 386,6 nghìn ha lúa và 174,0 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; 7,5 triệu con gia súc và gia cầm bị chết; 340,2 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và hư hỏng. Tổng giá trị thiệt hại về tài sản do thiên tai gây ra trong năm 2025 ước tính gần 102.665,3 tỷ đồng, tăng 15,0% so với năm 2024.

tăng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Một bộ phận cán bộ, công chức năng lực yếu, sợ trách nhiệm, sợ sai. Sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, hiệu quả.

2. Bài học kinh nghiệm

(1) nêu cao tinh thần đại đoàn kết; đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

(2) Quán triệt, triển khai hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Lấy nội lực là cơ bản, chiến lược lâu dài, là quyết định; ngoại lực là quan trọng, cần thiết, thường xuyên, đột phá.

(3) Không chủ quan trước thuận lợi, không bi quan trước khó khăn. Nắm chắc tình hình, phản ứng chính sách kịp thời, hiệu quả đối với vấn đề mới, vấn đề khó. Kiên định, kiên trì, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả để đạt được mục tiêu đề ra; nắm chắc thực tiễn, phản ứng chính sách kịp thời, linh hoạt, hiệu quả. Nhìn xa, trông rộng, nghĩ sâu, làm lớn; coi trọng thời gian, trí tuệ và sự quyết đoán đúng thời điểm.

(4) Sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị trong và ngoài nước; sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự nỗ lực hành động của các cấp, các ngành, các địa phương.

(5) Đổi mới phương thức lãnh đạo, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực và tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực. Phân công nhiệm vụ “6 rõ”; bố trí nguồn lực phải khả thi, hiệu quả; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm. Tăng cường thông tin, truyền thông, tạo niềm tin và đồng thuận xã hội.

VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2025 và tính chung cả giai đoạn 2021-2025, mặc dù nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề, kéo dài bởi đại dịch COVID-19, thiên tai, bão lũ, biến đổi khí hậu và những biến động nhanh, mạnh, khó lường của tình hình thế giới, nhưng chúng ta đã chủ động, sáng tạo, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, thích ứng linh hoạt với tình hình, nỗ lực “*xoay chuyển tình thế, chuyển đổi trạng thái*”. Nước ta đã đạt được những kết quả ấn tượng, bao trùm, rất đáng trân trọng, tự hào; năm sau tốt hơn năm trước, nhiệm kỳ này tốt hơn nhiệm kỳ trước trên hầu hết các lĩnh vực, được Nhân dân, doanh nghiệp đánh giá cao. Đặc biệt là năm 2025, đã đạt được mục tiêu tổng quát đề ra; tăng trưởng kinh tế đã tăng tốc, bứt phá mạnh mẽ, đạt 8% trở lên gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, tạo đà, tạo thế, tạo lực và tạo nền tảng vững chắc để bước vào kỷ nguyên mới. Tính chung cả nhiệm kỳ, đạt và vượt 22/26 chỉ tiêu KTXH chủ yếu, xấp xỉ đạt 02/26 chỉ tiêu¹²¹, chưa đạt 02/26 chỉ

¹²¹ Có 02/26 chỉ tiêu xấp xỉ đạt gồm: Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khoảng 6,3% (mục tiêu là 6,5 - 7%); tỷ trọng công nghiệp chế biến chế tạo trong GDP khoảng 24,7% GDP (mục tiêu là trên 25% GDP).

tiêu¹²², trong đó vượt toàn bộ chỉ tiêu về xã hội, an sinh xã hội; các năm 2024, 2025 đạt và vượt toàn bộ **15/15** chỉ tiêu KTXH. Tình hình KTXH bám sát kết quả Chính phủ đã báo cáo Trung ương, Quốc hội; nhiều chỉ tiêu, chỉ số đạt kết quả tốt hơn so với số ước thực hiện cả năm 2025 khi báo cáo Quốc hội tháng 10/2025. *m*

Bộ Tài chính kính báo cáo Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC: Lãnh đạo Bộ; các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, NSNN *(3006)A*



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thắng

¹²² Có 02/26 chỉ tiêu chưa đạt gồm: Tỷ trọng kinh tế số trong GDP khoảng 14% (mục tiêu là khoảng 20%); tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm khoảng 5,1% (mục tiêu là trên 6,5%), trong đó năm 2025 đã có sự bứt phá lên 6,8%, cao hơn mục tiêu đề ra.

Phụ lục I
ĐÁNH GIÁ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU
CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số **09** /BC-BTC ngày **07** tháng 01 năm 2026 của Bộ Tài chính)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025		Đánh giá
			Mục tiêu	Ước thực hiện	
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	8 trở lên	8,02	Đạt
2	GDP bình quân đầu người	USD	5.000	5.026	Vượt
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	%	24,1	24,53	Vượt
4	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	%	4,5-5	3,31	Vượt
5	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%	5,3-5,4	6,83	Vượt
6	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	25-26	25,7	Đạt
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo - Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ	%	70	70	Đạt
			29-29,5	29,2	
8	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	%	<4	2,51	Đạt
9	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	Điểm %	0,8-1	1	Đạt
10	Số bác sĩ trên 10.000 dân	bác sĩ	15	15	Đạt
11	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường	34,5	34,5	Đạt
12	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%	95,15	95,16 ¹²³	Vượt
13	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	80,5-81,5	79,3 ¹²⁴	Đạt ¹²⁵
14	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	95	95	Đạt
15	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	92	95,6	Vượt

¹²³ Số liệu của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

¹²⁴ Số liệu đến ngày 30/6/2025 trước sắp xếp đơn vị hành chính.

¹²⁵ Chỉ tiêu tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến ngày 30/6/2025 ước đạt 79,3%, cơ bản đạt mục tiêu cả năm (mục tiêu là 80,5-81,5%), ước đến hết năm 2025 sẽ đạt hoặc vượt mục tiêu giai đoạn 2021-2025 và năm 2025. Tuy nhiên, do sắp xếp lại địa giới hành chính, quy mô cấp xã thay đổi, các tiêu chí đánh giá hiện nay không còn phù hợp, nên cần điều chỉnh lại bộ chỉ tiêu mới cho giai đoạn tới.

Phụ lục II
MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG GRDP NĂM 2025
CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Báo cáo số 09 /BC-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ Tài chính)

TT	Địa phương	GRDP mục tiêu năm 2025 (%)	GRDP ước TH năm 2025 (%)
1	Thành phố Hà Nội	8,5	8,16
2	Thành phố Hải Phòng	12,2	11,81
3	Ninh Bình	10,6	10,65
4	Hưng Yên	9,0	8,78
5	Bắc Ninh	11,5	10,27
6	Quảng Ninh	12,5	11,89
7	Lạng Sơn	8,0	8,06
8	Cao Bằng	8,0	7,22
9	Thái Nguyên	8,0	6,33
10	Tuyên Quang	8,0	6,4
11	Phú Thọ	10,0	10,52
12	Lào Cai	8,5	8,14
13	Lai Châu	7,5	7,52
14	Điện Biên	7,5	7,34
15	Sơn La	8,0	8,03
16	Thanh Hóa	9,0	8,27
17	Nghệ An	9,0	8,44
18	Hà Tĩnh	8,7	8,78
19	Quảng Trị	8,0	8,0
20	Thành phố Huế	10,0	8,5
21	Thành phố Đà Nẵng	9,0	9,18
22	Quảng Ngãi	10,0	10,02
23	Gia Lai	7,5	7,2
24	Đắk Lắk	8,0	6,68
25	Khánh Hòa	8,1	7,11
26	Lâm Đồng	7,5	6,42
27	TP Hồ Chí Minh	8,5	7,53
28	Đồng Nai	8,5	9,63
29	Tây Ninh	9,3	9,52
30	Thành phố Cần Thơ	10,0	7,23
31	Vĩnh Long	8,0	5,84
32	Đồng Tháp	8,0	7,38
33	An Giang	8,5	8,39
34	Cà Mau	8,0	7,23

Phụ lục III
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ CHO
CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 09 /BC-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ Tài chính)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô					
1	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng (không bao gồm các ngân hàng thương mại yếu kém)	%	< 3	1,69 (Đến cuối tháng 11 năm 2025)	Đạt	NHNN
2	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ xấu đã bán cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) chưa được xử lý, thu hồi và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu (không bao gồm các ngân hàng thương mại yếu kém)	%	< 5	2 (Đến cuối tháng 11 năm 2025)	Đạt	NHNN
3	Tỷ lệ động viên vào NSNN trên GDP	%	Phần đầu 16	20,7	Vượt	Bộ TC
4	Tỷ trọng chi đầu tư phát triển/tổng chi NSNN	%	31	33,5	Vượt	Bộ TC
5	Tỷ trọng chi thường xuyên/tổng chi NSNN	%	61	56	Vượt	Bộ TC
6	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP	%	33,0-33,7	32,4	Không đạt	Bộ TC
7	Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu	%	12	17	Vượt	Bộ CT
II	Một số chỉ tiêu về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng					
8	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	9-10; phần đầu khoảng 12,5	9,2	Đạt	Bộ CT
9	Tốc độ tăng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	10; phần đầu khoảng 12	9,2	Không đạt	Bộ CT
10	Chỉ số đổi mới sáng tạo quốc gia	Thứ hạng	Trong nhóm 04 quốc gia dẫn đầu của ASEAN	Đứng thứ 03 trong Khu vực ASEAN ¹²⁶	Đạt	Bộ KH-CN
11	Tăng trưởng thị trường thương mại điện tử B2C	%	20-22	25	Vượt	Bộ CT
12	Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử	%	60-62	60	Đạt	Bộ CT
III	Một số chỉ tiêu về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và dịch vụ công					
13	Tổng điện năng sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống	Tỷ kWh	347,5	323	Không đạt	Bộ CT

¹²⁶ Báo cáo chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) 2025 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, công bố vào ngày 16/9/2025.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	12,5	4,5	Không đạt	
14	Tổng công suất nguồn điện (không bao gồm điện mặt trời mái nhà)	MW	82.097	82.721	Vượt	Bộ CT
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	6,2	7,9	Vượt	
15	Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang	%	80	87,6	Vượt	Bộ KHCN
16	Số lượng tuyến cáp quang biển quốc tế mới - đưa vào khai thác	Tuyến	1	1	Đạt	Bộ KHCN
17	Tỷ lệ sử dụng địa chỉ Internet thế hệ mới IPv6 trên mạng Internet Việt Nam	%	70	70	Đạt	Bộ KHCN
18	Diện tích nhà ở bình quân cả nước	m ² sàn/người	27	30	Vượt	Bộ XD
19	Số lượng căn nhà ở xã hội hoàn thành	Căn	> 100.000	102.146	Đạt	Bộ XD
20	Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	95	95	Đạt	Bộ XD
21	Tỷ lệ hệ thống cấp nước đô thị lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn	%	50			Bộ XD chưa báo cáo
22	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia	%	18			Bộ XD chưa báo cáo
23	Tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc	%	45		44,9 (Tính đến tháng 6/2025)	
IV	Một số chỉ tiêu về phát triển văn hóa, nghệ thuật, y tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường					
24	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ	%	35	35	Đạt	Bộ GDĐT
25	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo	%	94	94,8	Vượt	Bộ GDĐT
26	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Tỉnh	23	23	Đạt	Bộ GDĐT
27	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	Tỉnh	40	40	Đạt	Bộ GDĐT
28	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 1)	Tỉnh	29	29	Đạt	Bộ GDĐT
29	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 2)	Tỉnh	22	22	Đạt	Bộ GDĐT
30	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 3)	Tỉnh	12	12	Đạt	Bộ GDĐT
31	Tỷ lệ số người biết chữ trong độ tuổi theo quy định	%	98,92	99,1	Vượt	Bộ GDĐT
32	Tỷ lệ giảng viên đại học có bằng tiến sĩ	%	34,5	34,5	Đạt	Bộ GDĐT
33	Tỷ lệ sinh viên học đại học/vạn dân	SV/vạn dân	220	220	Đạt	Bộ GDĐT
34	Số người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Nghìn người	Khoảng 130	144,345	Vượt	Bộ NV

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
35	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội	%	45,1	45,1	Đạt	Bộ TC
36	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo thất nghiệp	%	35,1	35,07	Đạt	Bộ TC
37	Số học sinh giáo dục nghề nghiệp được tuyển mới trong năm	Người	2.050	2.050	Đạt	Bộ GDĐT
38	Số học sinh giáo dục nghề nghiệp tốt nghiệp trong năm	Người	1.650	1.650	Đạt	Bộ GDĐT
39	Tỷ lệ người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng kịp thời	%	Trên 91	Trên 91	Đạt	Bộ Y tế
40	Tỷ lệ người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, phụng dưỡng, chăm sóc kịp thời	%	Trên 91	Trên 91	Đạt	Bộ Y tế
41	Tỷ lệ người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý được tiếp cận các dịch vụ tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy	%	80	> 80	Vượt	Bộ CA
42	Tỷ trọng người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy trong tổng số người nghiện được cai nghiện	%	40	16,6	Không đạt	Bộ CA
43	Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch hợp quy chuẩn	%	60	58	Không đạt	Bộ NNMT
44	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	> 90	> 90	Đạt	Bộ Y tế
45	Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh)	Tuổi	74,7	74,8	Vượt	Bộ Y tế
46	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	> 80	> 90	Vượt	Bộ Y tế
47	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/ 100 bé gái	111	111	Đạt	Bộ Y tế
48	Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi	Số ca/ trên 1.000 trẻ đẻ sống	11,1	11	Đạt	Bộ Y tế
49	Tỷ suất tử vong của trẻ em < 5 tuổi	Số ca/ trên 1.000 trẻ đẻ sống	16,8	16,6	Đạt	Bộ Y tế
50	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi)	%	< 17	17,8	Không đạt	Bộ Y tế
54	Hồ chứa thủy điện lớn đang vận hành được kiểm soát, giám sát trực tuyến	%	100	100	Đạt	Bộ NNMT
52	Hồ chứa thủy điện, thủy lợi được xác định và công bố dòng chảy tối thiểu sau đập	Công trình	Khoảng 700	695	Đạt	Bộ NNMT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
V	Một số chỉ tiêu về cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử					
53	Tỷ lệ tổng số lượng gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đủ điều kiện áp dụng đấu thầu qua mạng	%	100	100	Đạt	Bộ TC
54	Tỷ lệ tổng giá trị gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh, đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đủ điều kiện áp dụng đấu thầu qua mạng	%	100	100	Đạt	Bộ TC
55	Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ bình quân cả nước	%	84,6	Dự kiến công bố vào đầu Quý II/2026		Bộ NV
56	Chỉ số cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bình quân cả nước	%	87,2			Bộ NV
57	Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước bình quân cả nước	%	82,9			Bộ NV
58	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	80	57,1	Không đạt	VPCP
59	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	%	60	47,2	Không đạt	VPCP
60	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	%	60	82,3	Vượt	VPCP
61	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	80	79,5	Không đạt	VPCP
62	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của bộ, ngành, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	100	80,2	Không đạt	VPCP
63	Tỷ lệ nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được theo dõi, giám sát, đánh giá dựa trên dữ liệu số	%	100	100	Đạt	VPCP
64	Tỷ lệ dữ liệu thực hiện nhiệm vụ được theo dõi, giám sát đến đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương	%	100	100	Đạt	VPCP
65	Tỷ lệ các bộ, ngành, địa phương ban hành Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử theo quy định; ban hành quy chế khai thác, sử dụng, kết nối, tích hợp, chia sẻ, tiếp nhận thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử	%	100	30	Không đạt	VPCP

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Đánh giá mức độ hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
66	Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc (trừ văn bản, hồ sơ có chứa nội dung bí mật nhà nước) của các cấp chính quyền được thực hiện toàn trình trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (Không xử lý song song văn bản, hồ sơ điện tử và văn bản, hồ sơ giấy)	%	90	80	Không đạt	VPCP
67	Tỷ lệ thông tin, số liệu về tình hình xử lý, kết quả xử lý văn bản, hồ sơ công việc của các bộ, ngành, địa phương theo nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được đồng bộ với các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ qua Trục liên thông văn bản quốc gia	%	100	80	Không đạt	VPCP
68	Tỷ lệ Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh được kết nối với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành để đồng bộ kết quả giải quyết thủ tục hành chính giữa 02 hệ thống	%	100		Chưa triển khai do sắp nhập tỉnh và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Sẽ triển khai trong năm 2026	VPCP

Phụ lục IV

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC ĐƯỢC GIAO TẠI PHỤ LỤC SỐ IV KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP NGÀY 08/01/2025 VÀ SỐ 154/NQ-CP NGÀY 31/5/2025 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Báo cáo số **09** /BC-BTC ngày **07** tháng 01 năm 2026 của Bộ Tài chính)

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
I	Nhóm nhiệm vụ về thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn và cơ cấu lại nền kinh tế										
1	Nghị định thay thế Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng	Tháng 7		x						NHNN	Đã có Tờ trình số 201/TTr-NHNN ngày 12/11/2025
2	Nghị định của Chính phủ quy định về dịch vụ Mobile - Money	Tháng 12		x						NHNN	Đã có Tờ trình số 224/TTr-NHNN ngày 12/12/2025
3	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng	Tháng 6		x						NHNN	Nghị định số 232/2025/NĐ-CP ngày 26/8/2025
4	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn	Tháng 3		x						NHNN	Nghị định số 156/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ
5	Chiến lược phát triển ngành dầu khí quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 12		x						Bộ CT	Tờ trình số 533/TTr-BCT ngày 30/5/2025
6	Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2026-2035	Tháng 6		x						Bộ CT	Tờ trình số 8214/ITr-BCT ngày 22/10/2025

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
7	Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045	Tháng 12		x						Bộ CT	Quyết định số 2646/QĐ-BCT ngày 23/9/2025
8	Đề án xây dựng Hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các FTA	Tháng 12				x				Bộ CT	Đang lấy ý kiến các Bộ, ngành
9	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Tháng 9		x						Bộ TC	Báo cáo số 945/TTr-BTC ngày 17/10/2025
10	Hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia	Tháng 9						x		Bộ TC	Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà có ý kiến chỉ đạo đồng ý đưa ra khỏi Chương trình công tác năm 2025 tại văn bản số 10610/VPCP-NN ngày 03/11/2025 của VPCP
11	Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam	Tháng 12		x						Bộ TC	Tờ trình số 928/TTr-BTC ngày 08/12/2025
12	Bộ tiêu chí đánh giá kết quả công nghiệp hóa, hiện đại hóa cấp quốc gia, cấp ngành và địa phương	Tháng 12		x						Bộ TC	Tờ trình số 970/TTr-BTC ngày 18/12/2025
13	Chiến lược quốc gia về phát triển đội ngũ doanh nhân đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 12		x						Bộ TC	Đã tích hợp vào nhiệm vụ xây dựng Đề án phát triển kinh tế tư nhân (Ban Bí thư đã đồng ý với đề xuất của Đảng ủy Chính phủ tại văn bản số 13537-CV/VPTW ngày 24/2/2025)
14	Chương trình quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng doanh nhân giai đoạn 2026-2030	Tháng 12		x						Bộ TC	
15	Đề án “Định hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi nước ngoài giai đoạn 2026- 2030”	Tháng 12		x						Bộ TC	Tờ trình số 1041/TTr-BTC ngày 31/12/2025
16	Nghị quyết của Quốc hội về trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại Việt Nam	Tháng 2		x						Bộ TC	Nghị quyết số 222/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
17	Đề án Xây dựng cơ chế, chính sách hình thành và phát triển doanh nghiệp dân tộc, doanh nghiệp quy mô lớn nhằm phát huy vai trò tiên phong trong một số ngành, lĩnh vực quan trọng, có lợi thế cạnh tranh và khả năng dẫn dắt quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ	Tháng 9		x						Bộ TC	Đã tích hợp vào nhiệm vụ xây dựng Đề án phát triển kinh tế tư nhân (Ban Bí thư đã đồng ý với đề xuất của Đảng ủy Chính phủ tại văn bản số 13537-CV/VPTW ngày 24/2/2025)
18	Đề án phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ	Tháng 12		x						Bộ TC	
19	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026			x						Bộ TC	Căn cứ Kết luận của UBTVQH tại Văn bản số 2552/TB-VPQH ngày 16/7/2025 của VPQH, theo đó, UBTVQH sẽ không ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026.
20	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026	Tháng 6		x						Bộ TC	
21	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan	Tháng 6		x						Bộ TC	Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 19/5/2025
22	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, Nghị định số 156/2020/NĐ-CP; ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi	Tháng 6		x						Bộ TC	Tờ trình Chính phủ số 50/TTr-BTC ngày 30/7/2025

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP của Chính phủ										
23	Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2025-2026	Tháng 7		x						Bộ TC	Tờ trình số 1057/TTr-BTC ngày 31/12/2025
24	Đề án Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	Tháng 8		x						Bộ TC	Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 12/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ
25	Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Các Tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất giai đoạn 2025-2027	Tháng 12		x						Bộ TC	Tờ trình số 1042/TTr-BTC ngày 31/12/2025
26	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng	Tháng 5		x						Bộ TC	Nghị định số 81/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025
27	Phát hành Trái phiếu Chính phủ trong nước năm 2025 để bù đắp các khoản Chính phủ đã ứng trả thay cho Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy	Tháng 3		x						Bộ TC	Bộ Tài chính đang triển khai thực hiện theo phương án xử lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt
28	Nghị định quy định về quản lý chất lượng sản phẩm và dịch vụ Halal	Tháng 12			x					Bộ KHCN	Đã hoàn thành tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, hoàn thiện đề trình

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
29	Đề án nghiên cứu, hỗ trợ chuyển đổi, thay thế cây thuốc lá bằng cây trồng, vật nuôi phù hợp cho các hộ nông dân trồng cây thuốc lá	Tháng 12			x					Bộ NNMT	Đang chuẩn bị tổ chức Hội nghị xin ý kiến chuyên gia, thành viên Ban soạn thảo và các tỉnh có liên quan
II	Nhóm nhiệm vụ về rà soát, hoàn thiện thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh										
30	Đề xuất xây dựng Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội	Tháng 12					x			Bộ NNMT	Đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại văn bản số 9071/VPCP-NN ngày 24/9/2025
31	Đề án “Nghiên cứu, sắp xếp tổ chức bộ máy làm công tác BHXH theo yêu cầu của Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII”	Tháng 3		x						Bộ TC	Ngày 14/3/2025, VPCP có văn bản số 2077/VPCP-TCCV, theo đó, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc có ý kiến chỉ đạo Bộ Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác BHXH theo yêu cầu của Nghị quyết số 18-NQ/TW, thay vì trình TTgCP.
32	Đề nghị của Chính phủ về chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2026, điều	Tháng 1		x						Bộ TP	UBTVQH đã ban hành các Nghị quyết điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2025; Nghị quyết số

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	chỉnh Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2025										105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 về Chương trình lập pháp năm 2026.
33	Dự án Luật tương trợ tư pháp về dân sự	Tháng 1		x						Bộ TP	Đã trình QH thảo luận, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 9; trình Quốc hội xem xét thông qua tại Kỳ họp thứ 10
34	Dự án Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi)	Tháng 1		x						Bộ TP	Ngày 19/02/2025, Quốc hội đã thông qua dự án Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi)
35	Dự án Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi)	Tháng 6		x						Bộ TP	Đã trình Quốc hội thảo luận và xem xét thông qua tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV vào ngày 05/12/2025
36	Đề án “Định hướng xây dựng pháp luật của Chính phủ trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI”	Tháng 3		x						Bộ TP	Quyết định số 745/QĐ-TTg ngày 10/4/2025
37	Nghị định thay thế Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	Tháng 11					x			Bộ TP	Ngày 08/4/2025, VPCP đã có văn bản số 946/VPCP-PL thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long đồng ý dừng xây dựng Nghị định
38	Chiến lược phát triển về lĩnh vực công chứng, điều kiện thành lập tổ chức hành nghề công chứng	Tháng 5					x			Bộ TP	Ngày 6/8/2025, VPCP đã có Công văn số 311/VPCP-PL giao Bộ Tư pháp tiếp tục nghiên cứu, xây dựng Chiến lược trình Chính phủ vào thời điểm thích hợp
39	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của	Tháng 6		x						Bộ TP	Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật										
40	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội được thông qua tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV	Tháng 7		x						Bộ TP	Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 14/7/2025
41	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, nghị quyết được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 và các dự án thuộc Chương trình năm 2026	Tháng 7		x						Bộ TP	Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24/10/2025
42	Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nuôi con nuôi	Tháng 9					x			Bộ TP	Ngày 14/8/2025, VPCP đã có công văn số 89/VPCP-PI, thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng chính phủ Lê Thành Long đồng ý với đề xuất của Bộ Tư pháp về việc dừng thực hiện nhiệm vụ
43	Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký, thống kê hộ tịch giai đoạn 2025 - 2030	Tháng 8	Tháng 11 ¹²⁷	x						Bộ TP	Tờ trình số 161/TTr-BTP ngày 28/11/2025
44	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết	Tháng 9					x			Bộ TP	Ngày 04/8/2025, VPCP có công văn số 7236/VPCP-PL thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng

¹²⁷ Công văn số 7182/VPCP-PL ngày 01/8/2025 của Văn phòng Chính phủ.

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và một số biện pháp bảo đảm thi hành Luật Trợ giúp pháp lý										Lê Thành Long đồng ý đưa ra khỏi Chương trình công tác năm 2025
45	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại	Tháng 9				x			Tháng 4/2026	Bộ TP	Lùi thời gian thực hiện theo Công văn số 8546/VPCP-PL ngày 11/9/2025 của Văn phòng Chính phủ
46	Đề án “Nâng cao vai trò, hiện đại hóa, phát triển trợ giúp pháp lý đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”	Tháng 9					x			Bộ TP	Ngày 07/10/2025, VPCP có Công văn số 606/VPCP-PL đồng ý đưa nhiệm vụ này ra khỏi Chương trình công tác năm 2025
47	Nghị định của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành	Tháng 10		x						Bộ TP	Nghị định số 285/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025
48	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành	Tháng 10		x						Bộ TP	Tờ trình số 136/TTr-BTP ngày 30/9/2025
49	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội được thông qua tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV	Tháng 12		x						Bộ TP	
50	Đề án “Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn 2025 - 2030”	Tháng 12					x			Bộ TP	Đã có Báo cáo số 707/BC-KTVB&QLXLVPHC ngày 05/8/2025 về việc thực hiện nhiệm vụ và đang nghiên cứu dừng thực hiện nhiệm vụ
51	Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng	Tháng 4		x						Bộ TP	Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
52	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ	Tháng 3		x						Bộ TC	Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11/02/2025
53	Đề nghị xây dựng Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) quy định trách nhiệm, cách thức thực hiện, thu thập, cập nhật, lưu giữ thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp	Tháng 5		x						Bộ TC	Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp
54	Nghị định quy định chi tiết Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư về thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BT	Tháng 5		x						Bộ TC	Nghị định số 257/2025/NĐ-CP ngày 08/10/2025 quy định chi tiết về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng xây dựng - chuyển giao
55	Nghị định sửa đổi Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê và Nghị định số 100/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê	Tháng 12		x						Bộ TC	Tờ trình số 1022/TTr-BTC ngày 30/12/2025
56	Nghị định sửa đổi/thay thế Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 và Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	Tháng 12		x						Bộ TC	

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
57	Tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ	Tháng 9		x						Bộ TC	Báo cáo số 933/BC-CP ngày 15/10/2025 của Chính phủ
58	Đề nghị xây dựng Luật Khu kinh tế, khu công nghiệp	Tháng 9				x				Bộ TC	Ngày 4/10/2025 Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà đã có ý kiến chỉ đạo tại văn bản số 9522/VPCP-CN đề nghị tiếp tục nghiên cứu, làm rõ một số nội dung và xác định rõ tiến độ trình trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI
59	Dự án Luật Cấp, thoát nước	Tháng 1								Bộ XD	Bộ Xây dựng chưa báo cáo
60	Dự án Luật Quản lý, phát triển đô thị	Tháng 2								Bộ XD	Bộ Xây dựng chưa báo cáo
61	Luật Tổ chức chính phủ (sửa đổi)	Tháng 1		x						Bộ NV	Luật số 63/2025/QH15
62	Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi)	Tháng 1		x						Bộ NV	Luật số 65/2025/QH15; Luật số 72/2025/QH15
63	Đề nghị xây dựng Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi)	Tháng 1		x						Bộ NV	Luật số 80/2025/QH15
64	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ	Tháng 5		x						Bộ NV	Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 03/6/2025
65	Nghị định quy định về mức hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng	Tháng 5		x						Bộ NV	Nghị định số 179/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025
66	Nghị định quy định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực lưu trữ	Tháng 11		x						Bộ NV	Tờ trình số 11085/TTr-BNV ngày 24/11/2025; 11865/BC-BNV ngày 10/12/2025
67	Nghị định quy định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo	Tháng 11					x			Bộ DT&TG	Đã có văn bản số 143/TTr-BĐTTG ngày 15/10/2025 trình Thủ tướng

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
											Chính phủ đề nghị đưa ra khỏi Chương trình công tác năm 2025
68	Nghị định về Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Tháng 9					x			Bộ TC	Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc đã có ý kiến chỉ đạo tại công văn số 10690/VPCP-KTTH ngày 04/11/2025 của VCCP đồng ý cho rút khỏi Chương trình công tác
69	Nghị định thay thế Nghị định số 03/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ về kinh doanh casino	Tháng 10			x					Bộ TC	
70	Nghị định thay thế Nghị định 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Chính phủ	Tháng 10					x		Quý I/2026	Bộ TC	Quyết định số 1738/QĐ-CHQ ngày 07/11/2025 về việc thành lập Tổ soạn thảo
71	Quyết định Danh mục tài sản cụ thể phải mua bảo hiểm cho rủi ro bão, lũ, lụt và lộ trình thực hiện	Tháng 12					x			Bộ TC	Văn bản số 8018/VPCP-KTTH ngày 26/8/2025 của VPCP
72	Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý	Tháng 12		x						Bộ TC	Tờ trình số 1064/TTr-BTC ngày 31/12/2025
73	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp	Tháng 11					x			Bộ TC	Thủ tướng Chính phủ đồng ý lùi thời gian trình Chính phủ vào tháng 5/2026 tại văn bản số 4462/VPCP-KTTH ngày 21/5/2025 của VPCP
74	Nghị định sửa đổi Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của	Tháng 12		x						Bộ TC	Đã có Tờ trình số 810/TTr-BTC ngày 03/11/2025

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải										
75	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tạm thời về quy trình, thủ tục hải quan và giám sát, kiểm soát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu thông minh	Tháng 12						x		Bộ TC	Văn bản số 11859/VPCP-KTTH ngày 02/12/2025 của VPCP
76	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ	Tháng 12		x						Bộ TC	Tờ trình số 982/TTr-BTC ngày 23/12/2025
77	Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước ¹²⁸	Tháng 9		x						Bộ TC	Tờ trình số 918/TTr-BTC ngày 04/12/2025
78	Đề án “Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật cạnh tranh đến năm 2030”	Tháng 12		x						Bộ CT	Tờ trình số 8854/TTr-BCT ngày 11/11/2025
79	Dự án Luật Hóa chất (sửa đổi)	Tháng 10		x						Bộ CT	Quốc hội đã ban hành Luật số 69/2025/QH15 ngày 14/6/2025

¹²⁸ Đã điều chỉnh nhiệm vụ từ lập đề nghị sang xây dựng Nghị định theo văn bản số 4462/VPCP-KTTH ngày 21/5/2025 của Văn phòng Chính phủ.

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
80	Nghị quyết của Chính phủ về Chương trình cắt giảm giấy phép tại bộ, ngành, địa phương và chuyển một số nhiệm vụ, hoạt động cấp phép cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội đảm nhiệm giai đoạn 2025-2030	Tháng 6		x						VPCP	Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026
81	Nghị quyết của Chính phủ về đổi mới toàn diện việc giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính	Tháng 6		x						VPCP	
82	Dự án Luật Báo chí (sửa đổi)	Tháng 10		x						Bộ VHTTDL	Quốc hội đã thông qua
83	Dự án Luật Công nghiệp công nghệ số	Tháng 8		x						Bộ KHCN	Luật số 71/2025/QH15 ngày 14/06/2025
84	Dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản	Tháng 12								Bộ VHTTDL	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chưa báo cáo
85	Đề nghị xây dựng Luật Bưu chính (sửa đổi)	Tháng 12			x					Bộ KHCN	Đang gửi lấy ý kiến dự thảo hồ sơ chính sách Luật Bưu chính
86	Nghị định sửa đổi Nghị định số 72/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại	Tháng 12			x					Bộ VHTTDL	Công văn của Bộ VHTTDL số 6443/BVHTTDL-TTCSTTDN ngày 26/11/2025 gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định
87	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia được sửa đổi, bổ sung một số điều theo các Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017, số 38/2021/QĐ-TTg ngày 29/12/2021 và số 15/2024/QĐ-TTg ngày 04/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ	Tháng 12		x						Bộ KHCN	Quyết định số 37/2025/QĐ-TTg ngày 03/10/2025

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
88	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định của Chính phủ để giao nhiệm vụ và quyền hạn cho Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thực hiện quản lý nhà nước	Tháng 6		x						Bộ KHCN	Các Tờ trình số 52/TTr-BKHCN ngày 09/6/2025; 97/TTr-BKHCN ngày 05/8/2025
89	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 9/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành	Tháng 12		x						Bộ KHCN	Tờ trình số 228/TTr-BKHCN ngày 05/11/2025
90	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật	Tháng 12		x						Bộ KHCN	Tờ trình số 192/TTr-BKHCN ngày 15/10/2025
III	Nhóm nhiệm vụ về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp										
91	Đề án “Chiến lược phát triển nguồn nhân lực đến năm 2030, tầm nhìn 2050”	Tháng 12				x			2026	Bộ GDĐT	- Tại văn bản số 4425/VPCP-KGVX ngày 20/5/2025 của VPCP, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long đồng ý giao Bộ GDĐT chủ trì

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
											- Bộ GDĐT đã có Tờ trình số 2116/Tr-BGDĐT ngày 27/11/2025 trình Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long về việc xin điều chỉnh thời gian hoàn thành nhiệm vụ sang năm 2026.
92	Chương trình bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2035	Tháng 6		x						Bộ GDĐT	Tại văn bản số 11139/VPCP-KGVX ngày 13/11/2025 của VPCP, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long đồng ý lồng ghép vào “Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2035” và được Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV
93	Dự án Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	Tháng 2		x						Bộ KHCN	Luật số 93/2025/QH15 ngày 27/06/2025
94	Dự án Luật năng lượng nguyên tử (sửa đổi)	Tháng 4		x						Bộ KHCN	Luật số 94/2025/QH15 ngày 27/06/2025
95	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tháng 2		x						Bộ KHCN	Luật số 78/2025/QH15 ngày 18/06/2025
96	Nghị định về thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ	Tháng 4		x						Bộ KHCN	Nghị định số 271/2025/NĐ-CP ngày 15/10/2025
97	Đề án khung pháp lý về phát triển sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh	Tháng 12					x			Bộ KHCN	Văn bản số 6646/BKH-CN-CN ngày 13/11/2025 báo cáo TTgCP cho phép dừng xây dựng đề án

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
98	Nghị định quy định một số nội dung về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo	Tháng 6					x			Bộ KHCN	Nội dung đã được bao hàm trong Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025
99	Kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 12		x						Bộ KHCN	Quyết định số 2736/QĐ-TTg ngày 17/12/2025
100	Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược	Tháng 5		x						Bộ KHCN	Tờ trình số 90/TTr-BKHCN ngày 31/7/2025
101	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục Công nghệ chiến lược	Tháng 5		x						Bộ KHCN	Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12/6/2025z
102	Đề án rà soát, điều chỉnh Quy hoạch các tổ chức khoa học công nghệ công lập; tổ chức đánh giá, sáp nhập giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoạt động không hiệu quả để tập trung đầu tư có trọng tâm trọng điểm cho các tổ chức mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo; đầu tư năng lực cho các tổ chức nghiên cứu phát triển công lập	Tháng 9		x						Bộ KHCN	Tờ trình số 116/TTr-BKHCN ngày 29/8/2025
IV	Nhóm nhiệm vụ về phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân										
103	Nghị định quy định về khuyến khích phát triển văn học	Tháng 6		x						Bộ VH TTDL	Tờ trình số 459/TTr-BVHTTDL về việc tiếp thu, giải trình ý kiến đối với dự thảo Nghị định
104	Nghị định quy định về phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị	Tháng 12			x					Bộ VH TTDL	Đang tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp
105	Nghị định thay thế Nghị định số 152/NĐ-CP quy định một số chế độ đối với huấn	Tháng 12		x						Bộ VH TTDL	Tờ trình số 548/TTr-BVHTTDL ngày 03/12/2025

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu										
106	Chương Trình phát triển các môn thể thao trọng điểm chuẩn bị tham dự các kỳ Olympic, ASIAD giai đoạn 2026-2046	Tháng 12		x						Bộ VHTTDL	Tờ trình số 557/TTr-BVHTTDL ngày 03/12/2025
107	Đề án tổ chức Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026	Tháng 12		x						Bộ VHTTDL	QĐ số 2676/QĐ-BVHTTDL ngày 01/8/2025
108	Quyết định sửa đổi bổ sung Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 và Quyết định số 64/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn	Tháng 9					x			Bộ NNMT	Đang dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị không triển khai xây dựng Quyết định để lồng ghép vào các chính sách đã có hoặc đang xây dựng theo ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp
109	Tổng kết thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; đề xuất nội dung, kinh phí thực hiện Chương trình giai đoạn II từ năm 2026 đến năm 2030	Tháng 9		x						Bộ DTTG	- Tờ trình số 2091/TTr-DTTG ngày 24/9/2025 - Báo cáo số 901/BC-CP ngày 10/10/2025
110	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn II từ năm 2026 đến năm 2030	Tháng 10		x						Bộ DTTG	- Văn bản số 560/VPCP-TH ngày 17/10/2025 của VPCP thông báo Kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình về việc hợp nhất các CTMTQG: Xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS & MN.

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
											- Đã cung cấp đầy đủ thông tin về Chương trình gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp chung vào dự thảo Báo cáo của Chính phủ đề xuất chủ trương đầu tư CTMTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS & MN và miền núi giai đoạn 2026-2035. Ngày 11/12/2025 Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư Chương trình.
111	Nghị định về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 ¹²⁹	Tháng 10		x						Bộ DTTG	Nghị định số 255/2025/NĐ-CP ngày 29/9/225
112	Đề án sửa đổi, bổ sung Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 bảo đảm vững chắc mức sinh thay thế của quốc gia	Tháng 12		x						Bộ YT	Đã có văn bản xin ý kiến các bộ, ngành và địa phương. Đang tiếp tục hoàn thiện dự thảo Đề án
113	Đề án nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, phòng ngừa có hiệu quả dịch bệnh, bảo đảm an ninh y tế	Tháng 12		x						Bộ YT	Tờ trình số 1994/TTr-BYT ngày 29/12/2025
114	Đề án quản lý sức khỏe toàn dân	Tháng 12					x			Bộ YT	Tờ trình số 02/TTr-BYT ngày 0/01/2026
115	Nghị định quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030	Tháng 6		x						Bộ NNMT	Các Tờ trình: số 90/TTr-BNNMT ngày 18/6/2025; số 170/TTr-BNNMT ngày 29/9/2025

¹²⁹ Nhiệm vụ Đề án xây dựng Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 (tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025)

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
116	Nghị định quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động	Tháng 10		x						Bộ NV	Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025
117	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm	Tháng 9			x				Theo tiến độ tại Nghị định của Chính phủ	Bộ NNMT	Đã dự thảo Quyết định, sau khi Chính phủ ban hành Nghị định quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030, Bộ NN&MT sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định
118	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động	Tháng 11		x						Bộ NV	Tờ trình số 12408/TTr-BNV ngày 22/12/2025
119	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động	Tháng 11		x						Bộ NV	Tờ trình số 12507/TTr-BNV ngày 23/12/2025
120	Chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 6		x						Bộ YT	Quyết định số 383/QĐ-TTg ngày 21/2/2025
121	Nghị định quy định về tổ chức, hoạt động và quy trình thanh tra chuyên ngành Lao động – Thương binh và Xã hội	Tháng 12		x						Bộ NV	Theo Luật Thanh tra sửa đổi, hệ thống thanh tra sẽ được sắp xếp lại, kết thúc hoạt động Thanh tra Bộ từ ngày 1/7/2025, chuyển cán bộ, tài chính, tài sản về Thanh tra Chính phủ (TTCP) để tổ chức lại theo 2 cấp.

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
122	Đề án xây dựng và công bố mức sống tối thiểu hằng năm làm căn cứ xác định các chuẩn chính sách xã hội	Tháng 11		x						Bộ TC	Tờ trình số 889/TTr-BTC ngày 28/11/2025
123	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc	Tháng 5		x						Bộ NV	Nghị định số 158/2025/NĐ-CP ngày 25/6/2025
124	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện	Tháng 5		x						Bộ NV	Nghị định số 159/2025/NĐ-CP ngày 25/6/2025
125	Nghị định quy định trình tự, thủ tục thành lập, chế độ làm việc, trách nhiệm, kinh phí hoạt động và bộ máy giúp việc của Hội đồng quản lý quỹ bảo hiểm xã hội	Tháng 5		x						Bộ NV	Nghị định số 197/2025/NĐ-CP ngày 7/7/2025
126	Nghị định quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm	Tháng 5		x						Bộ NV	Nghị định số 164/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025
127	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp; khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội và quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội	Tháng 5					x		Quý II/2026	Bộ NV	- Nghị định số 274/2025/NĐ-CP ngày 25/10/2025 quy định một số điều của Luật BHXH về chậm đóng, trốn đóng BHXH bắt buộc, BHTN; khiếu nại, tố cáo về BHXH. - Tờ trình số 749/TTr-BNV ngày 28/3/2025 về tình hình xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17/1/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, BHXH, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
											hợp đồng. Ngày 15/4/2025, VPCP có Công văn số 3196/VPCP-KGVX thông báo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ đồng ý lùi thời gian trình Chính phủ của Nghị định sang quý II năm 2026.
128	Quyết định phê duyệt Chương trình Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2026-2030	Tháng 12				x			Tháng 01/2026	Bộ NV	Ngày 11/12/2025, Bộ Nội vụ đã có Tờ trình số 11909/TTr-BNV đề nghị lùi thời hạn trình nội dung này sang tháng 01/2026.
V	Nhóm nhiệm vụ về ứng phó với biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường										
129	Quyết định phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho năm 2025-2026	Tháng 11		x						Bộ NNMT	Phiếu trình số 219/TTr-BNNMT ngày 27/11/2025
130	Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ liên tỉnh khu vực Trung Bộ	Tháng 12					x			Bộ NNMT	Đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại văn bản số 9071/VPCP-NN ngày 24/9/2025
131	Đề án bảo vệ môi trường vùng kinh tế trọng điểm miền Trung giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2035	Tháng 11					x			Bộ NNMT	Đề nghị rút khỏi danh mục nhiệm vụ tại văn bản số 1315/BNNMT-KHTC ngày 21/4/2025
132	Chương trình bảo vệ môi trường các di sản thiên nhiên	Tháng 9				x				Bộ NNMT	Bộ NNMT đã trình Thủ tướng Chính phủ thay đổi cấp phê duyệt, ban hành Chương trình (Công văn số 7532/BNNMT-BTTN ngày 06/10/2025). Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
											Công văn số 10081/VPCP-NN, Bộ NNMT đã hoàn thiện hồ sơ Chương trình để thẩm định, phê duyệt
133	Kế hoạch hành động quốc gia về khắc phục ô nhiễm và quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2025-2030 ¹³⁰	Tháng 11		x						Bộ NNMT	Đã trình TTgCP tại các Tờ trình: số 134/TTr-BNNMT ngày 19/8/2025 và số 195/TTr-BNNMT ngày 27/10/2025
134	Đề án thành lập tổ chức lưu vực sông	Tháng 11		x						Bộ NNMT	Đã trình TTgxCp tại Tờ trình số 203/TTr-BNNMT ngày 03/11/2025
135	Điều tra, phân loại và lập danh mục các nguồn nước mặt sông liên tỉnh bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt trên phạm vi toàn quốc	Tháng 11					x			Bộ NNMT	Đề nghị rút khỏi danh mục nhiệm vụ tại văn bản số 1315/BNNMT-KHTC ngày 21/4/2025
136	Kiểm kê nguồn lực tài nguyên thiên nhiên giai đoạn 2021-2025	Tháng 11			x					Bộ NNMT	Hoàn thiện dự thảo lần 2
137	Đề án phát triển khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á và là động lực phát triển của vùng	Tháng 12			x					Bộ NNMT	Đã tiếp thu ý kiến góp ý của tỉnh Quảng Ninh và TP. Hải Phòng; đang hoàn thiện Đề án
138	Đề án khắc phục ô nhiễm không khí tại các đô thị	Tháng 11		x						Bộ NNMT	Đã đề nghị gộp nhiệm vụ “Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2026 - 2030” và Nhiệm vụ “Đề án khắc phục ô nhiễm không khí tại các đô thị” thành Nhiệm vụ “Kế hoạch hành động quốc gia về khắc phục ô nhiễm và quản lý

¹³⁰ Nhiệm vụ Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2026-2030 (Tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025)

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
											chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2025–2030
139	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước	Tháng 6						x	Năm 2028	Bộ NNMT	Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà đồng ý lùi thời gian xây dựng Nghị định để đồng bộ với tiến độ sửa đổi, bổ sung Luật Thủy lợi và các pháp luật có liên quan, dự kiến trình Chính phủ vào năm 2028 tại Công văn số 10616/VPCP-NN ngày 03/11/2025 của VPCP
140	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030	Tháng 12		x						Bộ NNMT	Ngày 11/12/2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình
141	Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2026-2030	Tháng 12		x						Bộ NNMT	Tờ trình số 237/TTr-BNNMT ngày 18/12/2025
142	Tổng kết, đánh giá Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025, đề xuất xây dựng Chương trình giai đoạn 2026-2030 ¹³¹	Tháng 9		x						Bộ NNMT	Đã có văn bản số 7736/BNNMT-LNKL ngày 10/10/2025 gửi Thủ tướng Chính phủ
143	Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 12			x					Bộ NNMT	- Đã gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương. - Đang tổng hợp ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương.
144	Nghị định về chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng	Tháng 12		x						Bộ NNMT	Tờ trình 236/TTr-BNNMT ngày 17/12/2025
145	Đề án Phát triển nuôi trồng thủy sản trên hồ chứa giai đoạn 2025-2030	Tháng 12			x					Bộ NNMT	Đang tiến hành tổ chức hội thảo đồng thời gửi công văn tới địa phương xin ý kiến, báo cáo tổng

¹³¹ Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2026-2030 (tại Nghị quyết số 01/NQ-CP)

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
											hợp; tổ chức hội đồng nghiệm thu và báo cáo Bộ, trình báo cáo Thủ tướng Chính phủ
146	Đề án Phòng, chống sạt lở, lũ ống, lũ quét miền Trung và miền núi phía bắc	Tháng 6		x						Bộ NNMT	Đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 108/TTr-BNNMT ngày 03/7/2025.
147	Đề án Phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long	Tháng 1		x						Bộ NNMT	Tờ trình số 525/TTr-BNN-DD ngày 16/01/2025
VI	Nhóm nhiệm vụ về phát triển liên kết vùng, công tác quy hoạch, nâng cao chất lượng đô thị hoá và kinh tế đô thị										
148	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Hồng - Thái Bình thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 6		x						Bộ NNMT	- Tờ trình số 160/TTr-BNNMT ngày 09/9/2025 (lần 1); Tờ trình số 210/TTr-BNNMT ngày 17/11/2025 (lần 2). - Hiện đang tiếp thu, bổ sung theo yêu cầu của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà tại văn bản số 10195/VPCP-NN ngày 21/10/2025 của VPCP
149	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 6		x						Bộ NNMT	Quyết định số 2307/QĐ-TTg ngày 17/10/2025
150	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 9					x			Bộ NNMT	Đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại văn bản số 9071/VPCP-NN ngày 24/9/2025

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
151	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Trà Khúc thời kỳ 2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 10					x			Bộ NNMT	Đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại văn bản số 9071/VPCP-NN ngày 24/9/2025
152	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn thời kỳ 2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 11					x			Bộ NNMT	
153	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Ba thời kỳ 2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 11					x			Bộ NNMT	
154	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Kôn - Hà Thanh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 11						x		Bộ NNMT	Đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại văn bản số 9071/VPCP-NN ngày 24/9/2025
155	Sơ kết 02 năm thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh 6 vùng kinh tế - xã hội	Tháng 2		x						Bộ TC	văn bản số 1146/BKHĐT-KTĐPLT ngày 14/02/2025 báo cáo Thủ tướng Chính phủ
156	Sơ kết 03 năm việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa	Tháng 5		x						Bộ TC	Báo cáo số 914/BC-CP ngày 13/10/2025 của Chính phủ
157	Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng	Tháng 6		x						Bộ TC	Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025
158	Sơ kết 03 năm việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Tháng 9		x						Bộ TC	Báo cáo số 946/BC-CP ngày 17/10/2025 của Chính phủ

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
159	Nghị định hướng dẫn Nghị quyết về tổ chức chính quyền đô thị của thành phố Hải Phòng	Tháng 9		x						Bộ NV	Thực hiện chủ trương sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp nên nội dung này thực hiện cùng với việc sắp xếp chính quyền địa phương
160	Phân định ranh giới quản lý biển, đảo đối với 28 tỉnh, thành phố có biển	Tháng 12				x			Năm 2026	Bộ NV	Tờ trình số 11909/TTr-BNV ngày 11/12/2025 đề nghị lùi thời hạn trình nội dung này sang năm 2026
161	Nghị định quy định chi tiết Luật Thủ đô quy định về quản lý, sử dụng không gian ngầm	Tháng 4								Bộ XD	Bộ Xây dựng chưa báo cáo
162	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn	Tháng 4								Bộ XD	Bộ Xây dựng chưa báo cáo
163	Nghị định quy định chi tiết về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước tại đô thị và nông thôn	Tháng 4								Bộ XD	Bộ Xây dựng chưa báo cáo
164	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố điều chỉnh cục bộ quy hoạch đối với quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ mà do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập	Tháng 4								Bộ XD	Bộ Xây dựng chưa báo cáo
165	Chương trình quốc gia về cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị và phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị giai đoạn 2026-2030	Tháng 11				x				Bộ XD	Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản số 9748/VPCP-CN ngày 10/10/2025 chấp thuận đề xuất điều chỉnh thời gian thực hiện sang giai đoạn 2026-2030.
166	Đề án xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh	Tháng 12				x				Bộ XD	Thủ tướng Chính phủ có văn bản số 10067/VPCP-CN ngày 17/10/2025 chấp thuận đề xuất

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	gắn với phát triển khu du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu										điều chỉnh thời gian thực hiện sang giai đoạn 2026-2030
167	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Xây dựng quản lý (thay thế Quyết định 62/QĐ-TTg ngày 31/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ)	Tháng 9								Bộ XD	Bộ Xây dựng chưa báo cáo
III	Nhóm nhiệm vụ về hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính										
168	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng	Tháng 6		x						Bộ NV	Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025
169	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 về tinh giản biên chế	Tháng 5		x						Bộ NV	Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025
170	Nghị quyết của Quốc hội giải quyết vướng mắc, phát sinh trong các quy định của pháp luật liên quan đến sắp xếp, tổ chức bộ máy	Tháng 1		x						Bộ TP	Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025
171	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia, Kho bạc Nhà nước (sửa đổi phần nội dung	Tháng 12		x						Bộ TC	Tờ trình số 950/TTr-BTC ngày 12/12/2025

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
	liên quan đến lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công)										
VIII	Nhóm nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh										
172	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2018/ND-CP ngày 30/5/2018 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại đơn vị lực lượng vũ trang	Tháng 9						x		Bộ TC	TTgCP đã có văn bản số 9680/VPCP-KTTH ngày 08/10/2025 đồng ý rút nhiệm vụ khỏi Chương trình công tác năm 2025
173	Dự án Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân	Tháng 5		x						Bộ Công an	Luật số 91/2025/QH15 có hiệu lực từ 01/01/2026
174	Nghị định quy định biện pháp Ngoại giao bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội	Tháng 3		x						Bộ Công an	Nghị định số 13/2025/NĐ-CP ngày 06/8/2025
175	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Tháng 4		x						Bộ Công an	Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025
176	Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Tháng 4		x						Bộ Công an	Nghị định số 106/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025
177	Nghị định quy định về quỹ phát triển dữ liệu quốc gia	Tháng 4		x						Bộ Công an	Nghị định 160/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025
178	Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung danh mục chất ma túy và tiền chất bán hành kèm theo Nghị định số 57/2022 của Chính phủ quy định danh mục chất ma túy và tiền chất	Tháng 11						x		Bộ Công an	Đang trình TTgCP xây dựng Nghị định mới, không sửa đổi, bổ sung Nghị định số 57/2022/NĐ-CP
179	Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030	Tháng 12						x		Bộ Công an	Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 13/3/2025 ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày

TT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành		Kết quả thực hiện năm 2025						Cơ quan chủ trì	Ghi chú
		Theo quy định tại các NQ số 01/NQ-CP và số 154/NQ-CP	Theo quy định tại văn bản khác của Chính phủ	Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành				Thời gian dự kiến hoàn thành		
					Giải thích tiến độ thực hiện đối với các nội dung chưa hoàn thành hoặc hoàn thành chậm tiến độ						
					Đang triển khai	Lùi thời gian	Rút khỏi Chương trình	Nguyên nhân khác			
											27/11/2024 của QH phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình
180	Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu	Tháng 4		x						Bộ Công an	Nghị định 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025
IX	Nhóm nhiệm vụ về công tác đối ngoại										
18	Triển khai chương trình đối ngoại của các đồng chí Lãnh đạo chủ chốt	Tháng 12		x						Bộ NG	Báo cáo số 5586/BC-BNG-CSDN-m ngày 17/12/2025
182	Xây dựng Chương trình/Kế hoạch triển khai Ngoại giao công nghệ	Tháng 12		x						Bộ NG	Quyết định số 3772/QĐ-BNG ngày 21/10/2025
183	Tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh P4G năm 2025 tại Việt Nam	Tháng 4		x						Bộ NG	Báo cáo số 2107/BC-BNG-NGKT-m ngày 21/5/2025
184	Tổ chức Hội nghị Bộ trưởng UNCTAD lần thứ 16	Tháng 10		x						Bộ NG	Tờ trình số 204-TTr/ĐU-NGKT-m ngày 13/6/2025 về chủ trương tổ chức Hội nghị. Công văn số 15431-CV/VPTW ngày 16/6/2025 thông báo ý kiến của Thường trực Ban Bí thư.
X	Nhóm nhiệm vụ về công tác truyền thông, dân vận, tạo đồng thuận xã hội										
185	Chiến lược/Chương trình truyền thông quảng bá hình ảnh Việt Nam ra nước ngoài	Tháng 7		x						Bộ VH-TTDL	Tờ trình số 395/TTr-BVHTTDL ngày 17/9/2025 trình Thủ tướng Chính phủ
186	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2021/QĐ-TTg ngày 18/12/2021 của Chính phủ về mạng Bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước	Tháng 9		x						Bộ KHCN	Quyết định số 32/2025/QĐ-TTg ngày 08/9/2025